

Chương VI

CÁC TỔ CHỨC CHUYÊN MÔN CỦA LIÊN HỢP QUỐC

I. CÁC TỔ CHỨC CHUYÊN MÔN TRONG LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP, NÔNG NGHIỆP, THƯƠNG MẠI VÀ NĂNG LƯỢNG.

a. Tổ chức Phát triển Công nghiệp của LHQ

Tổ chức Phát triển Công nghiệp của LHQ (tiếng Anh là United Nations Industrial Development Organization (UNIDO) được thành lập ngày 01/01/1967 theo tinh thần Nghị quyết số 2089 và 2152 (XXI) của Đại hội đồng LHQ. Điều lệ của UNIDO đóng tại Viên (Áo). UNIDO có 170 nước thành viên.

UNIDO là tổ chức chuyên môn thực hiện việc điều phối các hoạt động công nghiệp của hệ thống LHQ và xúc tiến hợp tác phát triển công nghiệp. UNIDO theo đuổi các mục đích cơ bản là hỗ trợ và đẩy mạnh phát triển công nghiệp trong các nước đang phát triển; tăng cường, thúc đẩy việc phát triển và hợp tác công nghiệp trên phạm vi toàn cầu trong các khu vực.

Các cơ quan chính của UNIDO gồm Đại hội đồng, Ban Phát triển công nghiệp, Ủy ban Ngân sách và Chương trình.

Đại hội đồng là cơ quan cao nhất của UNIDO. Các khóa họp thường kỳ của Đại hội đồng được tổ chức từng hai năm một với sự tham gia của đại diện tất cả các thành viên.

Ban Phát triển công nghiệp là cơ quan thường trực của UNIDO với 53 ủy viên. Các ủy viên của Ban Phát triển do Đại hội đồng bầu ra trên cơ sở bảo đảm đại diện cân bằng các khu vực địa lý, trong số đó có 33 đại diện cân bằng các khu vực địa lý, trong số đó có 33 đại diện của các nước đang phát triển, 15 đại diện các nước Tây Âu và 5 đại diện cho Đông Âu.

Các ủy viên của Ban Phát triển Công nghiệp hiện nay là:

An-giê-ri

Trung Quốc

Iran

Úc

Cô-lôm-bia

I-rơ-len

Ác-hen-ti-na	Cốt-đi-voa	
I-ta-lia	Nhật Bản	
Bê-la-rút	Crôa-tia	Cô Oét
Bỉ	Cuba	
Bungari	Ê-quia-đo	Le-xô-tô
Buốc-ki-na Pha-xô	Ai cập	Li-bi
Chilê	Ê-ti-ô-pia	Lúc-xăm-bua
Thụy Điển	Pháp	
Thụy Sĩ	Đức	Ma-đa-ga-xca
Xiri	Ga-na	Mê-hi-cô
Thái Lan	Gua-tê-ma-la	Ma-rốc
Tug-ni-gia	Ấn Độ	
Thổ Nhĩ Kỳ	In-đô-nê-xi-a	Na Uy
Anh		Pa-ki-xtan
U-ru-guay		Pê-ru
		Ba Lan
		Bồ Đào Nha
		Hàn Quốc
		Nga
		Ả rập Xê-út
		Tây Ban Nha
		Sri-lan-ca
		Xu-đan

Ủy ban Ngân sách và Chương trình của UNIDO có 27 uỷ viên do Đại hội đồng bầu ra với nhiệm kỳ 2 năm.

UNIDO có 8 Vụ hoạt động tại trụ sở là Vụ Nghiên cứu và Thông tin, Vụ Phát triển công nghiệp và nguồn nhân lực, Vụ Môi trường các ngành công nghiệp, Vụ Xúc tiến đầu tư và công nghệ, Vụ Phát triển chiến lược quốc gia và Chương trình, Vụ Quản lý vận động các nguồn vốn tài chính, Vụ về Hỗ trợ điều hành và Vụ về Tổ chức hành chính Bộ máy ở trung tâm có khoảng 350 viên chức làm việc. Người đứng đầu UNIDO là Tổng Giám đốc với nhiệm kỳ 4 năm một. Tổng Giám đốc đương nhiệm của UNIDO là ông Các-lốt Ma-ga-ri-nô (Ác-hen-ti-na).

Với với trò là tổ chức chuyên môn tư vấn về lĩnh vực phát triển công nghiệp của LHQ, UNIDO đã hỗ trợ các nước đang phát triển, tạo diễn đàn trao đổi, thương lượng giữa các nước phát triển và đang phát triển trong việc thúc đẩy đầu tư và chuyển giao công nghệ. Trong hoạt động của mình,

UNIDO tôn trọng và dựa vào chiến lược phát triển của các nước có tính đến các yếu tố xã hội, kinh tế, nhân lực, bảo vệ môi trường v.v...

Trong giai đoạn hiện nay UNIDO ưu tiên 5 lĩnh vực là giúp các nước đang phát triển về chiến lược và chính sách phát triển công nghiệp, nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm; hỗ trợ sự phát triển và các ngành công nghiệp một cách hài hòa, trong đó chú trọng phát triển ngành công nghiệp vừa và nhỏ, phát triển công nghiệp ở các vùng nông thôn; tăng cường hỗ trợ nguồn nhân lực thông qua các chương trình đào tạo kỹ thuật, nghiên cứu và quản lý; thực hiện hợp tác quốc tế về chuyển giao công nghiệp qua đầu tư nước ngoài và thúc đẩy việc bảo vệ môi trường trong các ngành công nghiệp. UNIDO có các Văn phòng dịch vụ hỗ trợ đầu tư và các Văn phòng thực địa với khoảng 950 viên chức, chuyên gia, cố vấn làm việc.

Ngân quỹ của UNIDO có các nguồn khác nhau như đóng góp của các nước thành viên và đóng góp tự nguyện.

Việt Nam tham gia UNIDO từ năm 1977, UNIDO đã tham gia thực hiện các dự án thông qua sự tài trợ của UNDP từ tài khóa I (1977-1981) đến tài khóa IV (1992-1996) với tổng số tiền là 70 triệu đôla Mỹ⁽¹⁾.

b. Tổ chức Nông nghiệp và Lương thực của LHQ

Tổ chức Nông nghiệp và Lương thực của LHQ (tiếng Anh là Food and Agriculture Organization - FAO) được thành lập ngày 16-10-1945. Trụ sở của FAO đặt tại Rô-ma (I-ta-li-a). Hiện nay có 180 quốc gia và EU là thành viên.

FAO theo đuổi mục tiêu nâng cao dinh dưỡng và mức sống, tăng cường sản xuất, chế biến, thị trường và phân phối các sản phẩm nông nghiệp và thực phẩm; khuyến khích phát triển nông thôn và nâng cao điều kiện sống của người dân nông thôn, giảm nạn đói.

Để đạt mục tiêu đó FAO tiến hành thu thập, phân tích các thông tin về lương thực, nông nghiệp và dinh dưỡng khắp thế giới, thực hiện vai trò là diễn đàn quốc tế, cung cấp tư vấn về chính sách, khuyến khích và hỗ trợ kỹ thuật cho các thành viên.

⁽¹⁾ Theo cuốn Các tổ chức quốc tế và Việt Nam NXB chính trị quốc gia, Hà Nội 1999 thì tình hình cụ thể phân bổ như sau:

Tài khóa I (1977-1981): 10,5 triệu đôla Mỹ

Tài khóa II (1982-1986): 11,7 triệu đôla Mỹ

Tài khóa III (1987-1991): 36,4 triệu đôla Mỹ

Tài khóa IV (1992-1996): 11,4 triệu đôla Mỹ

Các cơ quan chính của FAO là Hội nghị chung, Hội đồng và Ban Thư ký.

Hội nghị chung là cơ quan cao nhất của FAO gồm đại diện của 181 thành viên. Các khóa họp thường kỳ của FAO được tổ chức hai năm một lần. Chức năng của Hội nghị là quyết định chính sách của FAO, thông qua ngân sách và các kiến nghị đối với các thành viên và các tổ chức quốc tế về những vấn đề liên quan đến mục đích của FAO. Hội nghị cũng bầu các uỷ viên của Hội đồng.

Hội đồng gồm 49 uỷ viên do Hội nghị bầu ra với nhiệm kỳ 2 năm. Các uỷ viên của Hội đồng năm 2000 gồm:

Ác-hen-ti-na	Đức	Mê-hi-cô
Úc	Hy Lạp	Ma-rốc
Áo	Gua-tê-ma-la	Na-mi-bi-a
Băng-la-đét	Hung-ga-ri	Ni-giê-ri-a
Bắc-ba-đốt	Ai-len	Pa-ki-stan
Bra-xin	Ấn Độ	Pa-ra-guay
Buốc-ki-na Pha-xô	In-đô-nê-xi-a	Ba Lan
Ca-mơ-run	I-ran	Qua-ta
Ca-na-đa	I-ta-li-a	A-rập Xê-út
Chi-lê	Nhật Bản	Xê-nê-gan
Trung Quốc	Hàn Quốc	Tây-ban-nha
Cu-ba	Kô-oét	Xy-ri
Ai-cập	Lê-xô-tô	Thái Lan
E-ri-tơ-ri-a	Ma-đa-ga-xca	Anh
E-ti-ô-pi-a		
Pháp	Ma-lai-xi-a	Mỹ
Ga-bon	Mô-ri-ta-ni	Vê-nê-du-ê-la

Ban Thư ký do Tổng Giám đốc đứng đầu với 2300 viên chức làm việc ở Trung tâm. Ngoài ra FAO có hơn 2000 người làm việc ở các dự án. Ngân sách của FAO trong tài khóa 1998-1999 là 650 triệu đôla Mỹ.

FAO tiến hành các Chương trình trợ giúp các nước qua các dự án của UNDP. Trong các dự án này FAO là cơ quan điều hành đồng thời cung cấp hỗ trợ kỹ thuật và chuyên gia cho dự án. Đồng thời FAO tiến hành Chương trình hợp tác kỹ thuật (TCP) từ nguồn vốn do Chương trình thường kỳ (chiếm khoảng 12% ngân sách của chương trình). Qua Chương trình hợp tác kỹ thuật FAO cung cấp chuyên gia, dịch vụ tư vấn và một số thiết bị quan trọng. FAO có Quỹ uỷ thác từ nguồn viện trợ của các Chính phủ và các tổ

chức trên thế giới. Ngân sách của FAO trong tài khóa 1998-1999 là 650 triệu đôla Mỹ.

Việt Nam là thành viên của FAO. FAO đã giúp Việt Nam thực hiện trên 100 dự án lập chính sách và chuyển giao công nghệ, kỹ thuật trị giá trên 100 triệu đôla Mỹ trong các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, an ninh lương thực v.v... Trong khuôn khổ hợp tác khu vực, FAO đã giúp Việt Nam tham gia 24 dự án khác. Trong những năm gần đây hợp tác giữa Việt Nam và FAO có một bước phát triển mới. Các hiệp định hợp tác 3 bên giữa Việt Nam - FAO - Xê-nê-gan cũng như giữa Việt Nam - FAO - Bê-nanh đã được ký kết.

c. Tổ chức Thương mại thế giới.

Tổ chức Thương mại thế giới (tiếng Anh là World Trade Organization-WTO) được thành lập vào ngày 01/01/1995. Tuy WTO mới ra đời vào những năm cuối của thế kỷ 20, nhưng lịch sử hình thành của Tổ chức được thai nghén cách đây hơn 50 năm. Tiền thân của WTO chính là Tổ chức Hiệp định chung về thuế quan và mậu dịch (GATT) được thành lập tạm thời sau chiến tranh thế giới thứ hai. Sau đó 23 nước trong tổng số 50 nước thành viên ban đầu của GATT đã nhất trí về dự thảo Hiến chương của Tổ chức Thương mại quốc tế (tiếng Anh là International Trade Organization - ITO). Cuối tháng 3 năm 1948, Hội nghị về thương mại và việc làm của LHQ tổ chức tại Ha-va-na đã thông qua Hiến chương của ITO. Do Quốc hội một số nước không có hiệu lực và GATT trở thành công cụ đa phương duy nhất điều chỉnh thương mại quốc tế từ năm 1948 đến năm 1994.

Về mặt thể chế GATT là một loạt các qui định Hiệp định đa phương, không có cơ cấu tổ chức, chỉ có một Ban Thư ký nhỏ gắn với mục đích ban đầu là cố gắng thành lập một tổ chức thương mại quốc tế. GATT hoạt động trên cơ sở tạm thời. GATT đã có những đóng góp to lớn vào việc thúc đẩy và đảm bảo thuận lợi hóa, tự do hóa thương mại quốc tế và tập hợp đến 123 bên ký kết.

Tuy nhiên các bên ký kết thấy hệ thống GATT cần phải được cải tiến để thúc đẩy hoạt động thương mại quốc tế một cách có hiệu quả hơn. Điều đó dẫn đến 8 vòng đàm phán phức tạp kéo dài trong suốt thời gian tồn tại của GATT. Đó là các vòng đàm phán Giơ-ne-vơ (1947), vòng đàm phán Annecy (1949), vòng đàm phán Torquay (1951), vòng đàm phán Giơ-ne-vơ (1960-1961) đều bàn về vấn đề thuế, vòng đàm phán Ken-nơ-đi ở Giơ-ne-vơ (1964-1967) về vấn đề thuế và các biện pháp chống phá giá, vòng đàm phán Tô-ky-ô ở Giơ-ne-vơ (1973-1979) về vấn đề thuế, các biện pháp phi thuế quan và các hiệp định khung, vòng đàm phán U-ru-goay ở Giơ-ne-vơ bàn về nhiều vấn đề khác

nhau như thuế quan, các biện pháp phi thuế quan, các nguyên tắc, các dịch vụ, đầu tư, các quyền sở hữu trí tuệ, giải quyết tranh chấp hàng dệt may, nông nghiệp, thành lập WTO. Tính đến ngày 30-4-2000 WTO có 130 nước thành viên, với ngân sách trong năm 2000 là 127 triệu phò-răng Thụy Sĩ.

WTO thừa nhận các mục tiêu của GATT là quan hệ giữa các nước thành viên trong thương mại và kinh tế được tiến hành nhằm nâng cao mức sống, bảo đảm tạo đầy đủ việc làm, tăng trưởng vững chắc thu nhập và nhu cầu thực tế, phát triển sử dụng các nguồn lực của thế giới, mở rộng sản xuất và trao đổi hàng hóa.

WTO thực hiện các chức năng cơ bản sau đây:

- Tạo thuận lợi cho việc thực thi, quản lý và tiến hành các mục tiêu của Hiệp định này và các hiệp định thương mại đa phương cũng như các Hiệp định đa phương khác;
- Tạo diễn đàn đàm phán giữa các nước thành viên về quan hệ thương mại giữa các nước này về các vấn đề được nêu trong các hiệp định và thực hiện kết quả các cuộc đàm phán đó;
- Giải quyết tranh chấp giữa các nước thành viên trên cơ sở qui định và thủ tục giải quyết tranh chấp;
- Thực hiện rà soát chính sách thương mại thông qua cơ chế rà soát chính sách thương mại;
- Đạt được một sự nhất quán hơn nữa trong việc hoạch định chính sách thương mại toàn cầu.

Hoạch định của WTO dựa trên hệ thống luật lệ và qui tắc phức tạp bao gồm trên 60 hiệp định, phụ lục, quyết định và giải thích khác nhau để điều chỉnh các lĩnh vực thương mại quốc tế. Các văn bản của WTO đều được xây dựng trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản là thương mại không có sự phân biệt đối xử (cụ thể hóa trong các chế độ đãi ngộ tối huệ quốc tức là đối xử bình đẳng cho các loại hàng hóa nhập khẩu từ các nước khác nhau hoặc xuất khẩu đến các nước thành viên khác và chế độ đãi ngộ quốc gia tức là đối xử công bằng, bình đẳng giữa hàng hóa nhập khẩu và hàng hóa tương tự được sản xuất trong nước), việc bảo hộ các ngành công nghiệp nội địa chỉ được thực hiện bằng thuế quan, các nước thành viên có nghĩa vụ đảm bảo tính ổn định cho thương mại quốc tế, đảm bảo cho thương mại ngày càng tự do hơn thông qua thương lượng và tạo ra môi trường cạnh tranh ngày càng bình đẳng.

Hệ thống Hiệp định của WTO bao gồm bản thân Hiệp định chính về thành lập Tổ chức và một loạt các Hiệp định khác nhau tập hợp trong 4 Phụ lục kèm theo. Từ góc độ ràng buộc pháp lý, các Hiệp định nêu trong các Phụ

lục chia thành hai nhóm: Nhóm thứ nhất được nêu trong các Phụ lục 1, 2, 3 có giá trị bắt buộc đối với mọi thành viên của WTO; Còn các Hiệp định nêu trong Phụ lục 4 chỉ ràng buộc những thành viên WTO đã chấp nhận các Hiệp định này.

Phụ lục là bao gồm các Hiệp định như Hiệp định về thuế quan và Thương mại 1994. Phụ lục 2 là Thỏa thuận về Quy tắc và Thủ tục điều chỉnh giải quyết tranh chấp và Phụ lục 3 về cơ chế xem xét chính sách thương mại. Phụ lục 4 gồm các Hiệp định như Hiệp định thương mại tàu dân sự (4a), Hiệp định về mua sắm của Chính phủ (4b), Hiệp định quốc tế về mì (4c), Hiệp định quốc tế về thịt (4c), trong Hiệp định này lại gồm 23 văn bản khác nhau ví dụ như Quyết định về các biện pháp ưu đãi dành cho các nước kém phát triển nhất, Quyết định về thủ tục thông báo, Quyết định về thương mại, dịch vụ và môi trường, Quyết định về dịch vụ, tài chính, Quyết định về việc thương lượng đi lại của tự nhiên nhân, Quyết định về thương lượng viễn thông cơ bản v.v...

Các Hiệp định đa phương về thương mại hàng hóa bao gồm GATT năm 1994 và một loạt hiệp định cụ thể đi kèm là:

- Hiệp định Nông nghiệp (AOA)
- Hiệp định về kiểm dịch động, thực vật (SPS)
- Hiệp định về thương mại hàng dệt và may mặc (ATC)
- Hiệp định về các hàng rào cản trở thương mại (TBT)
- Hiệp định về các biện pháp đầu tư liên quan đến thương mại (TRMS)
- Hiệp định chống phá giá
- Hiệp định định giá hải quan
- Hiệp định về giám định hàng hóa trước khi xuống tàu (PSI)
- Hiệp định về quy tắc xuất xứ (Rules of origin)
- Hiệp định về giấy phép nhập khẩu (IL)
- Hiệp định về trợ cấp và các biện pháp đã ký (SCM)
- Hiệp định về các biện pháp tự vệ (AOS)

Hiệp định chung về thương mại dịch vụ GATS bao gồm:

- Các qui định, nguyên tắc trong 29 điều khoản điều chỉnh dịch vụ trong 11 ngành và 155 tiểu ngành.

- Các Phụ lục của GATS về miễn trừ MFN, về di chuyển của tự nhiên nhân và của dịch vụ, về Dịch vụ vận tải hàng không, về Dịch vụ tài chính, về Vận tải biển, về Viễn thông cơ bản cũng như các quyết định cấp Bộ trưởng;

- Các cam kết của từng nước về các lĩnh vực dịch vụ cụ thể, về áp dụng MFN, NT và mở cửa thị trường trong các dịch vụ đó.

Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (TRIPS) điều chỉnh quyền tác giả và các quyền có liên quan nhân hàng, chỉ dẫn địa lý, thiết kế công nghiệp, sáng chế, thiết kế bố trí mạch tích hợp, bảo hộ thông tin bí mật và hạn chế các hoạt động chống cạnh tranh trong các hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng.

Các cơ quan chính của WTO gồm Hội nghị Bộ trưởng, Hội đồng chung, Ủy ban đánh giá chính sách thương mại, Ủy ban giải quyết tranh chấp và Ban thư ký.

Hội nghị Bộ trưởng là cơ quan quyền lực cao nhất của WTO bao gồm đại diện tất cả các nước thành viên. Hội nghị Bộ trưởng được tổ chức ít nhất hai năm một lần để quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến các Hiệp định thương mại đa phương. Hội nghị Bộ trưởng lần thứ 1 được tổ chức tại Xin-ga-po vào tháng 12-1996, Hội nghị lần thứ 2 tổ chức tại Giơ-ne-vơ vào tháng 5-1998, Hội nghị lần thứ 3 tổ chức tại Si-a-tơn (Mỹ) vào 30-11-1999 đến 3-12-1999.

Ủy ban chung là cơ quan chịu trách nhiệm giải quyết công việc hàng ngày của WTO giữa các Hội nghị Bộ trưởng. Ủy ban này cũng gồm đại diện tất cả các thành viên. Ủy ban chung lại chia thành 3 Hội đồng là Hội đồng thương mại dịch vụ, Hội đồng thương mại hàng hóa và Hội đồng về quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến thương mại.

Hội đồng thương mại hàng hóa giám sát việc thực thi và chức năng của tất cả các Hiệp định thương mại liên quan đến hàng hóa. Dưới Hội đồng này lại có 12 Ủy ban riêng phụ trách từng Hiệp định thương mại hàng hóa:

- + Ủy ban giám sát ngành dệt;
- + Ủy ban chống phá giá;
- + Ủy ban định giá hải quan;
- + Ủy ban về các biện pháp đầu tư;
- + Ủy ban nông nghiệp;
- + Ủy ban về các quy tắc xuất xứ hàng hóa;
- + Ủy ban thâm nhập thị trường;
- + Ủy ban các tổ chức an toàn và vệ sinh;
- + Ủy ban về cấp giấy phép xuất khẩu;
- + Ủy ban về các biện pháp bảo vệ;
- + Ủy ban khác biệt kỹ thuật trong thương mại.

Hội đồng thương mại dịch vụ có 5 Nhóm làm việc:

- + Nhóm làm việc về các dịch vụ nghề nghiệp;
- + Nhóm đàm phán về các dịch vụ vận tải biển;
- + Nhóm đàm phán về sự di chuyển của công dân;

- + Nhóm đàm phán về viễn thông cơ sở;
- + Nhóm về thương mại các dịch vụ tài chính.

Ngoài ra còn có 4 Ủy ban khác thuộc Hội đồng chung là Ủy ban tài chính, ngân sách và hành chính, Ủy ban về các hạn chế cán cân thanh toán, Ủy ban thương mại và phát triển và Ủy ban về thương mại thị trường (riêng Ủy ban này đồng thời quan hệ trực tiếp với Hội nghị Bộ trưởng). Các Ủy ban này có phạm vi nhỏ hơn 3 Hội đồng nói trên.

Cơ quan thứ ba trực thuộc Hội đồng Bộ trưởng là Ủy ban giải quyết các tranh chấp. Trong Ủy ban có Ủy ban kháng cáo và Ban hội thẩm giải quyết tranh chấp. Trong vòng đàm phán U-ru-guay cơ chế giải quyết tranh chấp là một trong 15 nội dung lớn được đưa ra đàm phán. Đối tượng giải quyết của cơ chế này không phải là các tranh chấp phát sinh từ việc thực hiện hợp đồng thương mại mà chính là tranh chấp về chính sách thương mại của các nước thành viên. Cơ chế giải quyết tranh chấp trong WTO chú trọng đến giai đoạn tham vấn nhằm tạo cơ hội cho các bên tranh chấp tìm kiếm giải pháp thỏa đáng. Nếu giai đoạn đó không có kết quả thì một Nhóm công tác đặc biệt sẽ lập ra. Nhóm này đưa ra các đánh giá để Cơ quan giải quyết tranh chấp có cơ sở khuyến nghị. Tháng 10/1999 WTO đã đưa ra 169 quyết định về các vụ tranh chấp, trong đó có 49 vụ do Mỹ đề xuất.

Một cơ quan quan trọng khác của WTO là Ban Thư ký đặt tại Giơ-ne-vơ. Đứng đầu Ban Thư ký là Tổng giám đốc (hiện nay là ông Mix Moore, người Niu Di-lan) với 4 Phó Tổng Thư ký phụ trách các mảng cụ thể ở 23 Vụ với khoảng 500 nhân viên. Tổng Giám đốc Moor trực tiếp phụ trách Văn phòng Tổng Giám đốc, Vụ Quan hệ đối ngoại, Vụ Thông tin Báo chí, Vụ ủy ban, Vụ các khóa họp Bộ trưởng.

d. Tổ chức Năng lượng nguyên tử quốc tế

Tổ chức Năng lượng nguyên tử quốc tế (tiếng Anh là International Atomic Energy - IAEA) được thành lập vào ngày 29/7/1958. Quy chế của IAEA được thông qua ngày 23/10/1956 tại trụ sở LHQ và có hiệu lực từ ngày 29/7/1958. Cho đến nay Quy chế đã được sửa đổi bổ sung 3 lần vào năm 1963, 1973 và 1989. Tính đến ngày 01/12/1999 Tổ chức Năng lượng nguyên tử quốc tế có 130 quốc gia thành viên. Với trụ sở tại Viên (Áo), IAEA là diễn đàn liên chính phủ hợp tác khoa học và kỹ thuật trong lĩnh vực hạt nhân. IAEA tăng cường mở rộng sự đóng góp của nguồn năng lượng nguyên tử cho hòa bình, y tế và thịnh vượng trên toàn thế giới và bảo đảm rằng sự giúp đỡ của IAEA, dù theo đề nghị hay dưới sự giám sát và kiểm tra của IAEA, sẽ không được sử dụng vào mục đích quân sự.

Các cơ quan chính của IAEA gồm Hội nghị chung, Hội đồng Thống đốc (Board of Governors), Ban thư ký.

Hội nghị chung (General Conference) của tổ chức gồm đại diện của tất cả các quốc gia thành viên là cơ quan cao nhất của Tổ chức, Khóa họp của Hội nghị được tổ chức hàng năm. Hội nghị thảo luận và khuyến nghị về mọi vấn đề thuộc Quy chế và Chức năng của IAEA, bầu 22 ủy viên luân phiên của Hội đồng Thống đốc, xem xét và thông qua báo cáo hàng năm của Hội đồng Thống đốc, bổ nhiệm Tổng Giám đốc và ngân sách của tổ chức, kết nạp thành viên mới, đình chỉ các quyền ưu đãi của thành viên, sửa đổi Quy chế. Hội nghị chung có thể thỏa thuận bất cứ vấn đề trong phạm vi Quy chế và khuyến nghị với các thành viên Hội đồng Thống đốc về mọi vấn đề (khoản d Điều V). Hội nghị sẽ quyết định mọi vấn đề mà Ban Thống đốc trình lên và yêu cầu Ban xem xét và Báo cáo về các vấn đề liên quan đến chức năng của Tổ chức.

Điều V Quy chế IAEA qui định cụ thể một loạt vấn đề mà Hội nghị chung sẽ tiến hành:

- Bầu 22 Ủy viên Ban Thống đốc;
- Kết nạp thành viên mới của IAEA;
- Đình chỉ quyền và ưu đãi của các thành viên;
- Xem xét báo cáo hàng năm của Ban;
- Thông qua ngân sách;
- Thông qua các Báo cáo sẽ trình lên LHQ theo Hiệp định đã ký với LHQ;
- Thông qua điều ước quốc tế giữa IAEA và LHQ hoặc các tổ chức quốc tế khác;
- Thông qua các Qui tắc và giới hạn về thẩm quyền vay của Ban Thống đốc, qui tắc về việc nhận đóng góp tự nguyện của Tổ chức;
- Thông qua các sửa đổi, bổ sung Quy chế IAEA;
- Thông qua việc cử Tổng Giám đốc của IAEA;

Hội nghị thông qua các quyết định bằng đa số phiếu, riêng vấn đề tài chính - ngân hàng, bổ sung sửa đổi Quy chế của IAEA và đình chỉ thành viên được thông qua bằng đa số 2/3. Khóa họp thứ 43 của Hội nghị được tổ chức từ ngày 27-9 đến 01-10-1999 tại Viên. Hội nghị đã bầu ông Abderrahmane Kadri - Chủ tịch Ủy ban Năng lượng nguyên tử An-giê-ri làm Chủ tịch khóa họp, đã thông qua 25 Nghị quyết về các vấn đề khác nhau như: Kết nạp Hôn-đu-rát và Ăng-gô-la làm thành viên, thực hiện thỏa thuận giữa Tổ chức và CHDCND Triều Tiên về áp dụng bảo đảm, an toàn của nguồn phóng xạ và các chất phóng xạ, an toàn của việc vận tải các chất phóng xạ, các biện pháp tăng cường hợp tác quốc tế về an toàn hạt nhân, phóng xạ và chất thải, tăng cường hiệu lực và

hiệu quả của hệ thống đảm bảo, các biện pháp chống vận chuyển phi pháp các chất hạt nhân và nguồn phóng xạ khác, bổ sung Điều VI của Quy chế, thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng Bảo an liên quan đến I-rắc v.v

Khoá họp lần thứ 44 dự kiến được tiến hành từ 18 – 22/9/2000 với Chương trình nghị sự gồm 25 đề mục.⁽¹⁾

Hội đồng Thống đốc gồm 35 ủy viên, trong đó 13 ủy viên do Hội đồng Thống đốc nhiệm kỳ trước chỉ định từ số các nước có kỹ thuật nguyên tử tiên tiến và 22 ủy viên do Hội nghị IAEA bầu ra trên cơ sở phân theo khu vực địa lý, và được chia thành hai nhóm như sau:

Nhóm I gồm 20 ủy viên được phân bổ giữa các khu vực địa lý theo công thức: 5 ủy viên đại diện cho khu vực Mỹ La-tinh, 4 ủy viên đại diện cho khu vực Tây Âu, 4 ủy viên đại diện cho khu vực châu Phi, 3 ủy viên đại diện cho Đông Âu, 2 ủy viên đại diện cho Trung Đông và Nam Á, 1 ủy viên đại diện cho khu vực Đông Nam Á và Thái Bình Dương và 1 ủy viên đại diện cho khu vực Viễn Đông. Đặc điểm quan trọng là các ủy viên trong số 20 ủy viên này không được tái ứng cử vào nhóm này trong nhiệm kỳ tới.

Nhóm 2 gồm 2 ủy viên còn lại trong đó 1 ủy viên đại diện cho khu vực Trung Đông và Nam Á, Đông Nam Á và Thái Bình Dương, Viễn Đông và 1 ủy viên từ các khu vực Trung Đông - Nam Á, Đông Nam Á và Thái Bình Dương, châu Phi.

Các ủy viên của Hội đồng Thống đốc nhiệm kỳ 1999-2000 gồm:

An-giê-ri,	Trung Quốc,	Nga,
Ác-hen-ti-na,	Cu-Ba,	A-rập Xê-út,
Úc,	Ai-cập,	Xin-ga-ro,
Áo,	In-đô-nê-xi-a,	Xi-lô-va-ki-a,
Bê-la-rút,	Nhật Bản,	Nam Phi,
Bô-lô-vi-a,	Gioóc-đa-ni,	Xu-đăng,
Bra-xin,	Hàn Quốc,	Thụy Điển,
	Ni-giê-ri-a,	Xi-ri,
Ca-na-đa,	Na-uy,	Anh,
Chi-lê,	Ba-lan,	Mỹ,
		U-ru-goay

Chủ tịch Hội đồng Thống đốc nhiệm kỳ 1999-2000 là Đại sứ Sergio de Queiroz (Bra-xin).

⁽¹⁾ Tài liệu GC (44)1 của IAEA ngày 20-6-2000.

Ngày 1-10-1999 tại khóa họp lần thứ 43 Hội nghị chung của IAEA đã thông Nghị quyết sửa đổi khoản A Điều VI Quy chế về việc tăng số uỷ viên của Hội đồng lên 40 và phân bổ số ghế giữa các khu vực địa lý như sau:

a. Hội nghị Thống đốc khóa trước cử 18 uỷ viên Hội đồng từ các nước thành viên tiên tiến nhất trong công nghệ năng lượng nguyên tử trong đó 2 uỷ viên từ khu vực Bắc Mỹ, 2 uỷ viên từ khu vực Mỹ La-tinh, 4 uỷ viên từ khu vực Tây Âu, 2 uỷ viên từ khu vực Châu Phi, 2 uỷ viên thuộc khu vực Đông Âu, 2 uỷ viên thuộc khu vực Đông Âu, 2 uỷ viên đại diện cho Trung Đông và Nam Á, 1 uỷ viên thuộc khu vực Đông Nam Á và Thái Bình Dương và 3 uỷ viên thuộc khu vực Viễn Đông. Đặc điểm quan trọng là các uỷ viên trong số 20 uỷ viên này không được tái ứng cử vào nhóm này trong nhiệm kỳ tới.

b. 22 uỷ viên do Hội nghị IAEA bầu ra trên cơ sở phân chia theo khu vực địa lý và cũng được chia thành hai nhóm:

Nhóm 1 gồm 20 uỷ viên được phân bổ giữa các khu vực địa lý theo công thức: 5 uỷ viên đại diện cho khu vực Mỹ La-tinh, 4 uỷ viên đại diện cho khu vực Tây Âu, 4 uỷ viên đại diện cho khu vực Châu Phi, 3 uỷ viên đại diện cho Đông Âu, 2 uỷ viên đại diện cho Trung Đông và Nam Á, 1 uỷ viên đại diện cho khu vực Đông Nam Á và Thái Bình Dương và 1 uỷ viên đại diện cho khu vực Viễn Đông. Đặc điểm quan trọng là các uỷ viên trong số 20 uỷ viên này không được tái ứng cử vào nhóm này trong nhiệm kỳ tới.

Nhóm 2 gồm 2 uỷ viên còn lại trong đó 1 uỷ viên đại diện cho khu vực Trung Đông và Nam Á, Đông Nam Á và Thái Bình Dương, Viễn Đông và 1 uỷ viên từ các khu vực Trung Đông và Nam Á và Thái Bình Dương, châu Phi.

Việc tăng và phân bổ này sẽ được thực hiện khi có 2/3 nước thành viên tán thành sửa đổi.

Hàng năm Hội đồng Thống đốc họp 5 lần vào tháng 3, tháng 6, tháng 9, ngay trước và sau khóa họp hàng năm của Hội nghị và vào tháng 12 ngay sau cuộc họp của Uỷ ban Hỗ trợ kỹ thuật và Hợp tác. Mỗi uỷ viên Hội đồng Thống đốc có một phiếu bầu. Các quyết định của Ban Thống đốc được thông qua bằng đa số trong các uỷ viên dự họp và bỏ phiếu, riêng vấn đề tổng số ngân sách sẽ được quyết định bằng đa số 2/3 số uỷ viên dự họp và bỏ phiếu (khoản E Điều VI). Hội đồng Thống đốc có thẩm quyền thực hiện các chức năng của IAEA theo quy định của Quy chế và phải chịu trách nhiệm trước Hội nghị chung, cụ thể là Hội đồng Giám đốc bổ nhiệm Tổng Giám đốc, cử, khen thưởng, kỷ luật viên chức, nhân viên, quyết định số lượng nguyên liệu đặc biệt của IAEA (tức là chất Plu-to-ni-um 239, U-ra-ni-um 233, U-ra-ni-um giàu chất 235 hoặc

233 v.v...), xem xét yêu cầu của các thành viên về việc giúp đỡ để có được nguyên liệu đặc biệt, trang bị cần thiết cho các dự án sử dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình, trình Hội nghị chung về dự kiến ngân sách, tiến hành ký kết các điều ước quốc tế giữa IAEA và LHQ hoặc các tổ chức khác nếu Hội nghị chấp thuận, yêu cầu Tòa án quốc tế cho ý kiến tư vấn liên quan đến hoạt động về chương trình, ngân sách và xem xét đơn gia nhập Tổ chức. Hội đồng cũng thông qua các Hiệp định bảo đảm và công bố các tiêu chuẩn an toàn của IAEA. Ngoài ra Hội đồng chịu trách nhiệm cử Tổng Giám đốc của IAEA sau đó trình lên Hội nghị chung chấp thuận. Các quyết định của Hội đồng được thông qua bằng đa số phiếu, riêng về các vấn đề ngân sách thì cần đa số 2/3.

Ban Thư ký của IAEA do Tổng Giám đốc đứng đầu. Tổng Giám đốc do Hội đồng Thống đốc cử và Hội nghị thông qua. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 4 năm. Tổng Giám đốc hiện nay của IAEA là ông Mohamed El Baradai.

Ban Thư ký IAEA gồm có Văn phòng Kiểm toán nội bộ, Văn phòng Quan hệ đối ngoại và Chính sách, Bộ phận thư ký của các cơ quan hoạch định chính sách và 6 Vụ, cụ thể là Vụ Hợp tác kỹ thuật, Vụ Năng lượng nguyên tử, Vụ An toàn hạt nhân, Vụ Quản trị, Vụ Khoa học và ứng dụng hạt nhân và Vụ bảo đảm. Đến cuối năm 1999 có 4404 viên chức, nhân viên làm việc ở Ban Thư ký, trong đó có 2212 viên chức chuyên môn, 944 viên chức cấp cao và 1268 người thuộc bộ phận dịch vụ chung.

IAEA tiến hành các hoạt động nhằm tăng cường khai thác và sử dụng năng lượng nguyên tử và chất phóng xạ vì các mục đích hòa bình trong các lĩnh vực y tế, nông nghiệp, thủy văn, công nghiệp v.v... trao đổi thông tin khoa học, kỹ thuật qua các khóa đào tạo, hội nghị và tài liệu hợp tác và trợ giúp kỹ thuật trong các lĩnh vực này, hoạch định các tiêu chuẩn về an toàn nguyên tử, giúp định ra các tiêu chuẩn giải quyết các khía cạnh pháp lý về tai nạn hạt nhân. IAEA cũng tiến hành giám sát và thanh sát trên cơ sở các Hiệp định bảo đảm của Hiệp định không phổ biến vũ khí hạt nhân mà các nước ký với IAEA⁽¹⁾.

Các nước không có vũ khí hạt nhân là thành viên của Hiệp ước 1968 không phổ biến vũ khí hạt nhân (NPT) cần phải ký các Hiệp định bảo đảm với IAEA. Hiện nay các Hiệp định như vậy đã được ký với hơn 80 quốc gia thành viên Hiệp ước NPT cũng như một số quốc gia phi hạt nhân chưa phải là thành viên Hiệp ước và hơn 900 cơ sở có vật liệu hạt nhân đã được đặt dưới sự kiểm soát của IAEA.

⁽¹⁾ Trong năm 1999 IAEA tiến hành 2495 đợt thanh sát.

Quan hệ của IAEA và LHQ được Hiệp định ký ngày 14-11-1957 giữa Đại hội đồng LHQ và IAEA điều chỉnh. Theo Hiệp định đó và Điều lệ của IAEA, Tổ chức Năng lượng nguyên tử quốc tế hàng năm trình báo cáo về hoạt động của mình cho Đại hội đồng LHQ và khi cần cho cả Hội đồng Bảo an và ECOSOC. Nếu trong hoạt động của IAEA có những vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng Bảo an thì IAEA phải thông báo các vấn đề đó cho Hội đồng Bảo an (ví dụ như khi các quốc gia thành viên IAEA vi phạm các Hiệp định đã ký với IAEA).

IAEA có hai nguồn tài chính là ngân sách thường xuyên và đóng góp tự nguyện. Ngân sách thường xuyên của IAEA trong năm 2000 là 226.327.000 đô la Mỹ.

Nước ta trở thành thành viên của IAEA từ năm 1978 và được bầu vào Hội đồng Thống đốc trong 2 nhiệm kỳ 1991 - 1993 và 1998 - 1999. Việt Nam đã tham gia một số điều ước quốc tế quan trọng trong lĩnh vực nguyên tử là Hiệp định không phổ biến vũ khí hạt nhân 1968 (NPT); Công ước về giúp đỡ trong trường hợp có sự cố hạt nhân hoặc có tình trạng khẩn cấp về phóng xạ; Hiệp định hợp tác khu vực về nghiên cứu phát triển và đào tạo trong lĩnh vực khoa học kỹ nghệ hạt nhân. Tổ chức Năng lượng nguyên tử quốc tế đã giúp ta một số dự án cung cấp trang thiết bị, giúp đào tạo ngắn hạn và dài hạn cho cán bộ chuyên môn, cử chuyên gia giúp thực hiện các dự án, cung cấp một số lượng lớn tài liệu và thông tin kỹ thuật về nguyên tử, cũng như giúp ta xây dựng các phòng thí nghiệm hạt nhân, một số khoa y học hạt nhân v.v...

II. CÁC TỔ CHỨC CHUYÊN MÔN TRONG LĨNH VỰC TÀI CHÍNH

a. Ngân hàng thế giới

Hội nghị của LHQ về các vấn đề tài chính - tiền tệ tổ chức tại Brét-ton-út (Mỹ) đã quyết định thành lập Ngân hàng quốc tế về tái thiết và phát triển (IBRD) - thường gọi là Ngân hàng thế giới (World Bank - WB). Ngân hàng này cùng các Hiệp hội khác - Hiệp hội Tài chính quốc tế (IEC), Hiệp hội Phát triển quốc tế (IDA) và Tổ chức đa phương về bảo đảm đầu tư (MIGA) tạo thành Nhóm các Ngân hàng thế giới. Tính đến 15-8-2000 Ngân hàng thế giới có 181 thành viên, Trụ sở Ngân hàng đóng tại Oa-sinh-tơn.

Hội đồng Thống đốc là cơ quan cao nhất của Ngân hàng thế giới có đại diện của các nước thành viên. Trong Hội đồng số phiếu của các nước thành viên tỷ lệ thuận với số cổ phần của thành viên đó trong Ngân hàng. Đến ngày 15-8-2000 WB có 1.608.693 phiếu bầu. Số phiếu của Việt Nam 1.218 phiếu, còn số phiếu của Nhóm G8 và Trung Quốc như nhau:

Mỹ	265.219 phiếu, chiếm 16,95% tổng số phiếu
Nhật Bản	127.250 phiếu, chiếm 8,12% tổng số phiếu
Đức	72.649 phiếu, chiếm 4,63% tổng số phiếu
Anh	69.647 phiếu, chiếm 4,44% tổng số phiếu
Pháp	69.647 phiếu, chiếm 4,44% tổng số phiếu
Nga	45.045 phiếu, chiếm 2,87% tổng số phiếu
Canada	45.045 phiếu, chiếm 2,87% tổng số phiếu
Trung Quốc	45.045 phiếu, chiếm 2,87% tổng số phiếu

Như vậy, chỉ riêng nhóm G.7 đã có 45 % phiếu bầu trong WB, do đó họ có ảnh hưởng quyết định đối với chính sách và hoạt động của Ngân hàng. Riêng Mỹ chiếm 16,95% số phiếu và cái đó đủ cho Mỹ phủ quyết mọi thay đổi trong vốn của Ngân hàng và các điều khoản của Hiệp định⁽¹⁾.

Ban Giám đốc điều hành gồm 24 Giám đốc chịu trách nhiệm thực hiện các hoạt động chung của Ngân hàng. Theo qui định của Hiệp định, 5 Giám đốc do 5 quốc gia có số cổ phần lớn nhất - Mỹ, Anh, Đức, Nhật, Pháp cử; 19 Giám đốc còn lại được các thành viên bầu theo nhóm với thời hạn 2 năm một. Các Giám đốc này đại diện cho các Nhóm nước (trong đó riêng Nga, Trung Quốc, A-rập Xê-út tự tạo thành 3 Nhóm nước), Số lượng nước trong các Nhóm khác nhau: có nhóm đến 22 nước, 24 nước, nhưng có Nhóm chỉ có 5 nước. Nhóm nước Bru-nei, Phi-gi, In-đô-nê-xi-a, Lào, Ma-lai-xi-a, Tôn-gô và Việt Nam có 2 Giám đốc đại diện.

Các Giám đốc điều hành xem xét và quyết định về các khoản vay của IBRD và các đề nghị tín dụng của IDA do Chủ tịch đề xuất, họ chịu trách nhiệm trình Hội đồng Thống đốc ở các cuộc họp chung thường niên về Báo cáo tài chính, ngân sách và hoạt động của Ngân hàng. Trong năm 1999 Ban Giám đốc có 93 cuộc họp chính thức toàn thể và 88 cuộc họp không chính thức. Các Giám đốc còn tham gia làm việc ở một hoặc các Ủy ban như Ủy ban Kiểm toán, Ủy ban về tính hiệu quả phát triển, Ủy ban Ngân sách, Ủy ban Nhân sự, Ủy ban về các vấn đề hành chính. Ngoài ra Ủy ban thường trực của Ban Giám đốc (cơ quan tư vấn) cũng hoạt động thường xuyên. Các Giám đốc điều hành bầu ra Chủ tịch Ngân hàng.

Ngân hàng thế giới cho các nước đang phát triển có GDP đến 790 đôla/người và các nước bị ảnh hưởng của chiến tranh vay tín dụng với thời hạn hoàn vốn từ 12 đến 20 năm, trong đó có 3 đến 5 năm ân hạn và mức lãi suất khoảng 7,5-9%/năm. Đặc điểm của hoạt động cho vay của WB là cho vay theo các dự án và

⁽¹⁾ Theo qui định để thay đổi vốn hoặc các điều khoản của Hiệp định cần phải có 85% số phiếu.

chương trình phát triển dài hạn. Trong 30 năm qua Ngân hàng thế giới đã cho vay 400 tỷ đôla. Trong năm tài khóa 1999 Ngân hàng đã cho vay 22,2 tỷ đô la cho 131 dự án ở 39 nước. Còn Hiệp hội phát triển quốc tế đã cho vay khoảng 115,5 tỷ đôla, trong đó trong năm 1999 cho vay 6,8 tỷ cho 145 hoạt động dự án ở 53 nước. Các khoản vay của Hiệp hội chủ yếu là không tính lãi mà chỉ tính dịch vụ phí 0,75% vốn tính dài hạn từ 35-40 năm, trong đó có 10 năm ân hạn. Đáng chú ý là tuy IDA hoàn toàn riêng biệt với WB về mặt pháp lý và tài chính, nhưng về nhân sự lại chung và các dự án cho vay đều theo cùng các tiêu chuẩn của WB.

Trong số các tổ chức thuộc Nhóm Ngân hàng thế giới ta đã có quan hệ với các tổ chức là Hiệp hội phát triển quốc tế, Ngân hàng tái thiết và phát triển quốc tế, Công ty tài chính quốc tế (IFC) và Cơ quan đảm bảo đầu tư đa bên. Kể từ khi Việt Nam khai thông quan hệ tài chính với Quỹ tiền tệ quốc tế, Ngân hàng thế giới, quan hệ giữa ta với các tổ chức này đã có những bước phát triển tốt đẹp. Hai tổ chức này và ADB là những nhà tài trợ lớn cho nước ta, giúp ta thực hiện các chương trình điều chỉnh kinh tế và một số dự án hạ tầng cơ sở, kinh tế, xã hội quan trọng như giao thông vận tải, năng lượng, thủy lợi, nông nghiệp, cấp thoát nước, giáo dục, y tế, dân số.

IDA và IFC là hai tổ chức trong Nhóm Ngân hàng thế giới đã và đang tiếp tục cho ta vay vốn. Trong thời kỳ 1978-1982 IDA đã cho ta vay 60 triệu đôla Mỹ cho Dự án Thủy lợi Dầu Tiếng và từ 1993 đến 1997 đã cho ta vay 1625 triệu đôla cho 12 dự án về cơ sở hạ tầng, y tế, giáo dục và phát triển thể chế. Cụ thể là năm 1994: 324,5 triệu đôla, năm 1995: 415 triệu đôla, 1996: 502 triệu đôla và năm 1997: 384,2 triệu đôla⁽¹⁾. Còn IFC đã tài trợ cho 15 dự án đầu tư tại Việt Nam trị giá 830 triệu đôla, trong đó IFC cho vay 337 triệu đôla. IFC có kế hoạch đầu tư ở Việt Nam vào các dự án chế biến thực phẩm, y tế, hóa chất, dầu khí với tổng chi phí 500 triệu đôla⁽²⁾.

Quan hệ hợp tác giữa nước ta với Ngân hàng thế giới (WB) và Nhóm các Ngân hàng thế giới đặc biệt là Hiệp hội phát triển quốc tế càng ngày càng phát triển. Trong những năm gần đây Ngân hàng thế giới (IBRD) và IDA đã dành cho nước ta nhiều khoản vay thực hiện các dự án khác nhau như Dự án tăng cường năng lực quản lý giao thông đô thị ở Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh; Dự án cấp nước cho một số thành phố; Dự án khôi phục quốc lộ 1; Dự

⁽¹⁾ *Việt Nam và các tổ chức quốc tế*, trang 96.

⁽²⁾ *Học viện Quan hệ quốc tế - Bộ Ngoại giao - Hỏi đáp về tình hình thế giới và chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta*, NXB Chính trị quốc gia, HN, 1997, tr.307

án vệ sinh ở Hải Phòng, Đà Nẵng, Quảng Ninh; Dự án thủy lợi đồng bằng sông Cửu Long; Dự án bảo vệ rừng và phát triển nông thôn.

b. Quỹ Tiền tệ quốc tế

Quỹ Tiền tệ quốc tế (tiếng Anh là International Monetary Fund-IMF) cũng được thành lập tại Hội nghị LHQ về tài chính, tiền tệ Brét-ton-út (Mỹ) vào 27/12/1945. Trụ sở của IMF đóng tại Oa-sinh-ton (Mỹ). Đến tháng 7/2000 IMF có 179 thành viên.

IMF là tổ chức tiền tệ, tín dụng quốc tế có chức năng điều chỉnh quan hệ tiền tệ giữa các nước thành viên và cho các nước có thâm hụt cán cân thanh toán vay ngắn và trung hạn.

Các cơ quan chính của Quỹ Tiền tệ quốc tế là Hội đồng Thống đốc, Hội đồng Chấp hành.

Hội đồng Thống đốc là cơ quan cao nhất của Quỹ. Mỗi thành viên IMF có một đại diện và một Phó đại diện trong Hội đồng. Hội đồng Thống đốc họp hàng năm để quyết định những vấn đề cơ bản của IMF. Số phiếu của các thành viên trong Hội đồng khác nhau tùy thuộc vào cổ phần của họ trong Quỹ. Mỗi thành viên được 250 phiếu, ngoài ra cứ 100.000 cổ phần trong Quỹ sẽ được thêm 1 phiếu.

Hội đồng chấp hành thực hiện các công việc hàng ngày của Quỹ. Hội đồng có 24 Giám đốc chấp hành, do đó Hội đồng cũng có thể được gọi là Ban Giám đốc điều hành. Trong số 24 Giám đốc đó có Giám đốc do 8 nước có số cổ phần lớn bổ nhiệm (Mỹ, Anh, Pháp, Đức, Nhật, Nga, Trung Quốc và Ả-rập Xê-út).

Hiện nay IMF có số vốn 202 tỷ đôla và nguồn vay của Quỹ chủ yếu do các nước đóng góp theo cổ phần, trong đó Mỹ có 18,38% cổ phiếu. Nhật Bản có 5,7%, Đức - 5,7%, Pháp 5,1% và Anh 5,1%.

IMF có các loại tín dụng thông thường, vay vốn bổ sung, vay dự phòng, vay dài hạn và vay bù đắp thất thu xuất khẩu, vay để điều chỉnh cơ cấu.

Trong trường hợp tín dụng thông thường thì mức tối đa được vay là 100% cổ phần của nước đó ở Quỹ và các nước được vay phải có chương trình điều chỉnh kinh tế ngắn hạn. Thời hạn vay từ 3 năm đến 5 năm với ân hạn 3 năm và lãi suất khoảng 6-7,5%/năm.

Trong trường hợp vay vốn bổ sung thì mức vay lớn hơn (có thể là 100% đến 350% cổ phần của nước đó tại Quỹ), thời hạn vay cũng từ 3 năm đến 5 năm với ân hạn là 3 năm và lãi suất theo thị trường.

Trong trường hợp vay dự phòng thì mức vay lại thấp hơn, cụ thể là tối đa chỉ được vay 62,5% cổ phần của nước đó ở Quỹ. Thời hạn vay là 5 năm với ân hạn là 3,5 năm và lãi suất cũng theo thị trường.

Trong trường hợp vay dài hạn, mức vay bằng 140% số cổ phần của nước đó tại Quỹ. Thời hạn vay là 10 năm với ân hạn là 4 năm và lãi suất vay là 6 - 7,5%. Khi vay, nước vay phải có chương trình điều chỉnh kinh tế trung hạn và mọi khoản vay phải theo đúng chương trình theo từng quý, từng năm.

Trong trường hợp vay bù đắp thất thu xuất khẩu, mức vay tối đa bằng 100% cổ phần nước vay tại Quỹ. Thời hạn vay từ 3 năm đến 5 năm, lãi suất khoảng 6-7,5%.

Trong trường hợp vay để duy trì dự trữ điều hòa các sản phẩm cơ bản thì thời hạn và lãi suất cũng tương tự như trường hợp trên.

Ngoài ra, với sự thống nhất của Ngân hàng thế giới, Quỹ Tiền tệ còn cho vay để điều chỉnh cơ cấu (dành cho các nước có thu nhập 600 đô la/người trong năm, mức vay tối đa bằng 62,5% cổ phần nước đó tại Quỹ, thời hạn vay 10 năm, trong đó có 5 năm ân hạn và với lãi suất là 0,5%) hoặc vay để điều chỉnh cơ cấu mở rộng (đối tượng được vay là những nước đang được vay để điều chỉnh cơ cấu; mức vay tối đa bằng 150% đến 350% cổ phần của nước đó tại Quỹ; thời hạn vay là 10 năm với lãi suất 6,5%).

Sau khi nước nhà được thống nhất, nước ta tiếp tục qui chế thành viên của IMF với cổ phần là 314 triệu đôla (khoảng 0,12% tổng số vốn của Quỹ Tiền tệ quốc tế). Việt Nam vay của Quỹ 250 triệu đôla và đến năm 1984 do không trả được nợ cho Quỹ nên không được vay mới.

Vào năm 1989 ta và IMF đi tới thỏa thuận về Chương trình điều chỉnh kinh tế, thỏa thuận về các biện pháp hợp tác và cuối tháng 3/1993 với sự giúp đỡ của Nhóm hỗ trợ kinh tế ta đã trả xong số nợ quá hạn cho IMF. Ngày 10-11-1993 Quỹ quyết định cho ta vay theo thể thức dự phòng hơn 200 triệu đôla với thời hạn 5 năm trong đó có 3 năm ân hạn với lãi suất theo thị trường. Quỹ cũng cho ta vay 17 triệu đôla theo thể thức chuyển đổi hệ thống trong thời hạn 5 năm trong đó có 3 năm ân hạn và lãi suất theo thị trường.

c. Quỹ Quốc tế về Phát triển nông nghiệp.

Hiệp định thành lập Quỹ Quốc tế về Phát triển nông nghiệp (tiếng Anh là International Fund for Agriculture Development- IFAD), được thông qua ngày 13-6-1976 và có hiệu lực từ ngày 30-11-1997. Trụ sở của IFAD đặt tại Rô-ma. Thành viên của IFAD gồm 161 nước, trong đó có Việt Nam. Các thành viên của IFAD gồm 3 nhóm nước: các nước tài trợ phát triển (22 nước thành viên Tổ chức hợp tác kinh tế và phát triển OECD); các nước tài trợ đang phát triển (12 nước thành viên Tổ chức các nước xuất khẩu dầu OPEC) và các nước đang phát triển khác. IFAD có 161 thành viên chính thức và một số quan sát

viên như Va-ti-căng - các tổ chức chuyên môn của LHQ, các tổ chức liên chính phủ và phi chính phủ được Ban chấp hành Quỹ mời.

Mục đích của Quỹ IFAD là huy động các nguồn vốn để hỗ trợ cho việc phát triển sản xuất lương thực và dinh dưỡng cho các nước đang phát triển có thu nhập thấp. Quỹ quan tâm hỗ trợ sự phát triển của các cộng đồng nghèo khó ở nông thôn, đặc biệt là những người nông dân không có ruộng đất, ngư dân, người chăn nuôi gia súc và phụ nữ nghèo, với quan điểm tiếp cận tiên tiến có sự tham gia của địa phương và bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Các cơ quan chính của IFAD là Hội đồng Quản trị (Governing Council), Ban Điều hành (Executive Board) và Ban Thư ký.

Hội đồng quản trị của IFAD là cơ quan cao nhất của Quỹ. Hội đồng họp thường niên với sự tham gia của các đại diện các thành viên. Hội đồng có thẩm quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của Quỹ trong đó có các vấn đề kết nạp thành viên mới, cử Chủ tịch IFAD, thông qua chính sách, ngân sách, các tiêu chuẩn và qui định. Một đặc điểm quan trọng trong hoạt động của IFAD là không phải mỗi thành viên đều có một lá phiếu, mà số phiếu của Hội đồng quản trị được phân bổ như sau: mặc dù số lượng thành viên của 3 nhóm hoàn toàn khác nhau nhưng số phiếu của ba nhóm là ngang nhau.

Ban Điều hành của IFAD họp ba lần trong năm (tháng 4, tháng 9 và tháng 12). Trước đây Ban Điều hành có 18 uỷ viên chính thức và 17 uỷ viên dự bị. Tháng 2/1997 IFAD thông qua Nghị quyết 86/XVIII tăng số uỷ viên lên 18 chính thức và 17 dự bị. Các uỷ viên của Ban Điều hành được bầu theo 7 nhóm khác nhau với nhiệm kỳ 3 năm một. Ban Điều hành có 1800 phiếu. Ban Điều hành quyết định chương trình hoạt động, thông qua dự án, ngân sách, kết nạp thành viên, sau đó trình Hội đồng chuẩn y.

Chủ tịch Quỹ do Hội đồng cử với nhiệm kỳ 4 năm. Số lượng viên chức, nhân viên của Ban Thư ký chỉ có 126 người.

IFAD cho vay tiền với điều kiện ưu đãi. Ngoài việc tăng sản xuất nông nghiệp, Quỹ quan tâm đến việc phát triển việc làm, dinh dưỡng và phân chia thu nhập ở các địa phương. IFAD thực hiện các dự án hỗ trợ với hình thức đồng tài trợ với Ngân hàng thế giới, Hiệp hội phát triển quốc tế Ngân hàng châu Phi, Ngân hàng châu Á, liên Mỹ v.v... Kể từ năm 1977 đến nay IFAD đã thực hiện 530 dự án ở 115 nước với tổng số vốn khoảng 19,5 tỷ đôla Mỹ (trong đó IFAD đóng góp 6,83 tỷ, các Chính phủ nhận tài trợ đóng góp 6,95 tỷ và các tổ chức tài trợ đóng góp 5,73 tỷ).

Việt Nam tham gia IFAD từ năm 1977. Ta nằm trong nhóm nước được hưởng vay vốn đặc biệt ưu đãi của IFAD. Cho đến năm 1997 IFAD đã cho ta

vay 32 triệu đôla Mỹ⁽¹⁾. Sau đây là một số dự án viện trợ của IFAD cho Việt Nam:

- + Năm 1988, IFAD viện trợ 400.000 đôla Mỹ để nghiên cứu khả thi dự án thủy lợi Thạch Nham (Quảng Ngãi);

- + Năm 1993, IFAD thông qua Dự án cung cấp tín dụng phát triển nguyên liệu ở Tuyên Quang;

- + Năm 1996, IFAD thông qua Dự án bảo tồn và phát triển các nguồn lực nông nghiệp tại tỉnh Quảng Bình;

- + Năm 1997, IFAD thông qua Dự án Phát triển nông nghiệp và nông thôn ở Hà Giang;

- + Năm 1999 IFAD thông qua Dự án Phát triển nông nghiệp ở Hà Tĩnh.

- + Năm 1998 IFAD cho ta vay để thực hiện Dự án hỗ trợ các dân tộc thiểu số.

III. CÁC TỔ CHỨC CHUYÊN MÔN VỀ GIAO THÔNG VẬN TẢI

a. Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế

Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế (tiếng Anh là International Civil Aviation Organization - ICAO) được thành lập vào năm 1944. Văn kiện thành lập ICAO là Công ước về hàng không dân dụng quốc tế được làm tại Chi-ca-go năm 1944 và có hiệu lực từ 4-4-1947. Trụ sở của ICAO đặt tại Mông-tơ-rê-an (Ca-na-đa).

Mục đích của ICAO là phát triển các nguyên tắc và phương pháp hàng không quốc tế, đảm bảo an toàn cho các chuyến bay, thúc đẩy việc kế hoạch hóa và phát triển vận chuyển hàng không quốc tế.

Cơ quan tối cao của ICAO là Đại hội đồng gồm đại diện của tất cả các nước thành viên. Khóa họp thường kỳ cho Đại hội đồng được tổ chức 3 năm một lần nhằm xác định chính sách của ICAO, thông qua ngân sách cũng như thảo luận các vấn đề khác. Đại hội đồng gần đây là Đại hội đồng khóa 31 của ICAO được tổ chức tại Mông-tơ-rê-an từ ngày 15-9 đến 4-10-1998 với sự tham gia của gần 950 đại biểu từ 150 nước thành viên và 27 đoàn quan sát viên quốc tế. Đại hội đồng đã bầu Trưởng đoàn đại biểu của Ai-xơ-len làm Chủ tịch khóa họp và Trưởng đoàn của Gha-na, Ê-qua-đo, Ô-man và Tuốc-mê-ni-xtan làm các Phó Chủ tịch. Tại khóa họp này Đại hội đồng đã xem xét hoạt động của ICAO trong 3 năm 1995-1997 và thông qua 29 nghị quyết khác nhau. Ngoài các vấn đề kỹ thuật liên quan đến quản lý và vận tải hàng không (áp dụng hệ thống mới của ICAO về thông tin, dẫn

⁽¹⁾ Bộ Ngoại giao - Các Tổ chức quốc tế và Việt Nam, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội 1991, trang 220

đường, giám sát và quản lý không lưu, bảo vệ môi trường, chương trình ngăn ngừa tai nạn máy bay, tăng cường thanh tra, kiểm tra an toàn bay v.v...). Đại hội đồng cũng đã thảo luận các vấn đề pháp lý như các khía cạnh pháp lý liên quan đến hệ thống dẫn đường toàn cầu bằng vệ tinh, ảnh hưởng của Công ước Luật Biển 1982 của LHQ đối với việc áp dụng Công ước Chi-ca-gô và các văn bản pháp lý khác về hàng không dân dụng quốc tế. Đáng chú ý là ngay trong thời gian họp Đại hội đồng ICAO đã tổ chức một Hội nghị ngoại giao thông qua Nghị định thư bổ sung Công ước Chi-ca-gô 1944 bằng tiếng Ả-rập.

Cơ quan chấp hành của ICAO là Hội đồng gồm đại diện của 33 nước do Đại hội đồng bầu. Chủ tịch đương nhiệm của Hội đồng đại diện cho 3 nhóm nước là những nước có giao thông hàng không phát triển nhất, những nước có đóng góp đáng kể trong việc đảm bảo vật chất cho hàng không dân dụng quốc tế và những nước khác nhằm mục đích đảm bảo sự cân bằng đại diện giữa các khu vực địa lý. Nhiệm kỳ của các uỷ viên Hội đồng cũng là 3 năm. Các uỷ viên hiện nay của Hội đồng được Đại hội đồng ICAO bầu ra tại khóa họp thứ 31 như sau:

Úc	Bra-xin	Ca-na-đa
Pháp	Đức	I-ta-li
Nhật Bản	Nga	Mỹ
Anh	Ác-hen-ti-na	Trung Quốc
Đan Mạch	Ai-cập	Ấn Độ
Mê-hi-cô	Ni-gê-ri	Ả-rập Xê-út
Tây Ban Nha	Thụy Sĩ	Vê-nê-du-ê-la
Ăng-gô-la	Bô-lô-vi-a	Ca-mơ-run
En-xan-va-đo	In-đô-nê-xia	Kê-nia
Li-ban	Ma-rốc	Pa-ki-xtan
Ru-ma-ni	Xê-nê-gan	Tri-ni-đát và Tô-ba-gô

Hội đồng ICAO thông qua các tiêu chuẩn, thực tiễn liên quan đến hàng không dân dụng và các văn kiện đó trở thành các Phụ lục của Công ước về Hàng không dân dụng quốc tế. Hội đồng có các cơ quan giúp việc là Ủy ban Không lưu (phụ trách các vấn đề kỹ thuật), Ủy ban Vận tải hàng không (phụ trách các vấn đề kinh tế), Ủy ban Hỗ trợ không lưu và Ủy ban Tài chính.

Ban thư ký của ICAO do Tổng thư ký đứng đầu. Ban Thư ký có 5 bộ phận là: Văn phòng Không lưu hàng không, Văn phòng Giao thông hàng không, Văn phòng Hợp tác kỹ thuật, Văn phòng Pháp lý và Văn phòng Hành chính và Dịch vụ).

ICAO có các Văn phòng khu vực trong đó Văn phòng khu vực Châu Á - Thái Bình Dương đóng tại Băng-cốc.

Việt Nam đã tham gia các Công ước Chi-ca-gô 1944 về Hàng không dân dụng quốc tế và một loạt văn kiện pháp lý quốc tế liên quan như Công ước Tô-ki-ô 1963 về trừng trị các tội phạm và hành vi khác xảy ra trên máy bay, Công ước La Hay 1970 về trừng trị những vụ cưỡng đoạt máy bay, Công ước Mông-tơ-rê-an 1971 về trừng trị các hành vi phi pháp đối với an ninh hàng không dân dụng, Nghị định thư về văn bản Công ước 1944 bằng tiếng Nga, Nghị định thư về bổ sung lời văn Công ước 1944 bằng tiếng Trung v.v...

b. Tổ chức Hàng hải quốc tế.

Hội nghị Hàng hải của LHQ họp tại Giơ-ne-vơ từ ngày 19-2 đến ngày 6-3-1948 đã thông qua Công ước thành lập Tổ chức Tư vấn liên Chính phủ về hàng hải (gọi tắt là IMCO) và đến ngày 17-3-1958 Công ước nói trên có hiệu lực. Kể từ ngày đó IMCO được thành lập với trụ sở tại Luân Đôn (Anh). Đến năm 1982 IMCO được đổi tên thành Tổ chức Hàng hải quốc tế (IMO). Cho đến nay IMO có 155 quốc gia thành viên và 3 thành viên liên kết.

Từ năm 1959 IMO trở thành Tổ chức chuyên môn của LHQ và có các mục đích chính như sau:

- Thúc đẩy sự hợp tác giữa các Chính phủ trong lĩnh vực kỹ thuật và các lĩnh vực khác của giao thông đường biển, tiến tới thống nhất về các qui tắc an toàn hàng hải và giao thông trên biển.

- Quan tâm đến các vấn đề pháp lý, hành chính liên quan đến giao thông đường biển quốc tế và vấn đề đơn giản hóa các thủ tục thương thuyền quốc tế.

- Giúp đỡ kỹ thuật và đào tạo thuyền viên, thuyền trưởng, thợ máy tàu, cung cấp thông tin chuyên ngành cho các nước thành viên, đặc biệt là các nước đang phát triển.

- Khuyến khích bãi bỏ các biện pháp mang tính phân biệt đối xử và những hạn chế không cần thiết của các nước thành viên đối với hàng hải quốc tế nhằm đưa hàng hải vào phục vụ thương mại quốc tế.

Trong hoạt động của mình IMO trước hết tập trung vào vấn đề an toàn hàng hải. Hội nghị đầu tiên của IMO vào năm 1960 đã được tổ chức để giải quyết vấn đề này. Hội nghị đã thông qua Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng trên biển (SOLAS) và Công ước này đã có hiệu lực từ năm 1965. Công ước đã đề ra một loạt biện pháp để củng cố vấn đề an toàn hàng hải. Vào năm 1974 IMO đã thông qua Công ước SOLAS mới để bổ sung sửa đổi SOLAS 1960 và SOLAS 1974 đã có hiệu lực từ 25-5-1980. Vào năm 1978 IMO thông qua hai Nghị định thư sửa đổi thủ tục kiểm tra, đề ra kiểm tra tàu chở dầu hàng

năm. Năm 1988 một Nghị định thư mới bổ sung Công ước SOLAS 1974 cũng đã được thông qua.

Vấn đề thứ hai mà IMO quan tâm là vấn đề ô nhiễm. IMO đã ban hành một loạt biện pháp nhằm ngăn ngừa va chạm trên biển và giảm tổn thất. IMO đã thông qua một loạt Công ước như Công ước 1984 về ngăn ngừa ô nhiễm dầu, Công ước 1969 về ngăn ngừa các vụ ô nhiễm dầu ở biển cả, Công ước 1969 về trách nhiệm dân sự đối với tổn thất do ô nhiễm dầu, Công ước 1973 về ngăn ngừa ô nhiễm do tàu gây ra (MARPOL) và Nghị định thư 1978 bổ sung MARPOL 1974. IMO cũng đã có những nỗ lực để lập hệ thống bồi thường tổn thất do ô nhiễm dầu. Ngoài ra IMO còn nghiên cứu các vấn đề khác như tạo thuận lợi cho hàng hải, an toàn hàng hải qua việc thông qua Công ước 1965 về tạo thuận lợi cho giao thông hàng hải quốc tế, Công ước 1974 về vận chuyển hành khách và hành lý bằng đường biển, Công ước 1988 về trừng trị các hành động phi pháp chống lại an toàn hàng hải v.v...

Trong những năm gần đây IMO thực hiện các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật giúp các nước phê chuẩn các Công ước của IMO, đạt được các tiêu chuẩn trong Công ước SOLAS và các văn kiện khác. IMO phối hợp với Chương trình Biển khu vực thuộc Chương trình Môi trường LHQ phát triển các dân xếp chống ô nhiễm ở cấp độ khu vực, IMO cũng tổ chức các khóa đào tạo cho cán bộ các nước, đặc biệt là thông qua Trường Tổng hợp Biển thế giới.

Cơ cấu tổ chức của IMO gồm Đại hội đồng, Hội đồng, 4 Ủy ban chuyên trách và Ban Thư ký.

Đại hội đồng là cơ quan tối cao của IMO bao gồm toàn bộ các nước thành viên. Các khóa họp thường kỳ của Đại hội đồng được tổ chức tại Luân Đôn từng 2 năm một. Trong trường hợp cần thiết nếu 2/3 thành viên IMO tán thành thì khóa họp thường kỳ có thể được tổ chức ở địa điểm khác. Đại hội đồng có các chức năng như sau:

- + Xác định chính sách và chương trình hoạt động của IMO trong thời gian giữa các khoá họp;
- + Bầu các chức vụ trong Tổ chức;
- + Kết nạp thành viên mới;
- + Xem xét, thông qua ngân sách, các khuyến nghị của các Ủy ban;
- + Xem xét sửa đổi, bổ sung Công ước.

Hội đồng là cơ quan chấp hành của IMO với 32 uỷ viên do Đại hội đồng bầu ra, trong đó 8 uỷ viên được bầu từ số các nước thành viên có lợi ích lớn trong việc cung cấp dịch vụ hàng hải quốc tế, 8 uỷ viên từ các quốc gia có lợi ích đặc biệt trong thương mại hàng hải quốc tế và 16 uỷ viên từ những nước thành

viên có lợi ích đặc biệt trong vận tải biển và nhằm mục đích bảo đảm để các khu vực địa lý có cơ quan đại diện trong Hội đồng. Theo Nghị quyết A 735 được Đại hội đồng IMO thông qua ngày 4-11-1993 sửa đổi các qui định liên quan đến Hội đồng thì số uỷ viên Hội đồng sẽ được tăng lên đến 40. Hiện nay sửa đổi này chưa có hiệu lực nên số uỷ viên Hội đồng đang là 32.

Hội đồng giải quyết toàn bộ các công việc của IMO như xem xét báo cáo, khuyến nghị của các Uỷ ban, xét duyệt ngân sách và chuẩn bị các báo cáo lên Đại hội đồng v.v...

Tổ chức Hàng hải quốc tế có 4 Uỷ ban chuyên trách là Uỷ ban an toàn hàng hải, Uỷ ban Bảo vệ môi trường biển, Uỷ ban Pháp lý và Uỷ ban Hợp tác kỹ thuật. Tất cả các nước thành viên đều có đại diện trong các Uỷ ban này và các Uỷ ban này cũng họp hàng năm một.

Uỷ ban An toàn hàng hải chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến an toàn hàng hải, qui tắc tránh đâm va, xử lý các hàng nguy hiểm, qui tắc an toàn hàng hải, giúp đỡ ngành hàng hải các nước trong lĩnh vực đóng tàu, trang bị tàu thuyền.

Uỷ ban Bảo vệ môi trường có nhiệm vụ xem xét các vấn đề ngăn ngừa ô nhiễm biển do tàu gây ra và tìm các biện pháp chống ô nhiễm nhằm bảo vệ môi trường biển. Uỷ ban này được Đại hội đồng lập năm 1973 và có một loạt Tiểu ban là Tiểu ban về An toàn hàng hải, Tiểu ban Thông tin, Tìm kiếm và Cứu hộ, Tiểu ban Đào tạo, Tiểu ban về Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm, hàng hóa cứng và công-ten-nơ, Tiểu ban về Thiết kế và trang bị tàu thuyền, Tiểu ban về Cứu hỏa, Tiểu ban về ổn định và an toàn tàu đánh cá, Tiểu ban về Quốc tịch tàu.

Uỷ ban Pháp lý có nhiệm vụ xem xét các vấn đề pháp lý, dự thảo các Công ước, các điều khoản bổ sung sửa đổi Công ước để trình lên Hội đồng.

Uỷ ban Hợp tác kỹ thuật có nhiệm vụ xem xét và đề xuất các đề án hợp tác kỹ thuật với các nước thành viên dựa vào nguồn kinh phí của IMO.

Ban Thư ký của IMO do Tổng thư ký đứng đầu. Tổng Thư ký được Đại hội đồng bầu ra với nhiệm kỳ 4 năm. Tổng Thư ký có quyền bổ nhiệm các nhân viên trong Ban Thư ký với sự chấp thuận của Đại hội đồng. Hiện nay Ban Thư ký IMO có khoảng 300 viên chức, nhân viên.

Trong thời gian qua IMO đã thúc đẩy việc thông qua khoảng 40 Công ước, Nghị định thư và hơn 800 Bộ Qui phạm và khuyến nghị liên quan đến an toàn hàng hải, ngăn ngừa ô nhiễm và các vấn đề liên quan (Bộ Qui phạm về hàng hóa nguy hiểm năm 1965, Bộ Qui phạm về tín hiệu năm 1965, Bộ Qui phạm về an toàn đối với tàu hạt nhân năm 1981).

Việt Nam đã tham gia các Công ước 1973 về ngăn ngừa ô nhiễm biển do tàu gây ra (cùng Nghị định thư 1978), Công ước quốc tế 1972 về tránh va trên biển, Công ước quốc tế 1974 về an toàn sinh mạng trên biển (cùng Nghị định thư 1978), Công ước 1966 về mạn khô tàu biển, Công ước quốc tế 1969 về đo dung tích tàu biển và Công ước quốc tế 1978 về tiêu chuẩn đào tạo cấp bằng và trực ca đối với người đi biển.

IV. CÁC TỔ CHỨC CHUYÊN MÔN CỦA LHQ VỀ VĂN HÓA KHOA HỌC VÀ GIÁO DỤC.

a. Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của LHQ.

Hội nghị Bộ trưởng Giáo dục các nước Đồng minh được tổ chức tại Luân-đôn từ 16-11-1942 đến 5-12-1942 với sự tham gia của đại diện 18 nước. Căn cứ đề nghị của Hội nghị, LHQ đã triệu tập Hội nghị về thành lập Tổ chức Giáo dục và Văn hóa ở Luân-đôn từ 1 đến 16-11-1945 với sự tham gia của đại diện 44 Chính phủ. Ngày 16-11-1946 Hiến chương của Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của LHQ (tiếng Anh là United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization - UNESCO) được thông qua. Đến ngày 4-11-1946 Hiến chương có hiệu lực và kể từ ngày đó UNESCO bắt đầu hoạt động. Từ tháng 12 năm đó UNESCO trở thành Tổ chức chuyên môn của LHQ với trụ sở ở Pa-ri (Pháp). Tính đến ngày 19-10-1999 UNESCO có 188 quốc gia thành viên.

UNESCO đề ra mục đích là thúc đẩy củng cố hòa bình và an ninh quốc tế qua việc phát triển hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục, khoa học và văn hóa, nhằm bảo đảm tôn trọng công lý, pháp luật, nhân quyền và tự do cơ bản cho tất cả mọi người không phân biệt chủng tộc, nam nữ, ngôn ngữ, tôn giáo mà Hiến chương LHQ đã công nhận cho tất cả các dân tộc. Để thực hiện mục đích đó, UNESCO thực hiện 5 chức năng cơ bản khuyến khích sự hiểu biết và thông cảm lẫn nhau giữa các dân tộc; thúc đẩy mạnh mẽ việc giáo dục quần chúng và truyền bá văn hóa, duy trì, tăng cường và truyền bá kiến thức.

UNESCO có các cơ quan chính là Hội nghị chung, Hội đồng chấp hành và Ban Thư ký.

Hội nghị chung là cơ quan tối cao của UNESCO gồm đại diện của tất cả các nước thành viên, Khóa họp thường kỳ của Hội nghị được triệu tập từng hai năm một. Hội nghị quyết định chính sách và phương hướng hoạt động của UNESCO, thông qua các chương trình và ngân sách, bầu các Ủy viên Hội đồng chấp hành và các cơ quan khác, cử Tổng Giám đốc, cũng như giải quyết các vấn đề khác.

Hội đồng chấp hành là cơ quan lãnh đạo thường trực của UNESCO giữa các khóa họp thường kỳ của Hội nghị chung, Hội đồng chấp hành có 58 nước uỷ viên được bầu với nhiệm kỳ 4 năm trên cơ sở tính đến sự đa dạng về văn hóa và phân bổ cân bằng giữa các nhóm khu vực địa lý. Nhóm Tây Âu và các nước khác có 10 uỷ viên. Nhóm Đông Âu có 4, Nhóm các nước Mỹ La-tinh và Ca-ri-bê có 9, Nhóm Châu Á và Thái Bình Dương có 8, Nhóm các nước Châu Phi và A-rập có 20 uỷ viên. Theo Điều lệ của UNESCO thì tiêu chuẩn của uỷ viên Hội đồng là có năng lực trong lĩnh vực nghệ thuật, văn học, khoa học giáo dục, phổ biến kiến thức, có kinh nghiệm và ảnh hưởng cần thiết.

Hội đồng chuẩn bị chương trình nghị sự của Hội nghị chung xem xét chương trình hoạt động của Tổ chức, dự toán ngân sách do Tổng Giám đốc trình, sau đó Hội đồng trình lên Hội nghị chung, kiến nghị việc kết nạp thành viên mới, Hội đồng họp ít nhất 4 kỳ trong 2 năm và có thể có các kỳ họp bất thường.

Ban Thư ký thực hiện các chức năng hành chính - kỹ thuật. Đứng đầu Ban Thư ký là Tổng Giám đốc do Hội nghị Toàn quyền bầu ra với nhiệm kỳ 6 năm và có thể được tái cử.

Từ ngày thành lập đến nay UNESCO đã có 8 Tổng Giám đốc là:

Ông Julian Huxley (Anh)	1946 - 1948
Ông J. Torres Bodet (Mê-hi-cô)	1948 - 1952
Ông J. W. Taylor (Mỹ)	1952 - 1943
Ông Luthe Evans (Mỹ)	1953 - 1958
Ông V.Veronese (I-ta-li-a)	1958-1961
Ông R. Mcheu (Pháp)	1961-1974
Ông A.Mahtar M'Bow (Xê-nê-gan)	1974-1987
Ông Federico Mayor (Tây-ban-nha)	1987-1999
Ông K.Matsuura (Nhật Bản)	1999

Trong Ban Thư ký có 15 Trợ lý Tổng Giám đốc, 145 Giám đốc và 91 viên chức Chương trình. Các nước thành viên có quyền đề cử người để tuyển chọn làm viên chức trong Ban Thư ký theo số lượng qui định và theo tỷ lệ đóng góp niên liễm của họ. Hiện nay Ban Thư ký có 2382 viên chức và nhân viên, trong đó 1717 người làm việc ở Trụ sở UNESCO và 665 người làm việc ở các nơi khác. Ngoài ra UNESCO có 73 Văn phòng và Dự án ở khắp thế giới. Kể từ khi thành lập đến nay UNESCO cũng có khoảng 100 Uỷ ban tư vấn, Uỷ ban liên quốc gia và Hội đồng liên quốc gia để quản lý các Chương trình lớn. Trong số đó phải kể đến Uỷ ban nhu cầu kỹ thuật về Báo chí, Vô tuyến , phim (1947-1949), Uỷ ban quốc tế về Lịch sử phát triển khoa học, văn hóa của nhân loại

(1950 - 1969, 1978), Ủy ban về Phát triển giáo dục (1971-1972), Ủy ban Nghiên cứu các vấn đề thông tin (1977-1980), Ủy ban Thế giới về Văn hóa và Phát triển (1992-1999) v.v...

Tính đến tháng 7/1999 UNESCO có quan hệ với 131 tổ chức liên Chính phủ và duy trì quan hệ với 22 Quỹ, 335 tổ chức phi Chính phủ.

UNESCO là một trong những tổ chức chuyên môn lớn nhất trong LHQ với nội dung hoạt động đa dạng nhất. Một trong những hình thức hoạt động chủ yếu của UNESCO là thực hiện các chương trình trong đó có vấn đề xóa bỏ nạn mù chữ, giúp đỡ kỹ thuật, phát triển thông tin. Trung tâm di sản thế giới của UNESCO đang thực hiện Công ước 1972 về bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên và lập các hệ thống khu vực để bảo vệ các di tích được đưa vào danh sách di sản văn hóa thế giới (hiện nay có hơn 300 di tích được đưa vào danh sách).

Ngân sách của UNESCO có 3 nguồn là ngân sách thường xuyên do tiền niên liễm của các nước thành viên và một số khoản tạm thu khác; ngân sách ngoài UNESCO do tài trợ hoặc phối hợp hoạt động của các tổ chức quốc tế và cơ quan chuyên môn của LHQ, Ngân hàng thế giới và sự tự nguyện của quốc tế. Kể từ khi Mỹ rút khỏi Tổ chức vào năm 1985 tài chính của UNESCO có phần bị co hẹp.

UNESCO là Tổ chức chuyên môn duy nhất của LHQ quy định lập các Ủy ban quốc gia ở các nước thành viên. Tính đến ngày 01-7-1999 có 187 quốc gia thành viên đã lập Ủy ban UNESCO Quốc gia. Các quốc gia thành viên đều có đại diện thường trực bên cạnh UNESCO.

Nước ta trở thành thành viên của UNESCO từ năm 1976. Trong thời gian từ 1976 đến nay UNESCO đã giúp nước ta đào tạo cán bộ, viện trợ trang thiết bị và cơ sở vật chất cho các ngành văn hóa, giáo dục, khoa học và thông tin của ta. Đặc biệt UNESCO đã tích cực giúp ta khôi phục, bảo tồn với di sản văn hóa truyền thống, nhất là chiến dịch vận động quốc tế bảo vệ di sản văn hóa - di tích lịch sử Huế năm 1981. Cho đến nay UNESCO đã công nhận di tích Huế, thắng cảnh Vịnh Hạ Long, di tích Mỹ Sơn, di tích Hội An là các di sản văn hóa thế giới. Năm 1999 Chính phủ ta và UNESCO đã ký Hiệp định về thành lập Văn phòng đại diện của UNESCO tại Việt Nam.

b. Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO)

Ngày 14-7-1967 Hội nghị Sở hữu trí tuệ đã thông qua Công ước thành lập Tổ chức Sở hữu trí tuệ (WIPO) và năm 1970 Công ước này có hiệu lực. WIPO trở thành tổ chức chuyên môn của LHQ từ năm 1974 và có trụ sở tại Giơ-ne-vơ (Thụy Sĩ). Cho đến năm 1997 WIPO có 161 thành viên.

WIPO theo đuổi các mục đích là bảo vệ sở hữu trí tuệ trên thế giới thông qua việc hợp tác giữa các quốc gia và đảm bảo hợp tác giữa Liên minh Pa-ri và Liên minh Béc-nơ. Nhằm mục đích đó, WIPO thúc đẩy phát triển các biện pháp để tạo thuận lợi cho việc bảo vệ, khuyến khích việc ký kết và thực hiện các điều ước quốc tế trong lĩnh vực này. Thực hiện quản lý hành chính đối với các liên minh khác nhau trong lĩnh vực bảo hộ sở hữu trí tuệ, thu thập và phổ biến thông tin trong lĩnh vực này.

Hoạt động của WIPO rất đa dạng. WIPO quản lý một loạt Công ước, Hiệp định quốc tế liên quan đến bảo hộ sở hữu trí tuệ như Công ước Pa-ri 1883 về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, Công ước Béc-nơ 1886 về quyền tác giả, Hiệp định Ma-đơ-rít 1891 về nhãn hiệu hàng hóa, Hiệp định 1970 về bằng sáng chế v.v...

WIPO có các cơ quan chính là Hội nghị các nước thành viên WIPO, Đại hội đồng, Ủy ban điều phối, Ủy ban thường trực về thông tin Sở hữu công nghiệp và Ban thư ký.

Các khoá họp thường kỳ của Hội nghị các nước thành viên WIPO được tổ chức trong hai năm một. Mỗi Chính phủ được cử một đại diện và các cố vấn chuyên gia. Hội nghị thảo luận các vấn đề mà các thành viên WIPO quan tâm trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ, thông qua các khuyến nghị về các vấn đề đó và ngân sách của Hội nghị, lập chương trình hỗ trợ kỹ thuật - pháp lý; thông qua sửa đổi Công ước, kết nạp thành viên. Hội nghị thông qua các quyết định bằng đa số 2/3.

Thành phần của Đại hội đồng hẹp hơn chỉ gồm đại diện các nước thành viên WIPO là thành viên của Liên minh Pa-ri hoặc Liên minh Béc-nơ.

Đại hội đồng xem xét và thông qua các báo cáo và hoạt động của Ủy ban điều phối cũng như báo cáo của Tổng Giám đốc, thông qua ngân sách của WIPO, xem xét và thông qua báo cáo của Tổng Giám đốc, thông qua quy định tài chính của Tổ chức, Quyết định của Đại hội đồng được thông qua khi có 2/3 phiếu đồng ý, riêng việc thông qua các kiến nghị liên quan đến quản lý các điều ước quốc tế cần phải 3/4 số phiếu bỏ; thông qua hiệp định với LHQ hoặc (bầu Tổng Giám đốc của WIPO) thì cần đa số 9/10 phiếu bỏ.

Ủy ban điều phối gồm đại diện 51 nước tham gia Công ước 1967 và đồng thời là thành viên Ủy ban chấp hành Liên minh Pa-ri hoặc Liên minh Béc-nơ, Ủy ban này thực hiện phối hợp và thống nhất hoạt động của các Ủy ban chấp hành của Liên minh Pa-ri và Liên minh Béc-nơ, Ủy ban điều phối họp hàng năm một.

Ban Thư ký của WIPO được gọi là Văn phòng quốc tế do Tổng Giám đốc đứng đầu với nhiệm kỳ 6 năm một. Hiện nay Ban Thư ký có khoảng 450 viên chức và nhân viên làm việc.

WIPO có 2 ngân sách: một ngân sách chung của cả hai Liên minh và một ngân sách của Hội nghị. Ngân sách chung gồm đóng góp của các Liên minh, lệ phí trả cho Văn phòng quốc tế, tiền bán bản quyền đối với các ấn phẩm của Văn phòng, quà tặng cho WIPO, lợi tức và các thu nhập khác. Còn ngân sách của Hội nghị được tạo thành đóng góp của các thành viên WIPO không tham gia hai Liên minh, phí trả cho Văn phòng về trợ giúp pháp lý - kỹ thuật. Đóng góp của các thành viên căn cứ theo Nhóm; các thành viên nhóm A đóng 10 đơn vị, thành viên nhóm B đóng 3 đơn vị và thành viên nhóm C đóng 1 đơn vị.

V. CÁC TỔ CHỨC CHUYÊN MÔN TRONG LĨNH VỰC BƯU ĐIỆN

a. Liên minh Viễn thông quốc tế:

Ngày 17-5-1865 Liên minh Điện tín quốc tế được thành lập trên cơ sở Công ước điện tín thế giới. Từ ngày 01-01-1934 Liên minh Điện tín quốc tế được đổi tên thành Liên minh Viễn thông quốc tế (tiếng Anh là International Telecommunication Union - ITU). Liên minh Viễn thông quốc tế có trụ sở tại Giơ-ne-vơ (Thụy Sĩ) và trở thành tổ chức chuyên môn của LHQ từ năm 1947.

Trước năm 1998, thành viên của ITU là các quốc gia. Hội nghị Toàn quyền ITU tổ chức tại Mênneapolie (Hoa Kỳ) từ 12-10 đến 16-10-1998 đã thông qua việc sửa đổi Hiến chương và Công ước nhằm mở rộng cửa cho các công ty hoặc các tổ chức viễn thông phi Chính phủ tham gia. Do đó hiện nay ITU có các thành viên quốc gia và thành viên bộ phận. Số thành viên của ITU đến ngày 11/2/1998 là 188.

Các cơ quan chính của Liên minh là Hội nghị toàn quyền, Hội đồng, Văn phòng Liên minh và Ủy ban điều phối.

Hội nghị toàn quyền là cơ quan tối cao của Liên minh bao gồm đại diện cho tất cả các nước thành viên. Các khóa họp thường kỳ của Hội nghị toàn quyền được tổ chức 4 năm một lần.

Hội nghị toàn quyền có thẩm quyền quyết định những chính sách chung của Liên minh, xem xét các Báo cáo của Hội đồng về hoạt động của Liên minh, bầu ủy viên của Hội đồng, bầu Tổng Thư ký, xem xét và thông qua bổ sung sửa đổi Hiến chương, ký kết các điều ước quốc tế giữa Liên minh với các tổ chức khác. Hội nghị năm 1998 tại Mỹ đã thông qua sửa đổi Hiến chương và Công ước Viễn thông. Hội nghị cũng thông qua 3 Quyết định và 51 Nghị quyết. Định hướng chiến lược hoạt động của ITU trong giai đoạn hiện nay là

cải thiện dịch vụ khách hàng, phát triển các sản phẩm và dịch vụ mới phù hợp với nhu cầu, tăng cường tài chính của Liên minh, sự tham gia của các bộ phận, tạo quan hệ hợp tác v.v...

Hội đồng là cơ quan chấp hành của Liên minh. Số lượng uỷ viên của Hội đồng không cố định mà được Hội nghị toàn quyền xác định từng 4 năm một với điều kiện là không quá 25% tổng số thành viên của Liên minh và trên cơ sở bảo đảm phân bố công bằng giữa các khu vực địa lý. Hiện nay Hội đồng có 43 uỷ viên. Chức năng của Hội đồng là tiến hành những biện pháp để tạo điều kiện thuận lợi cho các quốc gia thành viên thi hành qui định của Hiến chương, xem xét những vấn đề lớn về chính sách viễn thông, bảo đảm phối hợp có hiệu quả các hoạt động của Liên minh, đóng góp vào sự phát triển viễn thông tại các nước đang phát triển.

An-giê-ri	Đức	Mê-hi-cô
Ác-hen-ti-na	Đan-mạch	Ma-rốc
Úc	Ru-ma-ni	Nam Phi
Bồ Đào Nha	Bun-ga-ri	Ni-giê-ri-a
Xanh-lu-xi-a	Thụy Sĩ	Pa-ki-xtan
Bra-xin	Ấn Độ	Ma-li
Buốc-ki-na Pha-xô	Phi-líp-pin	Ba Lan
Ca-mơ-run	Séc	A-rập Xê-út
Ca-na-đa	I-ta-li-a	Xê-nê-gan
Nga	Nhật Bản	Tây-ban-nha
Trung Quốc	Hàn Quốc	Thái Lan
Cu-ba	Kô-oét	Anh
Ai-cập	Kê-nia	Mỹ
Tan-da-nia	Cốt-đi-voa	Vê-nê-du-ê-la
Pháp	Ma-lai-xia	Ga-bon
	Việt Nam	

Văn phòng Liên minh do Tổng Thư ký đứng đầu, ngoài ra còn có một Phó Tổng thư ký. Tổng thư ký có trách nhiệm điều phối các hoạt động của Liên minh với sự trợ giúp của Ủy ban Điều phối quản lý các nguồn lợi của Liên minh. Tổng thư ký hiện nay của ITU là ông Yoshio Utsuni (Nhật Bản) và Phó Tổng thư ký là ông Roberto Blois (Bra-xin).

Ủy ban Điều phối giúp đỡ và cố vấn cho Tổng thư ký về tất cả những vấn đề quản trị, tài chính, hệ thống thông tin và hợp tác kỹ thuật. Ủy ban gồm Tổng thư ký, Phó Tổng thư ký và các Cục trưởng các Cục quản lý.

Mục tiêu của Liên minh Viễn thông quốc tế là giữ vững và mở rộng hợp tác quốc tế giữa các nước thành viên nhằm cải tiến và sử dụng hợp lý các loại hình viễn thông; thúc đẩy và tăng cường việc tham gia vào các hoạt động của Liên minh; thúc đẩy và trợ giúp kỹ thuật cho các nước đang phát triển trong lĩnh vực viễn thông, thúc đẩy sử dụng các dịch vụ viễn thông nhằm phục vụ quan hệ hòa bình, mở rộng phát huy những lợi thế của công nghệ viễn thông mới đến mọi người, phân bổ và quản lý các tần số vô tuyến điện cũng như vị trí liên quan đến quỹ đạo của các vệ tinh địa tĩnh, tạo lập các tiêu chuẩn viễn thông thế giới, khuyến khích việc cộng tác giữa các nước thành viên để cước phí dịch vụ giảm đến mức thấp nhất, nhưng vẫn bảo đảm chất lượng và thống nhất toàn cầu để sử dụng các dịch vụ viễn thông trong việc cứu hộ.

Việt Nam tham gia ITU từ năm 1976 và trúng cử vào Hội đồng chấp hành ITU từ 1994 và được tái cử vào nhiệm kỳ 1999-2003. Ngày 22-11-1998 Chủ tịch nước ta đã phê chuẩn Văn kiện bổ sung, sửa đổi Hiến chương và Công ước Liên minh Viễn thông quốc tế.

b. Liên minh Bưu chính thế giới UPU.

Liên minh Bưu chính thế giới (UPU) được thành lập năm 1874 tại Hội nghị Bưu chính quốc tế ở Béc-nơ. Văn bản thành lập UPU là Công ước Bưu chính thế giới có hiệu lực từ 1-7-1875 và đã được sửa đổi nhiều lần tại các Đại hội Bưu chính quốc tế. Trụ sở của UPU đóng tại Béc-nơ (Thụy Sĩ). Hiện nay UPU có hơn 100 thành viên.

Mục đích của UPU là đảm bảo và hoàn thiện các quan hệ bưu chính. Tất cả các thành viên UPU được coi là một lãnh thổ bưu chính thống nhất; lãnh thổ đó mang tính thống nhất, tự do quá cảnh và lệ phí thống nhất. UPU xây dựng các qui phạm vận chuyển quốc tế các loại bưu kiện trên cơ sở Công ước Bưu chính thế giới và các điều ước đa phương khác.

UPU có các cơ quan chính là Đại hội Bưu chính thế giới, Hội đồng hành chính, Hội đồng Điều hành Bưu chính và Văn phòng quốc tế.

Đại hội Bưu chính thế giới họp 5 năm một lần với sự tham gia của đại diện tất cả các nước thành viên. Đại hội có thẩm quyền xem xét Công ước Bưu chính thế giới và các Điều ước quốc tế bổ sung khác.

Đại hội Bưu chính thế giới năm 1999 ở Bắc Kinh đã thông qua Chiến lược Bưu chính trong các năm 2000-2004. Chiến lược nêu lên 6 mục đích liên quan đến các lĩnh vực dịch vụ bưu chính toàn cầu, chất lượng dịch vụ của hệ thống Bưu chính quốc tế, tính khả năng về kinh tế của hệ thống đó, thị trường và các sản phẩm bưu chính, cải cách và phát triển bưu chính và hợp tác giữa các bên.

Hội đồng Hành chính là Cơ quan thường trực lãnh đạo hoạt động của Liên minh giữa hai khóa họp của Đại hội, Hội đồng giải quyết các khía cạnh kinh tế, thương mại của các dịch vụ bưu chính quốc tế. Sau mỗi khóa Đại hội, Hội đồng xem xét lại các Quy định chi tiết. Hội đồng chuẩn bị và đưa ra các khuyến nghị cho các nước thành viên liên quan đến các tiêu chuẩn cho các quá trình công nghệ, hoạt động và các quá trình khác. Chương trình hoạt động của Hội đồng nhằm giúp các ngành bưu chính hiện đại hóa và nâng cấp các sản phẩm bưu chính. Chủ tịch Hội đồng Điều hành do Hội đồng bầu ra.

Hội đồng Hành chính của Liên minh (CA) họp hàng năm tại trụ sở ở Béc-nơ để bảo đảm công việc thường xuyên giữa các kỳ Đại hội, giám sát các hoạt động của Liên minh, nghiên cứu các vấn đề hành chính, thể lệ, pháp lý mà Liên minh có quan tâm. Hội đồng Hành chính có thẩm quyền phê duyệt các đề nghị của Hội đồng Điều hành để thông qua các qui tắc, thủ tục trong khi chờ Đại hội tới. Hội đồng Hành chính cũng thông qua ngân sách và có nghĩa vụ thúc đẩy, phối hợp mọi khía cạnh của trợ giúp kỹ thuật cho các nước thành viên. Chủ tịch Hội đồng Hành chính là nước chủ nhà của Đại hội Bưu chính khóa trước. Do đó hiện nay Trung Quốc là Chủ tịch Hội đồng này. Hội đồng có 40 uỷ viên. Mỗi Đại hội sẽ bầu lại 20 uỷ viên Hội đồng. Uỷ viên Hội đồng hiện nay được phân bổ như sau: Khu vực 1 (châu Mỹ) có 8 uỷ viên, khu vực 2 (Đông Âu) có 5 uỷ viên, khu vực 3 (Tây Âu) có 6 uỷ viên, khu vực 4 (châu Á) có 11 uỷ viên và khu vực 5 (châu Phi) 11 uỷ viên.

Công-gô	Ai-cập	Ma-đa-ga-xca
Cô-xta-ri-ca	E-ti-ô-pi-a	Nga
Úc	Pháp	U-crai-na
Thổ Nhĩ Kỳ	Ga-bon	Mê-hi-cô
Băng-la-đét	Hà Lan	Ma-rốc
Bắc-ba-đốt	Bun-ga-ri	Xu-đan
Bra-xin	E-quia-đo	Pa-ki-xtan
Buốc-ki-na Pha- xô	Hung-ga-ri	U-ru-goay
Gha-na	U-gan-đa	Ba Lan
Đan-mạch	Ấn Độ	A-rập Xê-út
CH Đô-mi-ni-ca	Việt Nam	Tây Ban Nha
Trung Quốc	Nhật Bản	Xi-ri
Cốt-di-voa	Hàn Quốc	Thụy Sĩ
		Mỹ

Đại hội Bưu chính lần thứ 22 tổ chức tại Bắc Kinh từ 23 đến 27-8-1999 đã thông qua Nghị định thư bổ sung lần thứ 6 vào Hiến chương và một số sửa đổi, bổ sung Thể lệ chung của UPU (mang tính thủ tục và gộp Công ước, Hiệp định thành một văn kiện chung là Công ước) gộp 3 Hiệp định thành Hiệp định chung về các Dịch vụ thanh toán Bưu chính, mở rộng quyền Hội đồng Hành chính. Tại Đại hội này lần đầu tiên Việt Nam tham gia Công ước và trúng cử vào Hội đồng Hành chính.

Đại hội Bưu chính Xê-un đã phân bổ 40 uỷ viên Hội đồng này như sau: 24 ghế dành cho các nước đang phát triển và 16 ghế dành cho các nước phát triển. Mỗi Đại hội Bưu chính sẽ bầu lại 1/3 số uỷ viên. Ban lãnh đạo Hội đồng này là 3 nước Đức, Phần Lan và Bồ Đào Nha và 3 nước đã bầu Bồ Đào Nha làm Chủ tịch. Hiện nay các uỷ viên của Hội đồng Điều hành bưu chính gồm:

Ác-hen-ti-na	Đức	Pa-ki-xtan
Áo	Anh	Ba-lan
Băng-la-đét	Ấn Độ	Bồ Đào Nha
Bỉ	I-ran	Nga
Bra-xin	I-rơ-len	Xê-nê-gan
Bun-ga-ri	I-ta-li-a	Tây-ban-nha
Ca-na-đa	Nhật Bản	Thụy Sĩ
Chi-lê	Kê-ni-a	Tan-da-ni-a
Trung Quốc	Ma-lai-xi-a	Thổ-nhĩ-kỳ
Cu-ba	Mê-hi-cô	Mỹ
Ai-cập	Ma-rốc	Vê-nê-du-ê-la
Phần Lan	Hà Lan	Dim-ba-bu-ê
Pháp	Niu Di-lân	Tu-ni-dơ

Hội đồng Điều hành Bưu chính cũng có 40 uỷ viên, chịu trách nhiệm về các vấn đề kỹ thuật và kinh tế trong quan hệ Bưu chính, thông qua và sửa đổi Qui tắc.

Văn phòng quốc tế thực hiện chức năng Ban Thư ký của Liên minh do Tổng Giám đốc lãnh đạo. Tổng Giám đốc hiện nay của UPU là ông Thomas Leavey (Mỹ), Phó Tổng Giám đốc là ông M.Mazou (Công - gô).

UPU trở thành tổ chức chuyên môn LHQ từ ngày 01-7-1948. Đến nay quan hệ của UPU với các tổ chức quốc tế ngày càng phát triển. UPU duy trì quan hệ chặt chẽ với Chương trình Phát triển của LHQ (UNDP), Chương trình kiểm soát ma túy của LHQ (UNIDCP), Chương trình Môi trường của LHQ (UNEP), Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế (ICAO), Tổ chức Y tế thế

giới (WHO), Tổ chức Văn hóa - Khoa học và Giáo dục của LHQ (UNESCO) và Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).

VI. CÁC TỔ CHỨC CHUYÊN MÔN TRONG LĨNH VỰC LAO ĐỘNG VÀ SỨC KHỎE.

a. Tổ chức Lao động thế giới.

Tổ chức Lao động thế giới (tiếng Anh là International Labour Organization - ILO) được thành lập vào năm 1919 tại Hội nghị Hòa bình Paris. Cơ sở pháp lý của ILO là Hiến chương gồm 40 điều khoản được xem xét lại vào năm 1946. Ngày 14-12-1946 ILO ký Hiệp định với LHQ và qua đó trở thành tổ chức chuyên môn đầu tiên của LHQ. Trụ sở của ILO đóng tại Giơ-ne-vơ (Thụy Sĩ). Theo Quy định của Hiến chương ILO thành viên của Tổ chức này là những quốc gia đã là thành viên của Tổ chức đến ngày 01-11-1945, các quốc gia khác là thành viên sáng lập của LHQ hoặc các thành viên khác của LHQ đã thông báo với Tổng Giám đốc ILO là họ chính thức chấp nhận các nghĩa vụ theo Hiến chương ILO (khoản 3 điều 1). Các quốc gia khác cũng được trở thành thành viên ILO nếu Hội nghị chung của ILO đồng ý bằng 2/3 số đại biểu dự họp với điều kiện là phải được 2/3 đại biểu của Chính phủ đồng ý. Tính đến năm 1998 ILO có 176 quốc gia thành viên.

Mục đích của ILO là thúc đẩy việc thiết lập nền hòa bình bền vững qua việc khuyến khích công bằng xã hội, cải thiện điều kiện lao động, bảo đảm công ăn việc làm đầy đủ hơn và nâng cao điều kiện sống của người lao động. Nhằm mục tiêu đó ILO định ra các chính sách, chương trình mang tính quốc tế, những chuẩn mực lao động quốc tế và coi đó là những đường hướng chính để các nhà lãnh đạo các nước đề ra những chính sách hành động, đề ra các chương trình hợp tác kỹ thuật giúp các chính phủ vạch ra các chính sách có hiệu quả, tiến hành đào tạo, nghiên cứu để hỗ trợ thúc đẩy các nỗ lực trên.

Các cơ quan chính của ILO là Hội nghị Lao động quốc tế (General Conference), Hội đồng Quản trị (Governing Body), Văn phòng Lao động quốc tế (International Labour Office). ILO có một cơ chế đặc biệt là ở Hội nghị cũng như ở Hội đồng quản trị đều có đại diện 3 bên tham gia là đại diện Chính phủ, đại diện giới chủ và đại diện cho người lao động. Khi lập ra cơ chế như vậy người ta dự tính là cơ chế đó sẽ thúc đẩy sự đối thoại giữa người lao động và giới chủ với sự trung gian của các Chính phủ.

Hội nghị Lao động quốc tế là cơ quan cao nhất của ILO có các khóa họp thường niên hoặc bất thường. Các khóa họp tổ chức vào tháng 6 tại Giơ-ne-vơ.

Tại Hội nghị, mỗi quốc gia thành viên được cử 4 đại biểu, trong đó 2 đại biểu Chính phủ, 1 đại biểu giới chủ và 1 đại biểu lao động (điều 3 - Hiến chương) và các cố vấn kỹ thuật cần thiết với điều kiện không quá 2 cố vấn cho một đề mục tại cuộc họp. Đại biểu giới chủ và đại biểu lao động có thể phát biểu và bỏ phiếu theo chỉ thị của các tổ chức mình. Tại các diễn đàn của ILO thường bỏ phiếu trái ngược nhau và có khi trái với phiếu của đại diện Chính phủ nước họ.

Tại các khóa họp thường niên, Hội nghị bầu Chủ tịch khóa họp và 3 Phó Chủ tịch - đại biểu Chính phủ, đại biểu giới chủ và đại biểu lao động (khoản 1 điều 17 Hiến chương). Hội nghị soạn thảo, thông qua các Công ước và Khuyến nghị về vấn đề lao động (tự do lập nghiệp đoàn, tiền lương, giờ làm việc, điều kiện làm việc, đền bù thiệt hại cho lao động nữ, bảo hiểm xã hội, trợ cấp ngày nghỉ, giám sát lao động v.v...) Hội nghị bầu Hội đồng quản trị, thông qua ngân sách của ILO, xác định các tiêu chuẩn lao động. Các quyết định của Hội nghị được thông qua bằng đa số phiếu (khoản 2, điều 17 Hiến chương) nhưng để thông qua các Công ước và Khuyến nghị thì cần đa số 2/3 (khoản 2, điều 19 Hiến chương).

Đến tháng 5 năm 2000, ILO đã thông qua 180 Công ước và 182 Khuyến nghị. Sau khi được Hội nghị thông qua, các Công ước được chuyển cho các thành viên để phê chuẩn, còn các khuyến nghị sẽ được thực hiện. Các thành viên tham gia các Công ước có nghĩa vụ hàng năm báo cáo cho Văn phòng Lao động quốc tế về việc thực hiện các Công ước mà họ là Bên ký kết (điều 22). ILO giám sát việc thực hiện các Công ước và định ra thủ tục đặc biệt điều tra các khiếu nại về những vụ vi phạm. Cụ thể là khi nhận được các đơn khiếu nại, ILO sẽ lập Ủy ban gồm các chuyên gia pháp lý độc lập (20 luật gia) để xem xét vấn đề và sau đó trình các báo cáo cho Ủy ban thực hiện của Hội nghị. Ủy ban thực hiện xem xét và thông qua báo cáo chung về việc thực hiện các Công ước và Khuyến nghị. Các bên vi phạm phải lý giải trước Ủy ban, trả lời câu hỏi của các đại biểu. Trong vòng 3 tháng các Chính phủ phải báo cáo cho Tổng Giám đốc là họ chấp nhận hay không chấp nhận các khuyến nghị của Ủy ban điều tra; nếu họ không chấp nhận thì được đưa ra Tòa án quốc tế xét xử.

Hội đồng Quản trị là cơ quan hoạch định giữa hai khóa họp của ILO. Mỗi năm Hội đồng quản trị họp 3 lần tại Giơ-ne-vơ. Hội đồng quản trị gồm 56 ủy viên trong đó 28 ủy viên thuộc các Chính phủ (trong số này 10 nước công nghiệp hàng đầu là Bra-xin, Trung Quốc, Pháp, Đức, Ấn Độ, I-ta-li-a, Nhật Bản, Nga, Anh, Mỹ có các ủy viên thường trực, còn 18 ủy viên khác được bầu 3

năm một), 14 uỷ viên giới chủ và 14 uỷ viên đại diện người lao động. Hội đồng Quản trị có Chủ tịch và ba Phó Chủ tịch, trong đó một Phó Chủ tịch đại diện cho Chính phủ, một người đại diện cho giới chủ và một người đại diện cho người lao động. Hội đồng quản trị có thể có các cuộc họp bất thường nếu có ít nhất 16 uỷ viên Hội đồng yêu cầu bằng văn bản (điều 7).

Hội đồng quản trị có các Uỷ ban sau: Uỷ ban về Tự do lập Hội (CFA), Uỷ ban Chương trình, Tài chính và Hành chính (PFA), Tiểu ban Xây dựng (PFA/BC) Uỷ ban về các vấn đề Pháp lý và Tiêu chuẩn lao động quốc tế (LILS), Tiểu ban về các xí nghiệp đa quốc gia (MNE), Uỷ ban về việc làm và chính sách xã hội (ESP), Uỷ ban về các cuộc họp kỹ thuật và các vấn đề liên quan (STM), Uỷ ban về Hợp tác kỹ thuật (TC) v.v...

Văn phòng Lao động quốc tế thực hiện chức năng Ban Thư ký của ILO và do Tổng Giám đốc đứng đầu với nhiệm kỳ 5 năm một và có thể được bầu lại. Đến nay đã có 9 Tổng Giám đốc ILO, đó là:

Ông Albert Thamas (Pháp)	1919-1932
Ông Harold Butler (Anh)	1932-1938
Ông John G. Winant (Mỹ)	1939-1941
Ông Edward Philan (Ai-rơ-len)	1941-1948
Ông David A. Morse (Mỹ)	1948-1970
Ông C. Wilfred Jenks (Anh)	1970-1973
Ông F. Blanchard (Pháp)	1974-1989
Ông M. Hansense (Bỉ)	1989-1999
Ông Juan Somavia (Chi-lê)	Từ 4-3-1999

Nhiệm vụ của Văn phòng là chuẩn bị tài liệu, thu thập và phổ biến thông tin, tiến hành nghiên cứu, tổ chức các cuộc họp khác nhau. Văn phòng có khoảng 1900 viên chức mang quốc tịch 110 nước đang làm việc tại trụ sở ở Giơ-ne-vơ và 40 Văn phòng trên thế giới. Ngoài ra Văn phòng có khoảng 600 chuyên gia đang làm việc theo các chương trình hợp tác kỹ thuật ở các nước. ILO có đại diện ở một loạt quốc gia thành viên. Ngoài ra ILO còn có một số cơ quan khác như Viện nghiên cứu lao động quốc tế ở Giơ-ne-vơ, Trung tâm đào tạo nghề và kỹ thuật ở Tu-rin (I-ta-li-a).

Ngân sách hàng năm của ILO do Hội nghị Lao động quốc tế thông qua và phân bổ cho các thành viên theo thang tỷ lệ của LHQ. Ngân sách của ILO trong năm tiền khóa 1992-1993 là 405,7 triệu đôla Mỹ.

Việt Nam trở thành thành viên ILO từ năm 1992 và đã phê chuẩn một số Công ước lao động của ILO. Việt Nam đã tham gia 14 Công ước của Tổ chức Lao động quốc tế bao gồm Công ước số 5 qui định tuổi tối thiểu của trẻ em

được vào làm trong các công việc công nghiệp, Công ước số 6 về làm việc ban đầu của trẻ em trong công nghiệp, Công ước số 14 về việc áp dụng nghỉ hàng tuần trong các cơ sở công nghiệp, Công ước số 27 về việc ghi trọng lượng trên các kiện hàng lớn chở bằng tàu, Công ước số 45 về sử dụng phụ nữ vào những công việc dưới mặt đất trong hầm mỏ, Công ước số 80 về việc xem xét lại các điều khoản cuối cùng năm 1946, Công ước số 81 về thanh tra lao động trong công nghiệp và thương mại, Công ước số 100 về trả công bình đẳng giữa lao động nam và nữ, Công ước 111 không phân biệt đối xử trong việc làm và nghề nghiệp, Công ước số 116 về việc xem lại các điều khoản cuối cùng năm 1961, Công ước số 120 về vệ sinh trong thương mại và văn phòng, Công ước số 123 về tuổi tối thiểu được làm dưới mặt đất trong hầm mỏ, Công ước 124 về việc kiểm tra y tế cho thiếu niên làm việc dưới mặt đất trong hầm mỏ, Công ước số 159 về an toàn lao động, vệ sinh lao động và môi trường làm việc.

b. Tổ chức Y tế thế giới

Tổ chức Y tế thế giới (tiếng Anh là World Health Organization- WHO) được thành lập ngày 07/4/1948 tại Hội nghị quốc tế về bảo vệ sức khỏe ở Nữu- ước và trở thành tổ chức chuyên môn của LHQ từ ngày 10/7/1948. Trụ sở của WHO đóng tại Giơ-ne-vơ (Thụy Sĩ). WHO có 191 quốc gia thành viên.

Mục tiêu của Tổ chức Y tế thế giới là để cho mọi người có được sức khỏe tốt. Các hướng hoạt động chính của WTO là chống các bệnh truyền nhiễm, xây dựng các qui tắc về kiểm dịch và vệ sinh, giúp đỡ thiết lập các hệ thống y tế, chuẩn bị cán bộ, chống bệnh tật. Năm 1977 Tổ chức này đã đề ra nhiệm vụ là đến năm 2000 mọi người có một sức khỏe bảo đảm cho họ một lối sống có năng suất về mặt xã hội và kinh tế. Để đạt được điều đó cần có những nỗ lực chung giữa Chính phủ và nhân dân các nước trên nền tảng chăm sóc sức khỏe ban đầu với 8 yếu tố cơ bản là giáo dục sức khỏe, cung cấp lương thực và dinh dưỡng khoa học, nước sạch và vệ sinh môi trường, sức khỏe bà mẹ và trẻ em, miễn dịch đối với những bệnh truyền nhiễm chính, ngăn ngừa và kiểm soát các bệnh dịch địa phương, chữa trị phù hợp các căn bệnh phổ thông, cung cấp thuốc chữa bệnh thiết yếu.

Tổ chức Y tế thế giới tiến hành hỗ trợ các quốc gia củng cố lại hệ thống y tế của họ, thúc đẩy nghiên cứu cần thiết để phát triển các công nghệ phù hợp liên quan đến mọi khía cạnh trong vấn đề sức khỏe như dinh dưỡng, chăm sóc bà mẹ, trẻ em, an toàn môi trường, khỏe mạnh tinh thần, phòng ngừa tai nạn v.v... Tổ chức vận động trên qui mô toàn cầu nhằm mục tiêu giúp 90% trẻ em trên thế giới vào năm 2000 có khả năng miễn dịch đối với 6 căn bệnh bạch hầu, sởi, viêm tủy, uốn ván, lao và ho gà.

WHO đã phối hợp với Chương trình Phát triển của LHQ (UNDP) và Ngân hàng thế giới (WB) tiến hành một Chương trình đặc biệt về nghiên cứu và đào tạo liên quan đến các căn bệnh nhiệt đới như sốt rét, phong, giun kim. WHO cũng phối hợp với Ngân hàng thế giới, Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp LHQ và Chương trình Phát triển của LHQ triển khai một chương trình lớn khác chống lại bệnh ung thư và mù lòa ở Tây Phi. Tổ chức Y tế thế giới chỉ đạo và điều phối một chương trình toàn cầu về chống căn bệnh thế kỷ là hội chứng suy giảm miễn dịch (AIDS).

Các cơ quan chính của WHO là Đại hội đồng Y tế thế giới, Hội đồng chấp hành và Ban Thư ký.

Đại hội đồng Y tế thế giới là cơ quan cao nhất của WHO với sự tham gia của đại diện tất cả các quốc gia thành viên. Đại hội đồng có các khóa họp thường niên để quyết định chính sách của WHO, xây dựng các Chương trình y tế, xem xét Báo cáo của Hội đồng chấp hành, và của Tổng Giám đốc, thảo luận và thông qua ngân sách của Tổ chức. Đại hội đồng cũng có thể ký các điều ước quốc tế trong phạm vi thẩm quyền của WHO.

Hội đồng chấp hành gồm đại diện của 31 quốc gia thành viên do Đại hội đồng bầu ra với nhiệm kỳ 3 năm. Hội đồng họp không ít hơn 2 lần trong một năm để thực hiện các quyết định của Đại hội đồng, quyết định Chương trình nghị sự các khóa họp thường niên của Đại hội đồng, lập các Ủy ban cũng như thông qua các biện pháp khẩn cấp.

Năm 1994 Hội đồng Điều hành lập Ủy ban Phát triển Chương trình - PDC (thành phần gồm 6 uỷ viên Hội đồng Điều hành - đại diện cho 6 khu vực của WHO, Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng Điều hành), Ủy ban Hành chính, Ngân hàng và Tài chính với thành phần tương tự như Ủy ban Phát triển Chương trình. Năm 1999 Hội đồng Điều hành lại thành lập Ủy ban Kiểm toán. Ủy ban Phát triển Chương trình ít nhất họp 1 lần trong 2 năm, còn Ủy ban Hành chính, Ngân hàng và Tài chính và Ủy ban Kiểm toán họp 2 lần trong năm.

Ban Thư là cơ quan hành chính của WHO do một Tổng Giám đốc đứng đầu.

Ngoài ra trong khuôn khổ WHO có 6 tổ chức khu vực (các nước châu Âu, Trung Đông, châu Phi, châu Mỹ, Đông Nam Á, phần Tây Thái Bình Dương). Đồng thời WHO có đại diện ở các quốc gia thành viên.

Việt Nam và WHO có quan hệ hợp tác từ năm 1976 và việc hợp tác giữa hai bên ngày càng phát triển. Trong thời gian đầu, WHO chủ yếu hỗ trợ Bộ Y tế nước ta các loại thuốc thiết yếu, sau này chuyển sang hỗ trợ kỹ thuật. Trong năm 1994 - 1995 WHO dành cho ta khoảng 6,2 triệu đôla Mỹ và

Chương trình hợp tác giữa hai bên tiếp tục tập trung vào các dự án ưu tiên. Trong tài khóa này số dự án được giảm tối đa và một số dự án quan trọng được tập trung kinh phí mức tối đa như Dự án tăng cường trang thiết bị y tế cơ sở, Dự án phòng chống sốt rét, Dự án hỗ trợ thuốc vắc-xin và Dự án cung cấp vật tư y tế, sang tài khóa 1996-1997 con số là 4,7 triệu đôla Mỹ. Tổ chức y tế thế giới tiến hành cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho các lĩnh vực như sức khỏe ban đầu, sức khỏe bà mẹ và trẻ em, nuôi con bằng sữa mẹ, kiểm soát bệnh sốt rét, cung cấp nước và vệ sinh môi trường. WHO cũng cử các chuyên gia làm việc ở nước ta phục vụ các Chương trình tiêm chủng mở rộng, nuôi con bằng sữa mẹ, chống sốt rét, y tế môi trường.

Trong tài khóa 1998-1999 tổng kinh phí do WHO tài trợ cho Việt Nam cũng khoảng 4,7 triệu đôla Mỹ dùng cho 10 dự án khác nhau về phát triển nguồn nhân lực y tế, phát triển và quản lý chính sách y tế, chất lượng chăm sóc sức khỏe, phòng chống các bệnh không truyền nhiễm, vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, an toàn truyền máu, tăng cường và bảo vệ sức khỏe, phòng chống truyền nhiễm, hỗ trợ chương trình thuốc quốc gia. Từ năm 1976 đến 1997 WHO đã hỗ trợ cho ta 62,9 triệu đôla Mỹ⁽¹⁾.

VII. TỔ CHỨC KHÍ TƯỢNG QUỐC TẾ

Hội nghị Khí tượng quốc tế năm 1973 tại Viên (Áo) đã thông qua Điều lệ Tổ chức Khí tượng quốc tế (International Meteorological Organization - IMO). Năm 1947 Hội nghị lần thứ 12 các Giám đốc Tổ chức Khí tượng quốc tế ở Oa – sinh – tôn đã thông qua Công ước đổi tên Tổ chức Khí tượng quốc tế thành Tổ chức Khí tượng thế giới (World Meteorological Organization - WMO). Công ước có hiệu lực từ năm 1950, nhưng WMO bắt đầu hoạt động từ năm 1951 và cuối năm đó, năm 1951 WMO trở thành tổ chức chuyên môn của LHQ sau khi hai Tổ chức ký Hiệp định với nhau. Trụ sở của WMO đóng tại Giơ-ne-vơ (Thụy Sĩ). WMO có 185 thành viên, trong đó có 179 thành viên quốc gia và 6 thành viên lãnh thổ.

WMO thúc đẩy sự hợp tác quốc tế trong lĩnh vực khí tượng, thúc đẩy việc tổ chức và phát triển dịch vụ khí tượng, trao đổi nhanh chóng các thông tin khí tượng, tiêu chuẩn hóa việc quan trắc, sử dụng khí tượng trong hàng không, hàng hải, nông nghiệp và các lĩnh vực hoạt động khác. Chương trình hoạt động chủ yếu là theo dõi thời tiết toàn cầu - thu thập và cung cấp cho các nước thành viên các thông tin về thời tiết và tin tức về môi

⁽¹⁾ Các Tổ chức quốc tế và VN- NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội 1999, trang 215, 220.

trường. Chương trình được tiến hành thông qua các hệ thống quan sát và liên lạc viễn thông với 9 hệ vệ tinh, 10.000 trạm quan sát mặt đất và 7.000 trạm quan sát trên tàu biển. Hàng ngày hệ thống liên lạc tốc độ cao truyền đi hơn 15 triệu số liệu và 2000 biểu đồ thời tiết qua 3 Trung tâm khí tượng thế giới, 35 Trung tâm khí tượng khu vực và 183 Trung tâm khí tượng quốc gia. Thông qua WMO các thỏa thuận phức tạp về tiêu chuẩn, luật, đo lường và thông qua đã được thiết lập ở cấp độ quốc gia.

Các cơ quan chính của WMO gồm Đại hội Khí tượng thế giới, Hội đồng chấp hành, và Ban Thư ký.

Đại hội Khí tượng thế giới là cơ quan cao nhất của WMO với sự tham gia của đại diện tất cả các quốc gia thành viên. Đại hội 4 năm họp một lần để xác định chính sách chung của Tổ chức, thông qua ngân sách và chương trình hoạt động, xem xét các khuyến nghị của các thành viên, xem xét báo cáo của Hội đồng chấp hành, quyết định thành lập các Hội khu vực, các Ủy ban kỹ thuật, bầu ban lãnh đạo v.v...

Hội đồng chấp hành có 36 uỷ viên, trong đó Chủ tịch, 3 Phó Chủ tịch, 6 Chủ tịch các Hội khu vực và 26 Giám đốc cơ quan dịch vụ khí tượng của các quốc gia thành viên với tư cách cá nhân. Hội đồng chấp hành chuẩn bị các cuộc họp hàng năm, nghiên cứu và kiến nghị cho Đại hội, kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết và Chương trình của Đại hội và tư vấn cho các thành viên về các vấn đề kỹ thuật. Hội đồng họp ít nhất mỗi năm một lần. Chủ tịch hiện nay của WMO là ông G.V. Dinman (Úc).

WMO có 6 Hiệp hội khí tượng khu vực (khu vực 1: châu Phi, khu vực 2: châu Á, khu vực 3: Nam Mỹ, khu vực 4: Bắc và Trung Mỹ, khu vực 5: Tây Nam Thái Bình Dương, khu vực 6: châu Âu). Các Hiệp hội họp từng 4 năm một để phối hợp các hoạt động trong khu vực và xem xét những vấn đề sẽ chuyển lên Hội đồng. Chủ tịch Hội khu vực xác định thời gian, địa điểm họp với sự chấp thuận của Chủ tịch Tổ chức. Sắp tới Hiệp hội khí tượng châu Á (RAII) sẽ họp tại Xơ-un từ 19 đến 20-9-2000.

Ban Thư ký dưới sự lãnh đạo của Tổng thư ký phụ trách các công việc hành chính - kỹ thuật cho Tổ chức. Tổng thư ký do Đại hội đồng bầu với nhiệm kỳ 4 năm. Tổng Thư ký hiện nay của WMO là ông G.O.B.Ô-ba-si (Ni-giê-ri-a).

Ngoài ra Tổ chức Khí tượng thế giới còn có 8 Ủy ban kỹ thuật như Ủy ban về Khí quyển, Ủy ban về Hệ thống cơ bản, Ủy ban về Khí động học, Ủy ban về Thủy văn, Ủy ban về Khí tượng nông nghiệp, Ủy ban về Khí tượng biển. Các Ủy ban này cũng họp từng 4 năm một.

Ngân sách của WMO được hình thành từ các nguồn khác nhau, đóng góp của UNDP (chiếm 54%), đóng góp tự nguyện của các nước thành viên cho Chương trình giúp đỡ tự nguyện (chiếm 23%), đóng góp của các nước thành viên cho Quỹ giúp đỡ đặc biệt (chiếm 19%) và đóng góp thường xuyên của các nước thành viên (chiếm 4%).

Nước ta trở thành thành viên của WMO từ năm 1974. Năm 1976 Tổng thư ký WMO lúc đó và Tổng thư ký O-ba-si đã đến thăm Việt Nam. WMO đã giúp nước ta đào tạo một số cán bộ chuyên ngành và thực hiện một số dự án qua Chương trình giúp đỡ tự nguyện và Chương trình hợp tác kỹ thuật giữa các nước đang phát triển. Từ năm 1976 đến 1997 WMO đã viện trợ cho ta 5,2 triệu đôla.

CÂU HỎI HƯỚNG DẪN HỌC TẬP

- 1. Hãy nêu cơ cấu và hoạt động của các tổ chức chuyên môn trong lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, thương mại và năng lượng?*
- 2. Hãy nêu cơ cấu và hoạt động của các tổ chức chuyên môn trong lĩnh vực tài chính?*
- 3. Hãy nêu cơ cấu và hoạt động của các tổ chức chuyên môn trong lĩnh vực giao thông?*
- 4. Hãy nêu cơ cấu và hoạt động của các tổ chức chuyên môn trong lĩnh vực văn hóa, khoa học và giáo dục?*
- 5. Hãy nêu cơ cấu và hoạt động của các tổ chức chuyên môn trong lĩnh vực bưu điện?*
- 6. Hãy nêu cơ cấu và hoạt động của các cơ cấu tổ chức chuyên môn trong lĩnh vực lao động và sức khỏe?*
- 7. Hãy nêu cơ cấu và hoạt động của các tổ chức chuyên môn trong lĩnh vực khí tượng quốc tế?*

PHỤ LỤC I

HIẾN CHƯƠNG LHQ

Chúng tôi, nhân dân các nước liên hiệp lại quyết tâm:

Phòng ngừa cho những thế hệ tương lai khỏi thảm họa chiến tranh đã hai lần xảy ra trong đời chúng ta, gây cho nhân loại đau thương không kể xiết;

Tuyên bố một lần nữa sự tin tưởng vào những quyền cơ bản, nhân phẩm và giá trị của con người ở quyền bình đẳng giữa nam và nữ, ở quyền bình đẳng giữa nước lớn và nhỏ;

Tạo mọi điều kiện cần thiết để giữ gìn công lý và tôn trọng những nghĩa vụ do những nghĩa vụ do những điều ước và các nguồn khác do luật quốc tế đặt ra;

Khuyến khích sự tiến bộ xã hội và nâng cao điều kiện sống trong một nền tự do rộng rãi hơn;

Và để đạt được những mục đích đó:

Bày tỏ lòng mong muốn cùng chung sống hòa bình trên tinh thần láng giềng thân thiện, cùng nhau góp sức để duy trì hòa bình an ninh quốc tế, thừa nhận những nguyên tắc và xác định những phương pháp đảm bảo không dùng vũ lực, trừ trường hợp vì lợi ích chung, sử dụng cơ chế quốc tế để thúc đẩy sự tiến bộ kinh tế để thúc đẩy sự tiến bộ kinh tế - xã hội của tất cả các dân tộc;

Đã quyết định tập trung mọi nỗ lực của chúng tôi để đạt được những mục đích đó.

Vì vậy chúng tôi thông qua các đại diện có đủ thẩm quyền hợp lệ. Họp tại thành phố San Phranxiscô, đã thỏa thuận thông qua Hiến chương này và lập ra một Tổ chức quốc tế lấy tên là Liên Hợp Quốc.

Chương I

ĐIỀU 1.

LHQ theo đuổi những mục đích sau:

1. Duy trì hoà bình và an ninh quốc tế, và để đạt được mục đích đó, thi hành những biện pháp tập thể có hiệu quả để phòng ngừa và loại trừ các mối đe dọa hòa bình, cấm mọi hành vi xâm lược và phá hoại hòa bình khác; điều chỉnh hoặc giải quyết các vụ tranh chấp hoặc những tình thế có tính chất quốc tế có thể đưa đến sự phá hoại hòa bình, bằng phương pháp hòa bình theo đúng nguyên tắc của công lý quốc tế;

2. Phát triển mối quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc bình đẳng và tự quyết của các dân tộc và áp dụng những biện pháp phù hợp khác để củng cố hòa bình thế giới.

3. Thực hiện sự hợp tác quốc tế trong việc giải quyết các vấn đề quốc tế về kinh tế - xã hội, văn hóa và nhân đạo, khuyến khích và phát triển sự tôn trọng các quyền của con người và tự do cơ bản cho tất cả mọi người không phân biệt chủng tộc, nam nữ, ngôn ngữ hoặc tôn giáo;

4. Trở thành trung tâm phối hợp mọi hành động của các dân tộc, nhằm đạt được những mục đích nói trên.

ĐIỀU 2.

Để đạt được những mục đích nêu ở Điều 1, LHQ và các thành viên LHQ hành động phù hợp với những nguyên tắc sau đây:

1 LHQ được xây dựng trên nguyên tắc bình đẳng, chủ quyền của tất cả các nước thành viên.

2. Tất cả các nước thành viên LHQ đều phải làm tròn những nghĩa vụ mà họ phải đảm nhận theo Hiến chương này để được đảm bảo hưởng toàn bộ các quyền và ưu đãi do tư cách thành viên mà có;

3. Tất cả các thành viên của LHQ giải quyết các tranh chấp quốc tế của họ bằng biện pháp hòa bình, sao cho không tổn hại đến hòa bình, an ninh quốc tế và công lý;

4. Tất cả các thành viên LHQ từ bỏ đe dọa bằng vũ lực hoặc sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế nhằm chống lại sự bất khả xâm phạm về lãnh thổ hay nền độc lập chính trị của bất cứ quốc gia nào cũng như bằng cách khác trái với những mục đích của LHQ.

5. Tất cả các thành viên của LHQ giúp đỡ đầy đủ cho LHQ trong mọi hành động mà nó áp dụng theo đúng Hiến chương này và tránh giúp đỡ bất cứ quốc gia nào bị LHQ áp dụng các hành động phòng ngừa hoặc cưỡng chế;

6. LHQ làm thế nào để các quốc gia không phải là thành viên LHQ cũng hành động theo nguyên tắc này, nếu như điều đó cần thiết để duy trì hòa bình và an ninh thế giới;

7. Hiến chương này hoàn toàn không cho phép LHQ được can thiệp vào những công việc thực chất thuộc thẩm quyền nội bộ của bất cứ quốc gia nào, và không đòi hỏi thành viên của LHQ phải đưa ra những công việc loại này ra giải quyết theo quy định của Hiến chương. Tuy nhiên, nguyên tắc này không liên quan đến việc thi hành những biện pháp cưỡng chế nói ở Chương VII.

Chương II

THÀNH VIÊN

ĐIỀU 3.

Những quốc gia đã tham dự hội nghị tại thành phố Sanphranxixcô hay trước đó đã ký vào bản tuyên ngôn LHQ ngày 1/1/1942, nay đã ký và phê chuẩn Hiến chương này theo Điều 110, đều là thành viên đầu tiên của LHQ.

ĐIỀU 4.

1. Tất cả các quốc gia yêu chuộng hòa bình khác thừa nhận những nghĩa vụ ghi trong Hiến chương này và được LHQ thấy có đủ khả năng và tự nguyện làm tròn những nghĩa vụ ấy, đều có thể trở thành thành viên của LHQ.

2. Việc kết nạp bất cứ một quốc gia nào, như nói ở khoản 1, vào LHQ sẽ được tiến hành bằng nghị quyết của Đại hội đồng theo kiến nghị của Hội đồng Bảo an.

ĐIỀU 5.

Nếu thành viên LHQ nào bị Hội đồng Bảo an áp dụng một biện pháp phòng ngừa hay cưỡng chế thì Đại hội đồng có quyền, theo kiến nghị của Hội đồng Bảo an, đình chỉ việc sử dụng các quyền và ưu đãi của thành viên đó. Việc sử dụng các quyền ưu đãi đó có thể được Hội đồng Bảo an cho phục hồi.

ĐIỀU 6.

Nếu một thành viên của LHQ vi phạm một cách có hệ thống những nguyên tắc nêu trong Hiến chương này thì có thể bị Đại hội đồng khai trừ khỏi LHQ, theo kiến nghị của Hội đồng Bảo an.

Chương III

CÁC CƠ QUAN

ĐIỀU 7.

1. Các cơ quan chính của LHQ là: Đại hội đồng, Hội đồng Bảo an, Hội đồng Kinh tế - xã hội, Hội đồng Quản thác, Tòa án quốc tế và Ban thư ký;

2. Những cơ quan giúp việc nếu xét thấy cần thiết, có thể được thành lập phù hợp theo Hiến chương này.

ĐIỀU 8.

LHQ không định ra một sự hạn chế đối với nam giới hoặc phụ nữ, trong những điều kiện ngang nhau, đảm nhiệm mọi chức vụ trong các cơ quan chính và các cơ quan giúp việc của LHQ.

Chương IV

ĐẠI HỘI ĐỒNG

THÀNH PHẦN

ĐIỀU 9.

1. Đại hội đồng gồm tất cả các nước thành viên của LHQ

2. Mỗi thành viên có nhiều nhất là 5 đại biểu ở Đại hội đồng.

Chức năng và quyền hạn:

ĐIỀU 10.

Đại hội đồng có thể thảo luận tất cả các vấn đề hoặc các công việc thuộc phạm vi Hiến chương này, hoặc thuộc quyền hạn và chức năng của bất kỳ cơ quan nào được ghi trong Hiến chương này và có thể trừ những quy định ở Điều 32 ra những kiến nghị về những vấn đề hoặc những vụ việc ấy cho các thành viên LHQ hay Hội đồng Bảo an, hoặc cho cả các thành viên LHQ và Hội đồng Bảo an.

ĐIỀU 11.

Đại hội đồng có thể xem xét những nguyên tắc chung về sự hợp tác để duy trì hòa bình và an ninh quốc tế, kể cả những nguyên tắc giải trừ quân bị, hạn chế vũ trang, và dựa trên những nguyên tắc ấy đưa ra những kiến nghị cho các thành viên LHQ.

ĐIỀU 13.

1. Đại hội đồng tổ chức nghiên cứu và thông qua những kiến nghị nhằm:

a) Phát triển sự hợp tác quốc tế trong lĩnh vực chính trị và thúc đẩy pháp điển hóa và sự phát triển của luật quốc tế theo hướng tiến bộ;

b) Thúc đẩy sự hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội, giáo dục, y tế và thực hiện các quyền của con người và các tự do cơ bản đối với mọi người không phân biệt chủng tộc, nam nữ, ngôn ngữ và tôn giáo;

2. Những nghĩa vụ, trách nhiệm và quyền hạn khác của Đại hội đồng có liên quan đến những vấn đề ghi ở khoản 1.b trên đây được quy định trong các Chương IX và X.

ĐIỀU 14.

Phù hợp với những quy định ở Điều 12, Đại hội đồng có thể kiến nghị những biện pháp thích hợp để giải quyết hòa bình mọi tình thế nảy sinh bất kỳ từ nguồn gốc nào, mà theo sự nhận xét của Đại hội đồng, có thể làm phương hại đến lợi ích chung, gây tổn hại cho các quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc, kể cả những tình thế nảy sinh do vi phạm những quy định về các mục đích và nguyên tắc của LHQ ghi trong Hiến chương này.

ĐIỀU 15.

1. Đại hội đồng tiếp nhận và nghiên cứu những báo cáo hàng năm và những báo cáo của Hội đồng Bảo an. Các báo cáo đó tường trình những biện pháp mà Hội đồng Bảo an đã quyết định hoặc đã thi hành để duy trì hòa bình và an ninh quốc tế.

2. Đại hội đồng tiếp nhận và xem xét những báo cáo của các cơ quan khác của LHQ.

ĐIỀU 16.

Về chế độ quản thác quốc tế, Đại hội đồng thực hiện những chức năng qui định cho Đại hội đồng được ghi ở những Chương XII và XIII, kể cả việc chuẩn

y những hiệp định về quản thác có liên quan đến những khu vực không được ấn định và khu vực chiến lược.

ĐIỀU 17.

Đại hội đồng xét và phê chuẩn ngân sách của LHQ;

Các thành viên của LHQ thanh toán những chi phí của LHQ theo sự phân bố của Đại hội đồng.

Đại hội đồng xét và phê chuẩn mọi hiệp định về tài chính, về ngân sách, ký các điều ước quốc tế với những tổ chức nói ở Điều 57 và kiểm tra ngân sách hành chính của các tổ chức này.

Bỏ phiếu:

ĐIỀU 18.

Mỗi thành viên của Đại hội đồng có một phiếu;

Những nghị quyết của Đại hội đồng về các vấn đề quan trọng phải được thông qua theo đa số phiếu. Những vấn đề đó là: những nghị định có liên quan đến việc duy trì hòa bình và an ninh quốc tế, việc bầu các uỷ viên không thường trực của Hội đồng Bảo an, các uỷ viên của Hội đồng Kinh tế - Xã hội, các uỷ viên của Hội đồng quản thác theo khoản 1 (c) Điều 86, kết nạp các thành viên mới vào LHQ, đình chỉ các quyền và ưu đãi của các thành viên, những vấn đề thuộc về hoạt động của hệ thống quản thác và những vấn đề ngân sách.

Những quyết định về vấn đề khác, kể cả việc xác định những loại vấn đề mới cần phải quyết định theo đa số 2/3, sẽ được tiến hành theo đa số các thành viên có mặt và tham gia bỏ phiếu.

ĐIỀU 19.

Nước thành viên nào của LHQ nợ những khoản tiền đóng góp của mình cho LHQ sẽ bị tước bỏ quyền bỏ phiếu ở Đại hội đồng, nếu số tiền nợ bằng hoặc nhiều hơn số tiền mà quốc gia đó đóng góp trong hai năm qua. Tuy nhiên, Đại hội đồng có thể cho phép nước thành viên ấy được bỏ phiếu, nếu Đại hội đồng xét thấy sự chậm trễ đó là do những hoàn cảnh xảy ra ngoài ý muốn của thành viên ấy.

Thủ tục:

Điều 20.

Đại hội đồng họp một khóa thường kỳ hàng năm và họp những khóa bất thường do Tổng thư ký triệu tập theo yêu cầu của Hội đồng Bảo an hoặc của đa số các thành viên LHQ.

ĐIỀU 21.

Đại hội đồng tự quy định những quy tắc thủ tục của mình. Đại hội đồng bầu chủ tịch cho từng khóa họp.

ĐIỀU 22.

Đại hội đồng có thể thành lập những cơ quan giúp việc mà Đại hội đồng xét thấy là cần thiết cho việc thực hiện các chức năng của mình.

Chương V

HỘI ĐỒNG BẢO AN

THÀNH PHẦN

ĐIỀU 23.

Hội đồng Bảo an gồm 15 thành viên của LHQ: Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, Cộng hòa Pháp, Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô Viết (nay là Liên bang Nga) Liên hiệp Vương quốc Anh và Hợp chủng quốc Hoa Kỳ là những uỷ viên thường trực của Hội đồng Bảo an. Mười thành viên khác của LHQ được Đại hội đồng bầu ra với tư cách là uỷ viên không thường trực của Hội đồng Bảo an. Trong việc bầu cử này, trước hết Đại hội đồng lưu ý đến sự đóng góp của các thành viên LHQ vào việc duy trì hòa bình và an ninh quốc tế, mức độ thực hiện các mục đích khác của LHQ, cũng như lưu ý đến sự phân bố công bằng theo khu vực địa lý.

Những uỷ viên không thường trực của Hội đồng Bảo an được bầu ra với nhiệm kỳ 2 năm. Nhưng ở lần đầu tiên được bầu, các uỷ viên không thường trực, sau khi tổng số uỷ viên của Hội đồng Bảo an được nâng lên từ 11 đến 15, thì 2 trong 4 số uỷ viên bổ sung sẽ được bầu với nhiệm kỳ 1 năm. Những uỷ viên vừa mãn nhiệm không được bầu lại ngay.

Mỗi uỷ viên của Hội đồng Bảo an có một đại diện tại Hội đồng.

Chức năng và quyền hạn:

ĐIỀU 24.

Để bảo đảm cho LHQ hành động nhanh chóng và có hiệu quả, các thành viên LHQ trao đổi cho Hội đồng Bảo an trách nhiệm chính trong sự nghiệp duy trì hòa bình và an ninh quốc tế và thừa nhận rằng, khi làm những nghĩa vụ do trách nhiệm ấy đặt ra, thì Hội đồng Bảo an hành động với tư cách thay mặt cho các thành viên của LHQ.

Trong khi thực hiện các nghĩa vụ đó, Hội đồng Bảo an hành động theo đúng những mục đích và nguyên tắc của LHQ. Những quyền hạn nhất định được trao cho Hội đồng Bảo an để Hội đồng Bảo an có thể làm tròn những nghĩa vụ ấy, được quy định ở các Chương VI, VII, VIII và XII.

Hội đồng Bảo an trình Đại hội đồng xét những báo cáo hàng năm và những báo cáo đặc biệt khi cần.

ĐIỀU 25.

Theo Hiến chương này, các thành viên LHQ đồng ý phục tùng và làm tròn những quyết nghị của Hội đồng Bảo an.

ĐIỀU 26.

Để thúc đẩy việc thiết lập và duy trì hòa bình bằng cách chỉ dùng một số tối thiểu nhân lực và tài nguyên kinh tế thế giới vào vũ trang, Hội đồng Bảo an có trách nhiệm với sự giúp đỡ của Ủy ban tham mưu quân sự như ghi ở Điều 47, khởi thảo những kế hoạch xây dựng hệ thống sử dụng lực lượng vũ trang để trình lên các thành viên LHQ

Bỏ phiếu

ĐIỀU 27.

Mỗi thành viên Hội đồng Bảo an có một lá phiếu.

Những nghị quyết của Hội đồng Bảo an về các vấn đề thủ tục được thông qua khi 9 ủy viên Hội đồng bỏ phiếu thuận.

Những nghị quyết của Hội đồng Bảo an về những vấn đề khác được thông qua sau khi 9 ủy viên của Hội đồng Bảo an, trong đó có tất cả các ủy viên thường trực bỏ phiếu thuận, dĩ nhiên là bên đương sự trong tranh chấp sẽ không bỏ phiếu về các nghị quyết chiếu theo Chương VI và Điều 52, khoản 3.

Thủ tục

ĐIỀU 28.

Hội đồng Bảo an tổ chức thế nào để có thể thường xuyên thực hiện được chức năng của mình. Để đạt được mục đích ấy, mỗi ủy viên Hội đồng Bảo an phải luôn luôn có đại diện tại trụ sở LHQ.

Hội đồng Bảo an nhóm họp thường kỳ, trong những phiên họp này, mỗi ủy viên tùy theo ý mình có thể cử hoặc một thành viên chính phủ hoặc một đại diện đặc biệt khác nào đó.

Các cuộc họp của Hội đồng Bảo an có thể được tiến hành không chỉ ở trụ sở của LHQ, mà còn ở bất kỳ nơi nào nếu Hội đồng Bảo an xét thấy thuận tiện nhất cho công việc của mình.

ĐIỀU 29.

Hội đồng Bảo an có thể thành lập những cơ quan giúp việc, nếu xét thấy cần thiết cho việc thực hiện chức năng của mình.

ĐIỀU 30.

Hội đồng Bảo an quy định những quy tắc thủ tục cho mình, trong đó có thủ tục bầu Chủ tịch Hội đồng.

ĐIỀU 31.

Bất kỳ thành viên nào của LHQ không phải là thành viên của Hội đồng Bảo an vẫn có thể tham dự các phiên họp của Hội đồng Bảo an nhưng không có quyền biểu quyết, kể cả trong những vấn đề đụng chạm đến quyền lợi của thành viên ấy được đưa ra thảo luận và biểu quyết trong cuộc họp.

ĐIỀU 32.

Bất kỳ thành viên nào của LHQ không phải là ủy viên của Hội đồng Bảo an, hay bất kỳ quốc gia nào không phải là thành viên của LHQ, nếu là được sự trong cuộc tranh chấp mà Hội đồng Bảo an xem xét, cũng được mời tham dự, nhưng không có quyền biểu quyết trong những cuộc thảo luận về các cuộc tranh chấp ấy. Hội đồng Bảo an tạo điều kiện thuận lợi, nếu Hội đồng xét thấy là hợp lý, cho những quốc gia không là thành viên của LHQ, trong việc tham gia các cuộc thảo luận nói trên.

Chương VI

GẢI QUYẾT CÁC CUỘC TRANH CHẤP

ĐIỀU 33.

Các bên đương sự trong các cuộc tranh chấp, mà việc kéo dài các cuộc tranh chấp ấy có thể đe dọa đến hòa bình và an ninh quốc tế, trước hết, phải cố gắng tìm cách giải quyết tranh chấp bằng con đường đàm phán, điều tra, trung gian, hòa giải, trọng tài, tòa án, sử dụng những tổ chức hoặc những hiệp định khu vực, hoặc bằng các biện pháp hòa bình khác tùy theo sự lựa chọn của mình.

Hội Đồng bảo an nếu thấy cần thiết, sẽ yêu cầu các đương sự giải quyết các tranh chấp của họ bằng các biện pháp nói trên.

ĐIỀU 34.

Hội đồng Bảo an có thẩm quyền điều tra mọi tranh chấp hoặc mọi tình thế có thể xảy ra dẫn đến sự bất hòa quốc tế hoặc gây ra tranh chấp, xác định xem tranh chấp ấy hoặc tình thế ấy nếu kéo dài có thể đe dọa đến việc duy trì hòa bình và an ninh quốc tế hay không.

ĐIỀU 35.

Mọi thành viên LHQ đều có thể lưu ý Hội đồng Bảo an hoặc Đại hội đồng đến một vụ tranh chấp một tình thế có tính chất như ở điều 34;

Một quốc gia không phải là thành viên LHQ có thể lưu ý Hội đồng Bảo an hoặc Đại hội đồng đến mọi tranh chấp mà trong đó họ là đương sự, miễn là quốc gia này thừa nhận trước những nghĩa vụ giải quyết hòa bình các cuộc tranh chấp như Hiến chương LHQ quy định đã kết thúc vụ tranh chấp đó;

Theo điều này, Đại hội đồng sẽ giải quyết những việc mà Đại hội đồng lưu ý tới, và phải tuân theo những quy định tại các điều 11 và 12

ĐIỀU 36.

Trong bất kỳ giai đoạn nào của vụ tranh chấp nói ở Điều 33 hoặc của tình thế tương tự, Hội đồng Bảo an có thẩm quyền kiến nghị những thủ tục hoặc những phương thức giải quyết thích đáng;

Hội đồng Bảo an chú trọng mọi thủ tục do các bên đương sự đã áp dụng để giải quyết tranh chấp ấy;

Khi đưa ra kiến nghị trên cơ sở điều này, Hội đồng Bảo an phải lưu ý đối với những tranh chấp có tính chất pháp lý, thông thường các đương sự phải đưa ra các tranh chấp ra Tòa án quốc tế theo đúng quy chế của tòa án;

ĐIỀU 37.

Nếu các đương sự trong vụ tranh chấp có tính chất nói ở Điều 33 không giải quyết vụ tranh chấp này bằng những phương pháp ghi trong điều đó, thì các đương sự đó sẽ đưa vụ tranh chấp ấy ra Hội đồng Bảo an.

Nếu Hội đồng Bảo an nhận thấy sự kéo dài các vụ tranh chấp ấy, trên thực tế, có thể đe dọa hòa bình và an ninh quốc tế thì Hội đồng Bảo an quyết định xem có nên hành động theo Điều 36 hay không, hoặc kiến nghị các điều kiện giải quyết tranh chấp mà Hội đồng Bảo an cho là hợp lý.

ĐIỀU 38.

Hội đồng Bảo an có thẩm quyền đưa ra những kiến nghị mà không làm tổn hại đến nội dung các Điều 36, 37 nhằm giải quyết hòa bình mọi vụ tranh chấp cho các bên đương sự trong các vụ tranh chấp đó nếu họ yêu cầu.

Chương VII

HÀNH ĐỘNG TRONG TRƯỜNG HỢP HÒA BÌNH BỊ ĐE DỌA, BỊ PHÁ HOẠI HOẶC CÓ HÀNH VI XÂM LƯỢC

ĐIỀU 39.

Hội đồng Bảo an xác định thực tại mọi sự đe dọa hòa bình, phá hoại hòa bình hoặc hành vi xâm lược và đưa ra những kiến nghị hoặc quyết định những biện pháp nào nên áp dụng phù hợp với các điều 41 và 42 để duy trì hoặc khôi phục hòa bình và an ninh quốc tế.

ĐIỀU 40.

Để ngăn chặn tình thế trở nên nghiêm trọng hơn, Hội đồng Bảo an có thẩm quyền, trước khi đưa ra những kiến nghị hoặc quyết định áp dụng các biện pháp ghi tại Điều 39 yêu cầu các bên đương sự thi hành các biện pháp tạm thời mà Hội đồng Bảo an xét thấy cần thiết hoặc nên làm. Những biện pháp tạm thời đó phải không phương hại đến các quyền, nguyện vọng hoặc tình trạng của các bên hữu quan. Trong trường hợp các biện pháp tạm thời ấy không được thi hành, Hội đồng Bảo an phải lưu ý thích đáng đến việc không thi hành những biện pháp tạm thời ấy.

ĐIỀU 41.

Hội đồng Bảo an có thẩm quyền quyết định những biện pháp cần được áp dụng mà không liên quan tới việc sử dụng vũ lực để thực hiện các nghị quyết của Hội đồng và có thể yêu cầu các thành viên của LHQ áp dụng những biện pháp ấy. Các biện pháp này có thể là cắt đứt toàn bộ hay từng phần quan hệ kinh tế, đường sắt, đường biển, hàng không, bưu chính, điện tín, vô tuyến điện và các phương tiện thông tin khác, kể cả cắt đứt quan hệ ngoại giao.

ĐIỀU 42.

Nếu Hội đồng Bảo an nhận thấy những biện pháp nói ở Điều 41 là không thích hợp, hoặc đã mất hiệu lực, thì Hội đồng Bảo an có thẩm quyền áp dụng mọi hành động của hải, lục, không quân mà Hội đồng Bảo an xét thấy cần thiết cho việc duy trì hoặc khôi phục hòa bình và an ninh quốc tế. Những hành động này có thể là những cuộc biểu dương lực lượng hải, lục, không quân của các nước thành viên LHQ thực hiện.

ĐIỀU 43.

1. Để góp phần vào việc duy trì hòa bình và an ninh quốc tế, theo yêu cầu của Hội đồng Bảo an và phù hợp với những hiệp ước đặc biệt hoặc các hiệp ước cần thiết cho việc duy trì hòa bình và an ninh thế giới, tất cả các nước thành viên LHQ có nghĩa vụ cung cấp cho Hội đồng Bảo an những lực lượng vũ trang, sự trợ giúp và mọi phương tiện, kể cả quyền đi qua lãnh thổ của mình.

2. Những hiệp định nói trên sẽ ấn định số lượng và binh chủng quân đội, mức độ chuẩn bị, sự bố trí và tính chất các phương tiện dịch vụ và giúp đỡ trang bị cho quân đội này;

3. Các cuộc đàm phán về việc ký kết một hay những hiệp định nói trên sẽ được tiến hành trong thời gian càng sớm càng tốt, theo sáng kiến của Hội đồng Bảo an.

Các hiệp định này sẽ được ký kết giữa Hội đồng Bảo an với những thành viên của LHQ và phải được các nước ký kết phê chuẩn theo quy định trong Hiến pháp của từng nước.

ĐIỀU 44.

Khi Hội đồng Bảo an đã quyết định dùng vũ lực, thì trước khi yêu cầu một thành viên có đại diện ở Hội đồng Bảo an cung cấp các lực lượng vũ trang để thi hành những nghĩa vụ đã cam kết theo Điều 43, Hội đồng Bảo an phải

mời thành viên đó, nếu họ muốn, tham gia việc định giá những nghị quyết của Hội đồng Bảo an về sơ bộ việc sử dụng lực lượng vũ trang của thành viên ấy.

ĐIỀU 45.

Với mục đích bảo đảm cho LHQ có thể áp dụng những biện pháp quân sự khẩn cấp, các thành viên phải báo động cho một số phi đội không quân vào tư thế sẵn sàng chiến đấu nhằm phối hợp các hành động quốc tế có chất cưỡng chế. Số lượng, mức độ chuẩn bị và kế hoạch phối hợp hành động của các phi đội này sẽ được Hội đồng Bảo an, với sự giúp đỡ của uỷ ban tham mưu quân sự, ấn định theo những hiệp ước đặc biệt nói ở Điều 43.

ĐIỀU 46.

Những kế hoạch sử dụng lực lượng vũ trang sẽ do Hội đồng Bảo an đề ra với sự giúp đỡ của uỷ ban tham mưu quân sự.

ĐIỀU 47.

1. Uỷ ban tham mưu quân sự được thành lập làm tư vấn và giúp Hội đồng Bảo an về tất cả mọi vấn đề có liên quan đến những yêu cầu quân sự của Hội đồng Bảo an để duy trì hòa bình và an ninh quốc tế, về việc sử dụng và chỉ huy những lực lượng quân sự đặt dưới quyền điều hành của Hội đồng Bảo an, cũng như về vấn đề hạn chế vũ trang và giải trừ quân bị;

2. Uỷ ban tham mưu quân sự gồm có các tham mưu trưởng của các Uỷ viên thường trực Hội đồng Bảo an hay đại diện của các tham mưu trưởng ấy. Uỷ ban tham mưu quân sự có thể mời bất cứ thành viên nào của LHQ không có đại diện thường trực trong Uỷ ban hợp tác với mình, khi xét thấy có sự tham gia của thành viên này trong công việc của Uỷ ban, để Uỷ ban tham mưu thực hiện được nhiệm vụ của mình;

3. Dưới quyền của Hội đồng Bảo an, Uỷ ban tham mưu quân sự chịu trách nhiệm về việc chỉ huy chiến lược tất cả những lực lượng vũ trang thuộc quyền điều hành của Hội đồng Bảo an. Những vấn đề về việc chỉ huy các lực lượng ấy sẽ được quy định cụ thể sau;

4. Uỷ ban tham mưu quân sự, theo sự đồng ý của Hội đồng Bảo an và sau khi tham khảo ý kiến của các tổ chức, khu vực hữu quan, có thể lập ra các tiểu ban khu vực.

ĐIỀU 48.

Những hành động cần thiết cho việc thi hành những nghị quyết của Hội đồng Bảo an để duy trì hòa bình và an ninh quốc tế do tất cả các thành viên hay một số thành viên của LHQ áp dụng. Tùy theo nhận định của Hội đồng Bảo an, những nghị quyết ấy sẽ do các thành viên của LHQ trực tiếp thi hành hay thi hành bằng những hành động của họ trong các tổ chức quốc tế hữu quan mà họ là thành viên.

ĐIỀU 49.

Các thành viên LHQ cần phải hợp tác tương trợ lẫn nhau trong việc thi hành các biện pháp đã được Hội đồng Bảo an quyết định.

ĐIỀU 50.

Nếu Hội đồng Bảo an áp dụng những biện pháp để phòng hoặc cưỡng bức với một quốc gia nào đó, thì bất cứ một quốc gia nào khác dù là thành viên của LHQ hay không, nếu gặp khó khăn đặc biệt về kinh tế, do sự thi hành những biện pháp nói trên gây ra, có quyền đề xuất lên Hội đồng Bảo an về việc giải quyết những khó khăn ấy.

ĐIỀU 51.

Không có một điều khoản nào trong Hiến chương này làm tổn hại đến quyền tự vệ cá nhân hay tập thể chính đáng trong trường hợp thành viên LHQ bị tấn công vũ trang cho đến khi Hội đồng Bảo an chưa áp dụng được những biện pháp cần thiết để duy trì hòa bình và an ninh quốc tế. Những biện pháp mà các thành viên LHQ áp dụng trong việc bảo vệ quyền tự vệ chính đáng ấy phải được báo ngay cho Hội đồng Bảo an và không được gây ảnh hưởng gì đến quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng Bảo an, chiếu theo Hiến chương này, đối với việc Hội đồng Bảo an áp dụng bất kỳ lúc nào những hành động mà Hội đồng thấy cần thiết để duy trì hoặc khôi phục hòa bình và an ninh quốc tế.

Chương VIII

NHỮNG HIỆP ĐỊNH KHU VỰC

ĐIỀU 52.

1. Không một quy định nào trong Hiến chương này làm cản trở sự tồn tại của những hiệp định hoặc những tổ chức khu vực nhằm giải quyết các vấn đề liên quan đến duy trì hòa bình và an ninh quốc tế bằng những hành động có

tính chất khu vực, miễn là những hiệp định có tổ chức ấy và những hoạt động đó của chúng phù hợp với mục đích và nguyên tắc của LHQ.

2. Các nước thành viên LHQ ký kết những hiệp định hoặc lập ra những tổ chức này phải cố gắng hết sức để giải quyết hòa bình các cuộc tranh chấp có tính khu vực bằng cách sử dụng những hiệp định hoặc những tổ chức đó, trước khi đưa những tranh chấp này lên Hội đồng Bảo an xem xét.

3. Hội đồng Bảo an cần phải khuyến khích sự thúc đẩy việc giải quyết hòa bình các cuộc tranh chấp có tính chất khu vực bằng cách sử dụng những hiệp định hoặc các tổ chức khu vực, hoặc theo sáng kiến của các nước hữu quan, hoặc do Hội đồng Bảo an giao lại.

4. Điều này không làm tổn hại đến việc thi hành các Điều 34 và 35.

ĐIỀU 53.

1. Hội đồng Bảo an sử dụng, nếu cần thiết, những hiệp định hoặc các tổ chức khu vực để thi hành những hành động cưỡng chế dưới sự điều khiển của mình. Tuy nhiên, không một hành động cưỡng chế nào được thi hành chiếu theo những hiệp định hay do những tổ chức khu vực quy định, nếu không được Hội đồng Bảo an cho phép, trừ những biện pháp chống lại bất kỳ một quốc gia thù địch nào theo quy định ở khoản 2 Điều này, hoặc những biện pháp quy định chiếu theo Điều 107, hoặc trong những hiệp ước khu vực thi hành một lần nữa chính sách xâm lược cho đến khi LHQ có thể, theo lời yêu cầu của các chính phủ hữu quan được giao nhiệm vụ ngăn chặn một sự xâm lược mới của một quốc gia như thế.

2. Thuật ngữ "quốc gia thù địch" dùng ở khoản 1, Điều 53 áp dụng cho bất cứ quốc gia nào trong thời gian Chiến tranh thế giới thứ II, đã là kẻ thù của bất cứ nước nào ký kết Hiến chương này.

ĐIỀU 54.

Hội đồng Bảo an phải thường xuyên thông báo một cách đầy đủ những tin tức về mọi hành động đã được tiến hành hay đang có dự định tiến hành theo những hiệp định khu vực hay do những tổ chức khu vực, để duy trì hòa bình và an ninh quốc tế.

Chương IX
HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI

ĐIỀU 55.

Với những mục đích nhằm tạo những điều kiện ổn định và những điều kiện đem lại hạnh phúc cần thiết để duy trì những quan hệ hòa bình và hữu nghị giữa các dân tộc, dựa trên sự tôn trọng nguyên tắc bình đẳng về chủ quyền và quyền tự quyết của các dân tộc LHQ khuyến khích:

- a) Việc nâng cao mức sống, đảm bảo cho mọi người đều có công ăn việc làm và những điều kiện tiến bộ và phát triển trong lĩnh vực kinh tế, xã hội.
- b) Việc giải quyết những vấn đề quốc tế trong lĩnh vực kinh tế, xã hội, y tế và những vấn đề liên quan khác, và sự hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực văn hóa, giáo dục.
- c) Sự tôn trọng và tuân thủ triệt để các quyền và tự do cơ bản của tất cả mọi người không phân biệt chủng tộc, nam, nữ, ngôn ngữ hay tôn giáo.

ĐIỀU 56.

Tất cả các quốc gia thành viên LHQ phải cam kết bằng các hành động chung hoặc riêng trong sự nghiệp hợp tác với LHQ để đạt được những mục đích nói trên.

ĐIỀU 57.

1. Các tổ chức chuyên môn khác nhau được thành lập bằng các hiệp định liên chính phủ và theo điều lệ của tổ chức ấy có trách nhiệm quốc tế rộng rãi trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, y tế và trong những lĩnh vực liên quan khác, sẽ có quan hệ với LHQ theo những quy định của Điều 63.

2. Các tổ chức quốc tế có quan hệ với LHQ như vậy, trong những điều tiếp theo, được gọi là "các tổ chức chuyên môn".

ĐIỀU 58.

LHQ, khi cần sẽ đưa ra những sáng kiến về các cuộc đàm phán giữa các quốc gia hữu quan để thành lập các tổ chức chuyên môn mới, cần thiết để đạt được những mục đích nói ở Điều 55.

ĐIỀU 59.

Trách nhiệm thi hành những chức năng của LHQ nêu ở chương này được giao cho Đại hội đồng và Hội đồng Kinh tế - Xã hội, đặt dưới quyền của Đại hội đồng. Để đạt được mục đích đó, Hội đồng Kinh tế - Xã hội sẽ sử dụng những quyền hạn được giao như ghi ở chương X.

Chương X

HỘI ĐỒNG KINH TẾ - XÃ HỘI

ĐIỀU 61.

1. Hội đồng Kinh tế - Xã hội gồm 54 thành viên LHQ do Đại hội đồng bầu ra.

2. Theo quy định của khoản 3 điều này, mỗi nhiệm kỳ có 18 uỷ viên Hội đồng Kinh tế - Xã hội được bầu ra với thời hạn 3 năm. Những uỷ viên vừa mãn hạn có thể được bầu lại ngay.

3. Ngay trong lần bầu thứ nhất, sau khi nâng số lượng uỷ viên Hội đồng Kinh tế - Xã hội từ 27 đến 54 số lượng uỷ viên bổ sung sẽ được bầu vào chỗ của 10 uỷ viên sắp mãn hạn, trách nhiệm của các uỷ viên này sẽ kéo dài đến ngày cuối của năm đương nhiệm. Số lượng uỷ viên được bầu bổ sung là 27. Nhiệm kỳ của 9 uỷ viên trong số 27 uỷ viên bổ sung thường là một năm, của 9 uỷ viên khác là 2 năm theo quy định của Đại hội đồng.

4. Mỗi uỷ viên của Hội đồng Kinh tế - Xã hội có một đại diện ở Hội đồng.

Chức năng và quyền hạn

ĐIỀU 62.

1. Hội đồng Kinh tế - Xã hội có quyền tiến hành các cuộc điều tra và làm những báo cáo về các vấn đề quốc tế trong lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, y tế và những lĩnh vực liên quan khác, và có thể gửi những kiến nghị về tất cả các vấn đề cho Đại hội đồng, các thành viên LHQ và các tổ chức chuyên môn hữu quan.

2. Hội đồng Kinh tế - Xã hội có quyền đưa ra những kiến nghị nhằm khuyến khích sự tôn trọng các quyền và những tự do cơ bản của con người.

3. Hội đồng Kinh tế - Xã hội có quyền chuẩn bị những dự thảo và điều ước về các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình, trình Đại hội đồng.

4. Hội đồng Kinh tế - Xã hội có quyền triệu tập những hội nghị quốc tế về những vấn đề thuộc thẩm quyền của mình, theo các thủ tục do LHQ quy định.

ĐIỀU 63.

1. Hội đồng Kinh tế - Xã hội có quyền ký kết với bất kỳ một tổ chức nào nói ở Điều 59 những hiệp định quy định các điều kiện quan hệ giữa các tổ chức ấy với LHQ. Các hiệp định này phải được Hội đồng duyệt y.

2. Hội đồng Kinh tế - Xã hội có quyền phối hợp hoạt động với các tổ chức chuyên môn bằng cách bàn với các tổ chức đó gửi khuyến nghị cho các tổ chức này cũng như bằng cách đưa ra kiến nghị cho Đại hội đồng và các thành viên LHQ.

ĐIỀU 64.

1. Hội đồng Kinh tế - Xã hội có quyền tiến hành mọi biện pháp thích hợp để nhận được các báo cáo thường kỳ của các tổ chức chuyên môn. Hội đồng Kinh tế - Xã hội có quyền ký với các thành viên LHQ và các tổ chức chuyên môn những hiệp định về việc các thành viên và các tổ chức này báo cáo cho mình những biện pháp đã được áp dụng để thi hành những nghị quyết của Hội đồng và của Đại hội đồng về những vấn đề của Hội đồng.

2. Hội đồng Kinh tế - Xã hội có quyền báo cáo cho Đại hội đồng những nhận xét của mình về các báo cáo ấy.

ĐIỀU 65.

Hội đồng Kinh tế - Xã hội có thẩm quyền cung cấp những tin tức cho Hội đồng Bảo an và giúp Hội đồng Bảo an nếu Hội đồng Bảo an yêu cầu.

ĐIỀU 66.

1. Hội đồng Kinh tế - Xã hội thực hiện các chức năng thuộc thẩm quyền của mình, có liên quan đến việc chấp hành những nghị quyết của Đại hội đồng.

2. Với sự đồng ý của Đại hội đồng, Hội đồng Kinh tế - Xã hội có thẩm quyền làm những việc do các thành viên LHQ hoặc các tổ chức chuyên môn yêu cầu.

3. Hội đồng Kinh tế - Xã hội có nghĩa vụ thực hiện những chức năng khác được quy định trong Hiến chương này hoặc có thể được Đại hội đồng giao cho.

Bỏ phiếu

ĐIỀU 67.

1. Mỗi uỷ viên của Hội đồng Kinh tế - Xã hội sẽ được sử dụng một lá phiếu.

2. Những nghị quyết của Hội đồng Kinh tế - Xã hội được thông qua theo đa số phiếu của các uỷ viên có mặt và bỏ phiếu.

Thủ tục

ĐIỀU 68.

Hội đồng Kinh tế - Xã hội thành lập các ban trong các lĩnh vực kinh tế và xã hội về sự khuyến khích các quyền con người, kể cả thành lập các ban khác cần thiết cho việc thi hành những chức năng của Hội đồng Kinh tế - Xã hội.

ĐIỀU 69.

Hội đồng Kinh tế - Xã hội mời bất kỳ thành viên nào của LHQ tham gia các cuộc thảo luận của Hội đồng Kinh tế - Xã hội nhưng không có quyền bỏ phiếu, nếu như vấn đề có liên quan đến quyền lợi đặc biệt của thành viên này.

ĐIỀU 70.

Hội đồng Kinh tế - Xã hội có thẩm quyền thi hành các biện pháp để đại biểu các tổ chức chuyên môn tham gia, không có quyền bỏ phiếu, các cuộc thảo luận của Hội đồng và của các ban do Hội đồng Kinh tế - Xã hội thành lập, cũng như để cho đại biểu của Hội đồng Kinh tế - Xã hội tham gia các cuộc thảo luận của các tổ chức chuyên môn.

ĐIỀU 71.

Hội đồng Kinh tế - Xã hội có thể có những thu xếp thích hợp tham khảo các tổ chức phi chính phủ liên quan đến những vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng. Việc thu xếp tương tự có thể tiến hành với các tổ chức quốc tế và nếu thích hợp, với các tổ chức quốc gia sau khi đã tham khảo quốc gia thành viên LHQ liên quan.

ĐIỀU 72.

1. Hội đồng Kinh tế - Xã hội định ra quy chế của mình, trong đó có thủ tục bầu Chủ tịch của Hội đồng Kinh tế - Xã hội.

2. Hội đồng Kinh tế - Xã hội triệu tập họp theo yêu cầu công việc đúng như quy chế của Hội đồng Kinh tế - Xã hội, quy chế này cần có điều khoản quy định việc triệu tập hội nghị theo yêu cầu của đa số uỷ viên Hội đồng.

Chương XI
TUYÊN NGÔN VỀ NHỮNG LÃNH THỔ
CHƯA TỰ QUẢN

ĐIỀU 73.

Các nước thành viên LHQ có trách nhiệm hoặc đảm đương trách nhiệm quản lý những vùng lãnh thổ, mà nhân dân các vùng lãnh thổ ấy chưa hoàn toàn tự quản được, thừa nhận nguyên tắc đặt quyền lợi của nhân dân các vùng lãnh thổ lên hàng đầu. Những thành viên ấy nhận lấy nghĩa vụ như là một sứ mệnh thiêng liêng, giúp cho các lãnh thổ đó phồn vinh, trong chừng mực tối đa trong khuôn khổ của hệ thống hòa bình và an ninh quốc tế do Hiến chương LHQ quy định và để đạt được mục đích ấy.

a) Đảm bảo sự tôn trọng đúng mực nền văn hóa, sự tiến bộ về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và giáo dục của nhân dân các vùng lãnh thổ chưa tự quản, đối xử công bằng với họ và che chở họ chống lại những sự lạm quyền.

b) Phát triển khả năng tự quản của các lãnh thổ đó chú ý đến những nguyện vọng chính trị của nhân dân và giúp đỡ họ phát triển dần dần những chế định chính trị tự do trong chừng mực thích hợp với những điều kiện riêng biệt của từng vùng lãnh thổ và của nhân dân các vùng lãnh thổ ấy và phù hợp với trình độ phát triển khác nhau của họ.

c) Cùng có hòa bình và an ninh quốc tế.

d) Tạo điều kiện phát triển những biện pháp có tính chất sáng tạo, khuyến khích những công trình nghiên cứu và hợp tác giữa các lãnh thổ này với nhau và khi có hoàn cảnh thuận lợi với các tổ chức chuyên môn quốc tế, để thực sự đạt được những mục đích xã hội, kinh tế và khoa học nêu trong điều này.

e) Trừ trường hợp có những đòi hỏi về an ninh và những điều hiến pháp không cho phép, Hội đồng Kinh tế - xã hội thông báo thường kỳ cho Tổng thư ký LHQ biết về các tài liệu thống kê và các tài liệu khác có tính chất kỹ thuật về các điều kiện kinh tế, xã hội và giáo dục trong các lãnh thổ mà họ chịu trách nhiệm trừ những lãnh thổ mà những quy định của các Chương VII và Chương VIII sẽ được áp dụng.

ĐIỀU 74.

Những thành viên LHQ cũng thừa nhận rằng chính sách của họ đối với các vùng lãnh thổ nói ở chương này cũng như đối với các vùng lãnh thổ ở chính quốc gia họ, phải dựa trên nguyên tắc láng giềng thân thiện, chú ý

đến lợi ích và sự phồn vinh của các nước trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội và thương mại.

Chương XII

CHẾ ĐỘ QUẢN THÁC QUỐC TẾ

ĐIỀU 75.

LHQ đặt ra chế độ quản thác quốc tế dưới sự lãnh đạo của mình để quản lý và kiểm soát các lãnh thổ có thể đặt dưới chế độ quản thác này theo những hiệp định riêng sẽ được ký kết sau. Những vùng lãnh thổ dưới đây gọi là những "lãnh thổ quản thác".

ĐIỀU 76.

Theo đúng mục tiêu của LHQ ghi ở Điều 1 của Hiến chương này, những nhiệm vụ chính của chế độ quản thác là:

a) Củng cố hòa bình và an ninh quốc tế.

b) Tạo điều kiện cho nhân dân các lãnh thổ quản thác tiến bộ về chính trị, kinh tế, xã hội và phát triển giáo dục, giúp đỡ dần dần đến chỗ có đủ khả năng tự quản hoặc độc lập trong quá trình giúp đỡ phải chú ý đến những điều kiện riêng biệt của lãnh thổ và của nhân dân các lãnh thổ, hay nói cách khác, chú ý đến sự biểu hiện mong muốn tự do của họ, cũng như chú ý đến những điều khoản có thể được quy định trong từng hiệp định về quản thác.

c) Khuyến khích sự tôn trọng các quyền và các tự do cơ bản của con người, không phân biệt chủng tộc, nam, nữ, ngôn ngữ hay tôn giáo và khuyến khích sự công nhận tính cùng phụ thuộc lẫn nhau giữa các dân tộc trên toàn thế giới.

d) Đảm bảo quan hệ bình đẳng đối với các thành viên LHQ và công dân của họ trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội và thương mại, cũng như quan hệ công bằng trước tòa án, không làm phương hại đến việc thực hiện những mục tiêu nói trên và không trái với những quy định tại Điều 80.

ĐIỀU 77.

1. Chế độ quản thác sẽ được áp dụng cho những lãnh thổ thuộc các loại sau đây và đưa những vùng lãnh thổ này vào chế độ quản thác theo những hiệp định về quản thác.

a) Những lãnh thổ hiện nay đặt dưới chế độ uỷ trị.

b) Những lãnh thổ có thể được tách khỏi những nước thù địch do hậu quả của cuộc Chiến tranh thế giới thế II.

c) Những lãnh thổ do những quốc gia chịu trách nhiệm quản lý tự nguyện đưa vào chế độ quản thác.

2. Vấn đề đặt ra là những lãnh thổ nào trong đó số lãnh thổ kể trên cần phải đưa vào chế độ quản thác và trên những điều kiện gì sẽ là đối tượng của những hiệp định sau này.

ĐIỀU 78.

Các chế độ quản thác sẽ không áp dụng cho những quốc gia đã trở thành thành viên của Liên Hợp Quốc, quan hệ giữa các quốc gia này phải dựa trên sự tôn trọng nguyên tắc bình đẳng về chủ quyền.

ĐIỀU 79.

Những điều khoản của chế độ quản thác về từng lãnh thổ đặt dưới chế độ ấy cũng như tất cả những sửa đổi và bổ sung sẽ xác định bằng các hiệp định giữa các quốc gia trực tiếp có liên quan, kể cả các nước được quyền uỷ trị, trong trường hợp những lãnh thổ đặt dưới sự uỷ trị của một thành viên LHQ và những điều khoản ấy đã được chuẩn y theo đúng các Điều 83 và 85.

ĐIỀU 80.

1. Trừ những điều khoản có thể được thảo luận trong các hiệp định riêng về quản thác, ký kết theo những điều 77, 79, 81, và đặt mỗi lãnh thổ dưới chế độ quản thác và cho đến khi các hiệp định ấy được ký kết, không một điều khoản nào của chương trình này sẽ được giải thích là sự sửa đổi trực tiếp hay gián tiếp bằng bất cứ cách nào, những pháp luật nào đó của một quốc gia hoặc của một dân tộc nào hay và sự sửa đổi những quy định của các điều ước quốc tế hiện hành mà các thành viên LHQ có thể là những bên ký kết.

2. Khoản 1 của điều này không được giải thích như là một lý do cho việc làm chậm trễ hay trì hoãn việc đàm phán hoặc ký kết những điều ước về việc đưa những lãnh thổ được uỷ trị hay các lãnh thổ khác vào chế độ quản thác, như Điều 77 đã quy định.

ĐIỀU 81.

Trong từng trường hợp, hiệp định về quản thác cần phải có những điều kiện sẽ dựa vào đó để quản lý lãnh thổ quản thác, cũng như để chỉ định nhà đương cục sẽ quản lý lãnh thổ quản thác. Nhà đương cục ấy, sau đây gọi là

"nhà đương cục quản lý" có thể đại diện cho một hoặc nhiều quốc gia hoặc do chính LHQ.

ĐIỀU 82.

Trong bất cứ điều ước nào về quản thác cũng có thể xác định một hay nhiều vùng chiến lược bao gồm toàn bộ hay một phần lãnh thổ quản thác mà điều ước đó áp dụng không làm tổn hại đến bất kỳ một hay những hiệp định nào ký kết theo Điều 43.

ĐIỀU 83.

Tất cả các chức năng của LHQ có quan hệ đến các vùng chiến lược, kể cả việc xác định các điều kiện của hiệp định về quản thác và những sửa đổi, bổ sung những hiệp định này đều do Hội đồng Bảo an thực hiện:

Những mục tiêu cơ bản nêu ở Điều 76 có quan hệ với nhân dân của mỗi vùng chiến lược;

Hội đồng Bảo an giám sát các điều kiện về hiệp định quản thác không phương hại đến các đòi hỏi về an ninh, sẽ sử dụng sự giúp đỡ của Hội đồng Quản thác theo chế độ quản thác, thực hiện những chức năng của LHQ có liên quan tới các vấn đề chính trị, kinh tế, xã hội, cũng như các vấn đề trong lĩnh vực giáo dục ở những vùng chiến lược.

ĐIỀU 84.

Nhà đương cục quản lý có trách nhiệm làm cho lãnh thổ quản thác góp phần vào việc giữ gìn hòa bình và an ninh quốc tế. Để đạt được mục đích này nhà đương cục quản lý có thể sử dụng quân đội tình nguyện, các phương tiện dịch vụ và sự giúp đỡ của lãnh thổ quản thác để thực hiện những nghĩa vụ đối lãnh thổ quản thác trước Hội đồng Bảo an, cũng như để đảm bảo việc phòng thủ địa phương và việc duy trì trật tự trong nội bộ lãnh thổ quản thác.

ĐIỀU 85.

Đối với những hiệp định về quản thác, để cho tất cả những vùng, trừ những vùng chiến lược, các chức năng của LHQ kể cả việc phê chuẩn, sửa đổi và bổ sung những điều khoản của các hiệp định quản thác, đều do Đại hội đồng thi hành.

Hội đồng quản thác hoạt động dưới quyền của Đại hội đồng trong việc làm tròn các chức năng nói trên.

Chương VIII
HỘI ĐỒNG QUẢN THÁC

Thành phần

ĐIỀU 86.

Hội đồng quản thác gồm những thành viên sau đây của LHQ:

Những thành viên quản lý những lãnh thổ quản thác;

Những thành viên được Điều 23 ghi rõ tên nhưng không quản lý những lãnh thổ quản thác;

Một số thành viên đó do Đại hội đồng bầu ra trong thời hạn 3 năm, số lượng thành viên này là số lượng cần thiết để tổng số uỷ viên của hội đồng quản thác được phân bổ khác nhau giữa những thành viên LHQ quản lý các lãnh thổ quản thác và những thành viên không quản lý những lãnh thổ đó.

Mỗi uỷ viên hội đồng quản thác thác chỉ cử một người có trình độ chuyên môn đặc biệt làm đại diện cho mình tại Hội đồng Quản thác.

Chức năng và quyền hạn

ĐIỀU 87.

Đại hội đồng và Hội đồng Quản thác thừa lệnh Đại hội đồng khi thực hiện chức năng này của mình, có thẩm quyền:

Xem xét những báo cáo của nhà đương cục được giao quản lý lãnh thổ quản thác;

Nhận và xét đơn thỉnh cầu sau khi tham khảo ý kiến nhà đương cục nói trên;

Cử người đến quan sát định kỳ từng lãnh thổ do nhà đương cục nói trên quản lý, theo thời hạn được thỏa thuận với nhà đương cục ấy;

Tiến hành những việc trên hay những việc khác theo đúng điều khoản của các hiệp định về những điều khoản của các hiệp định về quản thác.

ĐIỀU 88.

Hội đồng Quản thác lập bảng cân đối về sự tiến bộ của nhân dân ở các vùng lãnh thổ quản thác, trong các khu vực kinh tế, chính trị, xã hội và giáo dục. Nhà đương cục quản lý một lãnh thổ quản thác thuộc quyền kiểm soát của Đại hội đồng, hàng năm gửi đến Đại hội đồng những bản báo cáo dựa trên bảng cân đối nói trên.

Bỏ phiếu

Mỗi uỷ viên của Hội đồng Quản thác được sử dụng một lá phiếu;
Những nghị quyết của Hội đồng Quản thác được thông qua theo đa số uỷ viên có mặt và bỏ phiếu.

Thủ tục

ĐIỀU 90.

Hội đồng Quản thác tự thông qua nội quy của mình kể cả thủ tục bầu chủ tịch của Hội đồng.

Hội đồng Quản thác họp tùy theo nhu cầu phù hợp với những nguyên tắc thủ tục, những nguyên tắc này cần quy định việc triệu tập các kỳ họp của Hội đồng Quản thác theo yêu cầu của đa số uỷ viên Hội đồng.

ĐIỀU 91.

Trong những trường hợp thích hợp Hội đồng Quản thác sử dụng sự giúp đỡ của Hội đồng Bảo an và tổ chức của các tổ chức chuyên môn về các vấn đề mà Hội đồng Kinh tế - Xã hội và các tổ chức chuyên môn khác quan tâm.

Chương XIV

TÒA ÁN QUỐC TẾ

ĐIỀU 92.

Tòa án quốc tế là cơ quan tư pháp chính của LHQ. Tòa án này hoạt động theo một quy chế và được xây dựng trên cơ sở quy chế Tòa án quốc tế thường trực. Quy chế tòa án quốc tế kèm theo Hiến chương này là một bộ phận hợp thành của Hiến chương.

ĐIỀU 93.

Tất cả các thành viên của LHQ là thành viên của Quy chế Tòa án quốc tế.

Quốc gia không phải là thành viên LHQ có thể trở thành thành viên của Quy chế Tòa án quốc tế với những điều kiện do Đại hội đồng quy định trong từng trường hợp cụ thể theo kiến nghị của Hội đồng Bảo an.

ĐIỀU 94.

Mỗi thành viên của LHQ cam kết thi hành phán quyết của Tòa án quốc tế về vụ tranh chấp mà thành viên ấy là đương sự.

Trong trường hợp, nếu một bên nào đó không thực hiện nghĩa vụ mà họ phải chấp hành theo phán quyết của Tòa án thì bên kia có thể khiếu nại với Hội đồng Bảo an nếu thấy cần, có thể kiến nghị hoặc quyết định những biện pháp để làm cho phán quyết này được chấp hành.

ĐIỀU 95.

Không một điều khoản nào của Hiến chương này cản trở các thành viên của LHQ đưa những vụ tranh chấp của họ ra xét xử ở các Tòa án khác chiếu theo những hiệp định hiện có, hoặc có thể sẽ được ký kết sau này.

ĐIỀU 96.

Đại hội đồng hay Hội đồng Bảo an có thể đòi hỏi ở Tòa án quốc tế những kết luận tư vấn về bất cứ vấn đề pháp lý nào;

Các cơ quan khác của LHQ và các tổ chức chuyên môn bất kỳ lúc nào được Đại hội đồng cho phép cũng được đòi hỏi quyền có ý kiến với Tòa án quốc tế về những vấn đề pháp lý có thể được đặt ra trong phạm vi hoạt động của mình.

Chương XV

BAN THƯ KÝ

ĐIỀU 97.

Ban thư ký gồm có Tổng thư ký và một nhân viên tùy theo yêu cầu của LHQ, Tổng thư ký do Đại hội đồng bổ nhiệm theo kiến nghị của Hội đồng Bảo an. Tổng thư ký là viên chức hành chính cao cấp nhất của LHQ.

ĐIỀU 98.

Tổng thư ký hoạt động với tư cách trên tại tất cả các cuộc họp của Đại hội đồng, Hội đồng Bảo an, Hội đồng Kinh tế - Xã hội và Hội đồng Quản thác. Tổng thư ký thực hiện những chức năng khác do các cơ quan này giao phó. Tổng thư ký trình Đại hội đồng báo cáo hàng năm về hoạt động của LHQ.

ĐIỀU 99.

Tổng thư ký có thẩm quyền lưu ý Hội đồng Bảo an mọi vấn đề mà theo ý mình, có thể đe dọa việc duy trì hòa bình và an ninh quốc tế.

ĐIỀU 100.

Trong khi thi hành nhiệm vụ, Tổng thư ký và các nhân viên không được đòi hỏi hoặc nhận Chỉ thị của bất cứ một chính phủ nào hoặc của một chính quyền nào ngoài LHQ. Tổng thư ký và các nhân viên cần phải tránh mọi hành động trái với địa vị quốc tế và chỉ chịu trách nhiệm trước LHQ.

Mỗi thành viên của LHQ cam kết tôn trọng tính chất quốc tế những nghĩa vụ của Tổng thư ký và của các nhân viên Ban thư ký và không làm ảnh hưởng đến họ trong khi họ thừa hành nhiệm vụ của mình.

ĐIỀU 101.

Tổng thư ký bổ nhiệm các nhân viên của mình theo những quy tắc do Đại hội đồng quy định;

Số lượng nhân viên thích hợp cũng sẽ được bổ nhiệm để phục vụ thường xuyên ở Hội đồng Kinh tế - Xã hội, Hội đồng Quản thác và nếu cần ở các cơ quan khác của LHQ. Số nhân viên này thuộc biên chế của ban thư ký.

Điều chủ yếu trong việc tuyển dụng và quy định điều kiện sử dụng nhân viên là cần thiết, đảm bảo cho LHQ những người phục vụ có khả năng làm việc cao và có tài năng, có trách nhiệm và liêm khiết. Phải chú ý một cách thích đáng đến tầm quan trọng của việc tuyển dụng nhân viên trên cơ sở phạm vi địa lý càng rộng càng tốt.

Chương XVI

CÁC QUYẾT ĐỊNH

ĐIỀU 102.

Mọi hiệp ước hay hiệp định quốc tế do bất cứ thành viên nào của LHQ ký kết, sau khi Hiến chương này có hiệu lực cần phải được đăng ký càng sớm càng tốt tại Ban thư ký và do Ban thư ký công bố.

Không một bên ký kết nào của bất kỳ hiệp ước hay hiệp định nào không đăng ký theo quy định tại khoản 1 Điều này có thể viện dẫn đến hiệp ước hay hiệp định đó ra trước một cơ quan của LHQ.

ĐIỀU 103.

Trong trường hợp có sự xung đột giữa những nghĩa vụ của các thành viên LHQ chiếu theo Hiến chương này và những nghĩa vụ chiếu theo bất cứ

một hiệp định quốc tế nào khác thì những nghĩa vụ chiếu theo Hiến chương cần phải được tôn trọng hơn.

ĐIỀU 104.

LHQ sử dụng trên lãnh thổ của mỗi thành viên của mình năng lực pháp lý cần thiết để thực hiện các chức năng và để đạt được các mục đích của LHQ.

Những đại diện của các quốc gia thành viên của LHQ và những viên chức LHQ cũng được hưởng những ưu đãi và những miễn trừ cần thiết để họ tự thực hiện những chức năng của mình đối với LHQ;

Đại hội đồng có thể đưa ra những kiến nghị nhằm quy định chi tiết việc thực hiện các khoản 1 và 2 của Điều này, hay có thể đề nghị các thành viên LHQ những công việc nhằm mục đích đó.

Chương XVII

NHỮNG BIỆN PHÁP AN NINH TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ

ĐIỀU 106.

Trước khi các hiệp định đặc biệt nêu ở Điều 43 có hiệu lực, theo ý kiến của Hội đồng Bảo an, cho phép Hội đồng Bảo an bắt đầu thực hiện những trách nhiệm của mình chiếu theo Điều 42, những bên ký kết Tuyên ngôn của 4 nước tại Mátxcova ngày 30 tháng 10 năm 1943 và nước Pháp, sẽ thương lượng với nhau và nếu cần, với những thành viên khác của LHQ theo quy định của khoản 5 Tuyên ngôn này để cùng tiến hành mọi hành động cần thiết nhằm duy trì hòa bình và an ninh quốc tế.

ĐIỀU 107.

Không một điều khoản nào của Hiến chương này làm mất hiệu lực pháp lý của những hành động mà chính những chính phủ có trách nhiệm thực hiện hay được phép thực hiện do hậu quả của cuộc chiến tranh thế giới lần thứ II, đối với bất kỳ quốc gia nào mà trong cuộc chiến tranh thế giới ấy, là thù địch của bất kỳ một quốc gia nào trong những quốc gia ký kết Hiến chương này.

Chương XVIII

BỔ SUNG

ĐIỀU 108.

Những điều bổ sung Hiến chương này sẽ có hiệu lực đối với tất cả các thành viên LHQ, sau khi được đa số 2/3 quốc gia thành viên tán thành, trong đó có tất cả các quốc gia thành viên của Hội đồng Bảo an phê chuẩn theo đúng thủ tục trong hiến pháp mỗi nước.

ĐIỀU 109.

Mỗi cuộc hội nghị toàn thể các thành viên LHQ có thể được triệu tập với mục đích xét lại Hiến chương này, vào ngày giờ và địa điểm sẽ được ấn định do biểu quyết của đa số thành viên của Đại hội đồng và của 9 uỷ viên bất kỳ của Hội đồng Bảo an. Mỗi nước thành viên LHQ được sử dụng một phiếu ở hội nghị đó;

Bất kỳ sự sửa đổi nào với Hiến chương này cũng do Hội nghị toàn thể đó kiến nghị với đa số phiếu 2/3 các thành viên tham gia hội nghị, và sẽ có hiệu lực sau khi được 2/3 các thành viên LHQ, trong đó có tất cả các uỷ viên thường trực Hội đồng Bảo an phê chuẩn theo đúng thủ tục quy định trong Hiến pháp của mỗi nước.

Nếu hội nghị này không được triệu tập trước khóa họp thường kỳ lần thứ 10 của Đại hội đồng, kể từ Hiến chương này có hiệu lực, thì đề nghị về việc triệu tập hội nghị toàn thể ấy sẽ được đưa vào chương trình nghị sự của khóa họp đó, và hội nghị của toàn thể nêu trên sẽ họp, nếu được đa số các thành viên của LHQ và 7 uỷ viên bất kỳ của Hội đồng Bảo an biểu quyết.

Chương XIX

PHÊ CHUẨN VÀ KÝ KẾT

ĐIỀU 110.

Hiến chương này sẽ được các quốc gia ký kết phê chuẩn theo thủ tục của hiến pháp các nước đó;

Các thư phê chuẩn cần phải đưa cho Chính phủ Hoa Kỳ giữ. Mỗi khi được giao giữ phê chuẩn, Chính phủ Hoa Kỳ sẽ thông báo cho tất cả các quốc gia ký kết Hiến chương biết và cho cả Tổng thư ký LHQ khi Tổng thư ký sẽ được bổ nhiệm;

Hiến chương này sẽ có hiệu lực khi đưa vào lưu trữ các thư phê chuẩn của các nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa, Cộng hòa Pháp, Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô Viết (nay là Liên Bang Nga), Hoa Kỳ, Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ailen và phần lớn các nước khác đã ký kết Hiến chương. Sau đó Chính phủ Hoa Kỳ sẽ làm biên bản về việc đưa vào lưu trữ các thư phê chuẩn và bản sao cho tất cả các quốc gia ký kết Hiến chương.

Các quốc gia ký kết và phê chuẩn Hiến chương này ngay sau khi Hiến chương có hiệu lực, sẽ trở thành những thành viên của LHQ kể từ ngày họ gửi thư phê chuẩn vào lưu trữ.

ĐIỀU 111.

Hiến chương này, mà các bản tiếng Trung Quốc, Pháp, Nga, Anh và Tây Ban Nha, đều có giá trị như nhau, sẽ được Chính phủ Hoa Kỳ đưa vào lưu trữ. Các bản sao các bản đó được thực thi đúng như bản chính sẽ do Chính phủ Hoa Kỳ gửi cho tất cả các Chính phủ của các nước ký kết Hiến chương.

Để làm bằng, các đại diện các chính phủ của các quốc gia thành viên LHQ đã ký tên vào bản hiến chương này.

Làm tại thành phố San Phranxixco ngày hai mươi sáu tháng sáu năm một nghìn chín trăm bốn lăm (26/06/1945)

LỜI CHÚ THÍCH

Hiến chương LHQ được ký kết ngày 26 tháng 6 năm 1945 ở thành phố San Phranxixco trong phiên họp kết thúc hội nghị LHQ về vấn đề thành lập một Tổ chức quốc tế và có hiệu lực từ ngày 24 tháng 10 năm 1945. Quy chế của Tòa án quốc tế là một bộ phận cấu thành của Hiến chương.

Những điểm sửa đổi trong các Điều 23, 27 và 61 của Hiến chương được Đại hội đồng thông qua ngày 17 tháng 12 năm 1963 có hiệu lực từ ngày 31 tháng 8 năm 1965. Điểm sửa đổi trong Điều 109 được Đại hội đồng thông qua ngày 20 tháng 12 năm 1965 và có hiệu lực từ ngày 12 tháng 6 năm 1968.

Điểm sửa đổi trong Điều 23 của Hiến chương tăng thêm số lượng uỷ viên Hội đồng Bảo an từ 11 lên 15.

ĐIỀU 27.

Sửa đổi quy định những nghị quyết của Hội đồng Bảo an về những vấn đề thủ tục coi như được thông qua khi 9 uỷ viên bỏ phiếu tán thành (trước đây là 7), kể cả những phiếu thuận của 5 uỷ viên thường trực của Hội đồng Bảo an.

Điểm sửa đổi trong Điều 61 tăng thêm số lượng uỷ viên Hội đồng Kinh tế - Xã hội từ 18 lên 27. Điểm sửa đổi tiếp theo trong điều đó có hiệu lực từ ngày 24 tháng 9 năm 1973 tăng thêm số lượng uỷ viên Hội đồng từ 27 lên 54. Điểm sửa đổi trong đoạn thứ nhất Điều 109 quy định thời gian và địa điểm tiến hành Đại hội các nước thành viên để xem xét lại Hiến chương phải được 2/3 số phiếu uỷ viên Đại hội đồng và 9 phiếu bất kỳ (trước đây 7) của uỷ viên Hội đồng Bảo an quyết định.

Đoạn 3 Điều 109 quy định khả năng triệu tập hội nghị bàn về xem xét Hiến chương đã được Đại hội đồng và Hội đồng Bảo an thảo luận trong phiên họp thường kỳ lần thứ 10 của Đại hội đồng năm 1955 đã được giữ lại như lúc diễn đạt ban đầu: "Với số phiếu thuận của 7 uỷ viên bất kỳ của Hội đồng Bảo an".

PHỤ LỤC II

CÁC QUỐC GIA THÀNH VIÊN LIÊN HỢP QUỐC

(Tính đến ngày 11-7-2000)

1. Áp-ga-ni-xtan	19-11-1946
2. An-ba-ni	14-12-1955
3. An-giê-ri	08-10-1962
4. An-đô-ra	28-7-1993
5. Ăng-gô-la	01-12-1976
6. Ăng-ti-gua và Báp-tu-đa	11-11-1981
7. Ăc-hen-ti-na	24-10-1945
8. Ăc-mê-ni	02-3-1992
9. Úc	01-11-1945
10. Áo	14-12-1955
11. A-déc-bai-dan	09-3-1992
12. Ba-ha-mát	18-9-1973
13. Báp-rên	21-9-1971
14. Bắng-la-đét	17-9-1974
15. Báp-ba-đốt	09-12-1966
16. Bê-la-rút	24-10-1945
17. Bỉ	27-12-1945
18. Bê-li-dơ	25-9-1981
19. Bê-nanh	20-9-1960
20. Bu-tan	21-9-1971
21. Bô-li-vi-a	14-11-1945
22. Bô-xnia và Hê-xgô-vi-na	22-5-1992
23. Bốt-xoa-na	17-10-1966
24. Bra-xin	24-10-1945

25. Bru-nei	21-9-1984
26. Bun-ga-ri	14-12-1955
27. Buốc-ki-na Pha-xô	20-9-1960
28. Bu-run-di	18-9-1962
29. Căm-pu-chia	14-12-1955
30. Ca-mơ-run	20-9-1960
31. Ca-na-đa	09-11-1945
32. Cáp-ve	16-9-1975
33. Cộng hòa Trung Phi	20-9-1960
34. Sét	20-9-1960
35. Chi-lê	24-10-1945
36. Trung Quốc	24-10-1945
37. Cô-lôm-bi-a	05-11-1945
38. Cô-mo	12-11-1975
39. Công-gô	20-9-1960
40. Cô-xta Ri-ca	02-11-1945
41. Cốt-di-voa	20-9-1960
42. Croa-ti-a	22-5-1992
43. Cu-ba	24-10-1945
44. Síp	20-9-1960
45. Cộng hòa Séc	19-01-1993
46. CHDCND Triều Tiên	17-9-1991
47. CH Dân chủ Công-gô	20-9-1960
48. Đan-mạch	24-10-1945
49. Đơ-ri-bu-ti	20-9-1977
50. Đô-mi-ni-ca	18-12-1978
51. Cộng hòa Đô-mi-ni-ca	24-10-1945
52. Ê-qua-đo	21-12-1945
53. Ai-cập	24-10-1945
54. En-xan-va-đo	24-10-1945
55. Ghi-nê Xích đạo	12-11-1968
56. Ê-ri-tơ-ri-a	28-5-1993
57. E-xtô-ni-a	17-9-1991
58. Ê-ti-ô-pi-a	13-11-1945
59. Phi-gi	13-10-1970
60. Phần Lan	14-12-1955

61. Pháp	24-10-1945
62. Ga-bon	20-9-1960
63. Gam-bi-a	21-9-1965
64. Gru-đi-a	31-7-1992
65. Đức	18-9-1973
66. Gha-na	08-3-1957
67. Hy Lạp	25-10-1945
68. Grê-na-đa	17-9-1974
69. Goa-tê-ma-la	21-11-1945
70. Ghi-nê	21-12-1958
71. Ghi-nê Bít-xao	17-9-1974
72. Guy-a-na	20-9-1966
73. Hai-ti	24-10-1945
74. Hôn-đu-rát	17-12-1945
75. Hung-ga-ri	14-12-1955
76. Ai-xơ-len	19-11-1946
77. Ấn Độ	30-10-1945
78. In-đô-nê-xi-a	28-9-1950
79. I-ran	24-10-1945
80. I-rắc	24-12-1955
81. Ai-rơ-len	14-12-1955
82. I-xra-en	11-5-1949
83. I-ta-li-a	14-12-1955
84. Gia-mai-ca	18-9-1962
85. Nhật Bản	18-12-1956
86. Gioóc-đa-ni	14-12-1955
87. Ca-dắc-xtan	02-3-1992
88. Kê-nia	16-12-1963
89. Ki-ri-ba-ti	14-9-1999
90. Cô-oét	14-5-1963
91. Ki-rơ-gi-xtan	02-3-1992
92. CHDCND Lào	14-12-1955
92. Lát-vi-a	17-9-1991
93. Li-băng	24-10-1945
95. Lê-xô-tô	17-10-1966
96. Li-bê-ri-a	02-11-1945

97. Li-bi	14-12-1955
98. Lei-xơ-tên	18-9-1990
99. Lít-va	17-9-1991
100. Lúc-xăm-bua	24-10-1945
101. Ma-đa-ga-xca	20-9-1960
102. Ma-la-uy	01-12-1964
103. Ma-lai-xi-a	17-9-1957
104. Man-đi-vơ	21-9-1965
105. Ma-li	28-9-1960
106. Man-ta	01-12-1964
107. Quần đảo Mác San	17-9-1991
108. Mô-ri-ta-ni	07-10-1961
109. Mô-ri-xơ	24-4-1945
110. Mê-hi-cô	07-11-1945
111. Mi-crô-nê-di-a	17-9-1991
112. Mô-na-cô	12-11-1956
113. Mông Cổ	16-9-1975
114. Ma-rốc	24-11-1956
115. Mô-dăm-bích	16-9-1975
116. Mi-an-ma	19-4-1948
117. Na-mi-bi-a	23-4-1990
118. Na-u-ru	14-9-1999
119. Nê-pan	14-12-1955
120. Hà Lan	10-12-1945
121. Niu Di-lân	24-10-1945
122. Ni-ca-ra-go-a	24-10-1945
123. Ni-giê	20-9-1960
124. Ni-giê-ri-a	07-10-1960
125. Na-uy	27-11-1945
126. Ô-man	07-10-1971
127. Pa-ki-xtan	30-9-1974
128. Pa-lau	15-12-1994
129. Pa-na-ma	3-11-1945
130. Pa-pua Niu Ghi-nê	10-10-1975
131. Pa-ra-goay	24-10-1945
132. Pê-ru	31-10-1945

133. Phi-líp-pin	24-10-1945
134. Ba Lan	24-10-1945
135. Bồ Đào Nha	14-12-1955
136. Qua-ta	21-9-1971
137. Hàn Quốc	17-9-1991
138. Môn-đa-vi	02-3-1992
139. Ru-ma-ni	14-12-1955
140. Nga	24-10-1945
141. Ru-an-đa	18-9-1962
142. Xanh-kit và Nê-vis	23-9-1983
143. Xanh-lu-cia	18-9-1979
144. Xanh Vin-cen và Grê-na-din	16-9-1980
145. Xa-moa	15-12-1976
146. Xan Ma-ri-nô	02-3-1992
147. Xan Tô-mê và Prin-xi-pơ	16-9-1975
148. Arập Xê-út	24-10-1945
149. Xê-nê-gan	28-9-1960
150. Xây-sen	21-9-1976
151. Xi-ra Lê-on	27-9-1976
152. Xinh-ga-po	21-9-1965
153. Xlô-va-kia	19-01-1993
154. Slô-ve-nia	22-5-1992
155. Quần đảo Xô-lô-môn	19-9-1978
156. Xô-ma-li	20-9-1960
157. Nam Phi	07-11-1945
158. Tây Ban Nha	14-12-1955
159. Xri-lan-ca	14-12-1955
160. Xu-đăng	12-11-1956
161. Xu-ri-am	04-12-1975
162. Xoa-di-len	24-9-1968
163. Thụy Điển	19-11-1946
164. Xi-ri	24-10-1945
165. Ta-gi-ki-xtan	02-3-1992
166. Thái Lan	16-12-1946
167. CH Mác-xê-đô-ni-a (Nam Tư cũ)	08-4-1993
168. Tô-go	20-9-1960

169. Tôn-ga	14-9-1999
170. Tri-ni-đát và Tô-ba-gô	18-9-1962
171. Tu-ni-dơ	12-11-1956
172. Thổ Nhĩ Kỳ	24-10-1945
173. Tuốc-mê-ni-xtan	2-3-1992
174. U-gan-đa	25-10-1962
175. U-crai-na	24-10-1945
176. Tiểu vương quốc Ả-rập	09-12-1971
177. Anh	24-10-1945
178. Tan-da-ni-a	14-12-1961
179. Mỹ	24-10-1945
180. U-ru-goay	18-12-1945
181. U-dơ-bê-ki-xtan	02-3-1992
182. Va-nu-a-tu	15-9-1981
183. Ve-nê-du-ê-la	15-10-1945
184. Việt Nam	20-9-1977
185. Y-ê-men	30-9-1947
186. Nam Tư	24-10-1945
187. Dăm-bia	01-12-1964
188. Dim-ba-bu-ê	25-8-1980.

PHỤ LỤC III

CÁC TỔ CHỨC QUỐC TẾ MÀ VIỆT NAM LÀ THÀNH VIÊN

1. Hội chữ thập đỏ quốc tế	ICRC	1957
2. Tổ chức Khí tượng thế giới	WMO	1975
3. Cao uỷ Liên hợp quốc về người tị nạn	UNHCR	1975
4. Liên minh Viễn thông quốc tế	ITU	1997
5. Quỹ tiền tệ quốc tế	IMF	1975
6. Ngân hàng tái thiết và phát triển thế giới	WB	1975
7. Trung tâm nghiên cứu phát triển rau châu Á	AVRDC	1975
8. Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới	WIPO	1976
9. Liên minh Bưu chính thế giới	UPU	1976
10. Tổ chức Thông tin vệ tinh quốc tế	INTELSAT	1976
11. Tổ chức Y tế thế giới	WHO	1976
12. Viện Nghiên cứu Lúa quốc tế	IRRI	1976
13. Uỷ ban bản đồ địa chất quốc tế	CGMW	1976
14. Liên Hợp Quốc	UN	1977
15. Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp của Liên Hợp Quốc	FAO	1977
16. Chương trình Phát triển của Liên Hợp Quốc	UNDP	1977
17. Chương trình Lương thực thế giới	WFP	1977
18. Quỹ Phát triển dân số của Liên Hợp Quốc	UNFPA	1977
19. Tổ chức phát triển Công nghiệp của Liên Hợp Quốc	UNIDO	1977

20. Tổ chức Giáo dục, Khoa học và văn hóa của Liên Hợp quốc	UNESCO	1977	
21. Quỹ Nhi đồng Liên Hợp Quốc	UNICEF	1977	
22. Chương trình Môi trường của Liên Hợp Quốc	UNEP	1977	
23. Tổ chức Năng lượng nguyên tử quốc tế	IAEA	1978	
24. Quỹ Phát triển nông nghiệp quốc tế	IFAD	1979	
25. Tổ chức hợp tác Văn hóa Kỹ thuật (nay là Tổ chức Pháp ngữ)	ACCT	1979	
26. Trung tâm Phát triển nông thôn tổng hợp châu Á - Thái Bình Dương	CIRDAP	1979	
27. Trung tâm quốc tế về Cải tiến ngô và lúa mì	CIM-MYT	1979	
28. Trung tâm Thông tin vệ tinh quốc tế	INTER-SPUTNIK	1979	
29. Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế	ICAO	1980	
30. Trung tâm quốc tế về khoai tây	CIP	1980	
31. Tổ chức Du lịch thế giới	WTO	1981	
32. Chương trình liên hệ địa chất quốc tế	IGCP	1981	
33. Trung tâm quốc tế về Nông nghiệp nhiệt đới	CIAY	1983	
34. Tổ chức Hàng hải quốc tế	IMO	1984	
35. Liên minh Bưu chính châu Á - Thái Bình Dương	APPU	1987	
36. Ủy ban phối hợp các Chương trình chuyên hải và ngoài khơi Đông và Đông Nam Á	CCOP	1987	
37. Mạng lưới Cố vấn Phát triển và Thông tin về phân bón vùng châu Á - Thái Bình Dương	FADINAP	1988	
38. Viện Nghiên cứu quốc tế về cây trồng nhiệt đới bán khô hạn	ICRI-SAT	1988	

39. Hiệp hội quốc tế về các khoa học địa chất	UIGS	1989
40. Tổ chức Dịch tễ quốc tế	OIE	1991
41. Tổ chức quốc tế nghiên cứu về quản lý đất	EBS- RAM	1991
42. Hiệp hội các Viện nghiên cứu nông nghiệp châu Á - Thái Bình Dương	APPARI	1992
43. Tổ chức Lao động quốc tế	ILO	1992
44. Cơ quan Nông nghiệp quốc tế Khối thịnh vượng chung	CABI	1992
45. Tổ chức Hải quan thế giới	WCO	1993
46. Tổ chức Cà phê quốc tế	ICO	1993
47. Hiệp hội quốc tế bảo vệ thiên nhiên	IUCN	1993
48. Mạng lưới khu vực về máy móc nông nghiệp	RNAM	1993
49. Dịch vụ quốc tế cho nghiên cứu nông nghiệp	ISNAR	1993
50. Hiệp hội các Trường Đại học sử dụng từng phần hoặc toàn phần tiếng Pháp và các Trường Đại học có mạng lưới tiếng Pháp	AUPELF UREF	1994
51. Cơ quan Điều phối về Biển Đông	COBSEA	1994
52. Hiệp hội các nước Đông Nam Á	ASEAN	1995
53. Hợp tác công nhận phòng thí nghiệm APLAC		1995
54. Ủy ban kinh tế - xã hội châu Á- Thái Bình Dương	ESCAP	
55. Tổ chức Chất lượng châu Á - Thái Bình Dương	APQO	
56. Tổ chức quốc tế về tiêu chuẩn hóa	ISO	
57. Tổ chức quốc tế về đo lường hợp pháp OIML		
58. Ủy ban Tiêu chuẩn thực phẩm	CAC	
59. Tổ chức mạng lưới Công nghệ châu Á		IA
60. Tổ chức Năng suất châu Á	APO	
61. Hiệp hội quốc tế các trường		

Thông tin khoa học	AIESI	
62. Trung tâm nghiên cứu phát triển quốc tế	IDRC	
63. Ủy ban sông Mê Công	MRC	1995
64. Tổ chức Mây tre quốc tế	INBAR	
65. Tổ chức Đường quốc tế	ISO	
66. Tổ chức Vệ tinh Hàng hải quốc tế	INMARSAT	1998
67. Trung tâm Phát triển châu Á - Thái Bình Dương	APDC	

PHỤ LỤC IV

Tên Điều ước quốc tế	Năm tham gia	Bảo lưu
1. Công ước Giơ-ne-vơ 1949 về bảo hộ thường dân trong lúc chiến tranh.	6/5/57	Điều 11
2. Công ước Giơ-ne-vơ 1949 về việc đối xử với tù binh.	6/5/57	Điều 10
3. Công ước Giơ-ne-vơ về cải thiện tình trạng thương binh, bệnh binh và những người bị đắm tàu thuộc lực lượng hải quân.	6/5/57	Điều 10
4. Công ước Giơ-ne-vơ 1949 về cải thiện tình trạng thương binh, bệnh binh và những người bị đắm tàu thuộc lực lượng vũ trang chiến đấu trên bộ.	6/5/57	Điều 10
5. Công ước Tổ chức Khí tượng Thế giới 1947.	6/18/75	Điều 29
6. Quy chế của Tổ chức Y tế Thế giới 1946.	8/1/75	Điều 75
7. Hiệp định thành lập Quỹ quốc tế Phát triển nông nghiệp.	12/13/77	
8. Hiệp định thành lập Hệ thống và Tổ chức thông tin vũ trụ quốc tế (INTERSPUTNIK).	1/1/79	
9. Hiệp định về hợp tác nghiên cứu và sử dụng khoảng không vũ trụ vào các mục đích hòa bình 1976	1/10/79	
10. Hiệp định về thành lập Trung tâm Phát triển nông thôn tổng hợp khu vực châu Á - Thái Bình Dương	2/1/79 1978	
11. Hiệp định về việc thành lập Trung tâm Khoa học và kỹ thuật quốc tế 1969	2/14/79	
12. Công ước Tô-ky-ô 1963 về tội phạm và một số hành vi khác thực hiện trên máy bay	8/8/79	Khoản 1 Điều 24
13. Công ước La hay 1970 về trừng trị những vụ cưỡng đoạt máy bay	8/8/79	Khoản 1 Điều 12
14. Công ước Mông-tơ-rê-an 1971 về trừng trị các hành vi	8/8/79	Khoản 1

bất chính đối với an ninh hàng không dân dụng	Điều 14
15. Quy chế Điện tín châu Á - Thái Bình Dương 1976	9/11/79
16. Hiến chương Liên minh Viễn thông châu Á - Thái Bình Dương (APT).	9/12/79
17. Công ước Chi-ca-gô 1944 về Hàng không dân dụng quốc tế	2/25/80
18. Hiệp ước 1971 cấm đặt vũ khí hạt nhân và các vũ khí giết người hàng loạt ở đáy biển, đáy đại dương	5/30/80
19. Công ước 1972 về cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ vũ khí vi trùng, các chất độc hại và việc phá huỷ các vũ khí đó	5/30/80
20. Hiệp ước 1967 về những nguyên tắc hoạt động của các quốc gia trong việc nghiên cứu và sử dụng vũ trụ, kể cả mặt trăng và các thiên thể khác	5/30/80
21. Công ước 1977 về cấm sử dụng các kỹ thuật làm thay đổi môi trường vì mục đích quân sự hay cho tất cả các mục đích thù địch khác	5/31/80
22. Công ước Viên 1961 về quan hệ ngoại giao	5/31/80
23. Công ước Viên 1975 về quyền đại diện của các quốc gia trong quan hệ với các tổ chức quốc tế có tính phổ cập.	5/31/80
24. Nghị định thư 1925 về cấm sử dụng trong chiến tranh các loại hơi độc, hơi ngạt hoặc các loại tương tự khác và các phương tiện chiến tranh vi trùng.	9/23/80
25. Công ước 1948 về ngăn ngừa và trừng trị tội diệt chủng	4/3/81
26. Công ước Paris 1983 về sở hữu công nghiệp	4/6/81
27. Hiệp định Madrit 1891 về việc đăng ký nhãn hàng hóa	4/6/81
28. Công ước Stốc-khôm 1967 về việc thành lập Tổ chức sở hữu tri thức thế giới	4/6/81
29. Công ước 1973 về ngăn ngừa và trừng trị tội A-pa-thai	5/26/81
30. Nghị định thư bổ sung Công ước Giơ-ne-vơ 1949 về bảo hộ nạn nhân trong các cuộc xung đột vũ trang quốc tế (Nghị định thư I).	8/28/81
31. Hiệp định thành lập Viện phát triển truyền thanh châu Á - Thái Bình Dương (12/8/1977)	9/8/81

32. Công ước về loại bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ thông qua ngày 18/12/1979	11/30/81	Khoản 1 Đ iều 29
33. Điều lệ sửa đổi Điều 24 và 25 của Quy chế Tổ chức Y tế Thế giới thông qua ngày 17/5/1976.	12/30/81	
34. Công ước về loại bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc thông qua 21/12/1965	5/6/82	
35. Hiệp ước không phổ biến vũ khí hạt nhân ký 1/7/1968 tại Luân Đôn, Mat-xcơ-va, Oa-sinh-tơn	6/14/82	
36. Quy chế Trung tâm phát triển châu Á - Thái Bình Dương thông qua ngày 1/4/1982.	9/9/82	
37. Công ước về thống nhất một số qui tắc vận chuyển hàng không ký tại Vác-xa-va ngày 12/10/1929	9/13/82	
38. Nghị định thư bổ sung Công ước về thống nhất một số qui tắc vận chuyển hàng không ký tại La Hay ngày 28/9/1955	9/13/82	
39. Công ước quốc tế về quyền kinh tế - xã hội và văn hóa thông qua ngày 16/12/1966	9/24/82	
40. Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị, thông qua ngày 16/12/1966	9/24/82	
41. Công ước về việc không áp dụng thời hiệu tố tụng đối với các tội ác chiến tranh và tội ác chống nhân loại, thông qua ngày 26/11/1968.	12/4/82	
42. Quy chế của Tổ chức Phát triển công nghiệp của LHQ (UNIDO) ký tại Viên ngày 8/4/1979.	4/28/83	
43. Nghị định thư bổ sung Điều 83bis Công ước Chi-ca-gô về hàng không dân dụng quốc tế thông qua ngày 6/10/1980.	9/1/83	
44. Sửa đổi Hiến chương APT (Điều 11) thông qua tại kỳ họp thứ 2 ĐHĐ 1981.	10/30/93	
45. Công ước 1948 về Tổ chức hàng hải quốc tế (IMO)	5/28/84	
46. Công ước Liên minh bưu chính Châu Á - Thái Bình Dương (APU) ký tại Yogyakarta (Indonesia) 27/3/1981.	12/15/86	
47. Quy chế Trung tâm khoa học và kỹ thuật của Phong trào Không liên kết và các nước phát triển thông qua 4/2/1985.	6/4/87	
48. Hiệp ước hợp tác khu vực về nghiên cứu, phát triển và đào tạo trong lĩnh vực khoa học kỹ nghệ hạt nhân.	6/9/87	

49. Công ước về thông báo nhanh chóng khi xảy ra sự cố hạt nhân.	9/15/87	Khoản 2 Điều 11
50. Công ước về giúp đỡ trong trường hợp có sự cố hạt nhân hoặc có tình trạng khẩn cấp về phóng xạ.	9/15/87	Khoản 2 Điều 13
51. Công ước Paris về bảo vệ di sản thế giới về văn hóa và thiên nhiên thông qua ngày 16/11/1972	10/6/87	
52. Công ước về quyền ưu đãi miễn trừ của LHQ được ĐHĐ LHQ thông qua ngày 13/2/1946	3/15/88	Tiết 30, Điều 8
53. Công ước về các vùng đầm lầy có tầm quan trọng quốc tế, đặc biệt là nơi trú ngụ của các loài chim nước thông qua ngày 2/2/1971 tại Ramsar (Iran).	8/22/88	
54. Hiệp định mạng lưới các trung tâm nuôi trồng thủy sản châu Á - Thái Bình Dương (NACA) thông qua ngày 8/1/1988 tại Băng Cốc.	1/10/89	
55. Văn kiện của ĐHĐ UPU lần thứ 21	10/30/89	
56. Công ước Liên minh Bưu chính thế giới (UPU), ký tại Hambourg 27/7/1984	10/30/89	
57. Nghị định thư thứ 3 bổ sung vào Hiến chương Liên minh Bưu chính thế giới ký tại ĐH lần thứ 19 ngày 27/7/1984.	10/30/89	
58. Văn kiện của ĐHĐ UPU lần thứ 21 (Hiệp định chuyển tiền)	10/30/89	
59. Thể lệ chung Liên minh Bưu chính thế giới (UPU) ký tại Hambourg ngày 27/7/1984	10/30/89	
60. Hiệp định Bưu kiện ký tại Hambourg ngày 27/7/1984	10/30/89	
61. Công ước của LHQ về quyền trẻ em do ĐHĐ LHQ thông qua ngày 20/11/1989.	2/20/90	
62. Công ước quốc tế 1973 về ngăn ngừa ô nhiễm biển do tàu gây ra.	11/10/90	Phục lục III, IV, V
63. Công ước quốc tế 1972 về tránh va chạm trên biển.	11/10/90	
64. Công ước quốc tế 1974 về an toàn sinh mạng trên biển.	11/10/90	
65. Công ước quốc tế 1966 về mạn khô tàu biển.	11/10/90	
66. Công ước quốc tế 1969 về đo dung tích tàu biển	11/10/90	
67. Công ước quốc tế 1978 về tiêu chuẩn đào tạo cấp bằng và trực ca đối với người đi biển.	11/10/90	
68. Nghị định thư 1978 của Công ước quốc tế 1973 về ngăn ngừa ô nhiễm biển do tàu gây ra.	2/8/91	

69. Hiệp định cả phê quốc tế năm 1983 và các điều kiện được qui định trong Nghị quyết 353 do Hội đồng Cà phê quốc tế thông qua ngày 28/9/1990.	2/24/91	
70. Hiệp ước Hữu nghị và Hợp tác ở Đông Nam Á ký tại Ba-li ngày 24/2/1976.	6/16/92	
71. Công ước Viên 1963 về quan hệ lãnh sự	8/12/92	Đ.35 (1) Đ.58 (1)
72. Nghị định thư của Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng người trên biển năm 1974 ký tại Luân Đôn 17/2/1978.	9/15/92	
73. Hiệp định về phiếu chuyển tiền bưu chính ký tại Oa-sinh-tơn ngày 14/12/1989 và Thể lệ thi hành Hiệp định về phiếu chuyển tiền bưu chính ký tại Oa-sinh-tơn 15/12/1989.	11/16/92	
74. Hiệp ước hợp tác về bằng sáng chế (PCT), làm tại Oa-sinh-tơn ngày 19/6/1970, bổ sung ngày 2/10/1970 và sửa đổi 3/2/1984.	11/17/92	
75. Công ước thành lập Hội đồng hợp tác hải quan ký tại Brussels ngày 15/12/1950.	6/8/93	
76. Công ước về buôn bán quốc tế các chủng loại động vật hoang đại có nguy cơ diệt chủng, ký tại Oa-sinh-tơn ngày 3/3/1973	12/31/93	
77. Công ước Viên 1985 về bảo vệ tầng ôzôn ký tại Viên ngày 22/3/1985.	1/7/94	
78. Nghị định thư Mông-tơ-rê-an về các chất làm suy giảm tầng ôzôn và các bổ sung Nghị định thư ký ngày 16/9/1987	1/7/94	
79. Công ước thành lập Tổ chức đảm bảo đầu tư đa biên (MIGA) ký tại Oa-sinh-tơn ngày 27/9/1993	1/27/94	
80. Hiệp định thành lập Trung tâm Phương Nam	7/12/94	
81. Công ước của LHQ về Luật Biển ký tại Mông-tê-gô-bay (Jamaica) ngày 10/12/1982	7/14/94	
82. Nghị định thư thứ 4 bổ sung vào Hiến chương của Liên minh Bưu chính thế giới ký tại Oa-sinh-tơn ngày 14/12/1989.	8/19/94	
83. Công ước số 5 của ILO về qui định tuổi tối thiểu của trẻ em được vào làm trong các công việc công	9/19/94	

nghiệp

- | | |
|--|----------|
| 84. Công ước số 6 của ILO về làm việc ban đêm của trẻ em trong công nghiệp. | 9/19/94 |
| 85. Công ước số 14 của ILO về áp dụng nghỉ hàng tuần trong các cơ sở công nghiệp | 9/19/94 |
| 86. Công ước số 27 của ILO về việc ghi trọng lượng trên các kiện hàng lớn chở bằng tàu. | 9/19/94 |
| 87 Công ước số 45 của ILO về sử dụng phụ nữ vào những công việc dưới mặt đất, trong hầm mỏ | 9/19/94 |
| 88. Công ước số 81 của ILO về thanh tra lao động trong công nghiệp và thương mại. | 9/19/94 |
| 90. Công ước số 116 của ILO về việc xem xét lại các điều khoản cuối cùng năm 1961 | 9/19/94 |
| 91. Công ước số 120 của ILO về vệ sinh trong thương mại và văn phòng | 9/19/94 |
| 92. Công ước số 123 của ILO về tuổi tối thiểu được làm những công việc dưới mặt đất, trong hầm mỏ | 9/19/94 |
| 93. Công ước số 124 của ILO về việc kiểm tra y tế cho thiếu niên làm việc dưới mặt đất, trong hầm mỏ | 9/19/94 |
| 94. Công ước số 155 của ILO về an toàn lao động, vệ sinh lao động và môi trường làm việc. | 9/19/94 |
| 95. Công ước quốc tế về đa dạng sinh học ký tại Rio de Janero (Braxin) ngày 5/6/1992. | 10/17/94 |
| 96. Công ước khung của LHQ về Biến đổi khí hậu ký tại New York ngày 9/5/1992 | 10/31/94 |
| 97. Tổ chức năng suất châu Á (APO) | 22/12/94 |
| 98. Hiệp định thành lập Trung tâm phát triển nghề cá Đông Nam Á ký tại Bangkok ngày 28/12/1967. | 4/8/95 |
| 99. Nghị định thư sửa đổi Hiệp định thành lập Trung tâm phát triển nghề cá Đông Nam Á ký tại Bangkok ngày 10/11/1994. | 4/8/95 |
| 100. Nghị định thư thứ nhất bổ sung Hiệp ước trên ký tại Manila tháng 12/1987. | 5/30/95 |
| 101. Công ước về công nhận và thi hành quyết định của trọng tài nước ngoài của LHQ, thông qua tại New York ngày 10/6/1958. | 8/15/95 |
| 102. Nghị định thư về việc sửa đổi Công ước Chi-ca-gô về | 1/6/96 |

- hàng không dân dụng quốc tế ký ngày 30/9/1977 tại Mông-tơ-rê-an
103. Nghị định thư thứ 5 bổ sung Hiến chương Liên minh Bưu chính thế giới ký tại ĐH lần thứ 21 tại Xê-un. 5/27/96
 104. Văn kiện của ĐHĐ UPU lần thứ 21 5/28/96
 105. Hiến chương, Công ước và Nghị định thư không bắt buộc của Liên minh Viễn thông Thế giới (ITU) Giơ-ne-vơ 1982 6/12/96
 106. Hiệp định về an toàn lương thực ASEAN ký tại New York ngày 01/11/1979. 6/14/96
 107. Hiệp định về hợp tác năng lượng ASEAN ký tại Manila ngày 10/6/1996. 6/20/96
 108. Hiệp định thành lập Trung tâm hỗ trợ năng lượng ASEAN ký tại Bangkok ngày 24/6/1996. 6/20/96
 109. Hiệp định về chương trình hợp tác công nghiệp ASEAN ký tại Xing-ga-po ngày 27/4/1996. 8/10/96
 110. Hiệp định về khuyến khích và bảo hộ đầu tư giữa các nước ASEAN ký tại Manila ngày 15/12/1987 8/16/96
 111. Nghị định thư sửa đổi Công ước về Hàng không dân dụng quốc tế (Điều 50a) ký tại Mông-tơ-rê-an ngày 26/10/1989 9/2/96
 112. Hiệp định cà phê quốc tế năm 1994 của Tổ chức cà phê quốc tế (ICO). 9/24/96
 113. Hiệp hội các nước sản xuất cao su thiên nhiên (ARNPC). 10/10/96
 114. Nghị định thư sửa đổi Điều 50 (a) và Điều 56 Công ước Chi-ca-gô về hàng không dân dụng quốc tế 11/2/96
 115. Hiệp ước Đông Nam Á không có vũ khí hạt nhân ký ngày 15/12/1995 11/5/96
 116. Sửa đổi Hiến chương APT thông qua tại Xri-lan-ca tháng 11/1991 12/9/96
 117. Hiệp định khung của ASEAN về sở hữu trí tuệ, ký tại Bangkok ngày 15/12/1995 1/22/97
 118. Hiệp định về công nhận bằng lái xe nội địa do các nước ASEAN cấp, ký tại Cua-la Lăm-pơ ngày 9/7/1985 1/22/97

119. Hiệp định về các phương tiện tìm kiếm và cứu hộ nạn nhân tàu biển ký tại Cua-la Lăm-pơ ngày 15/7/1975	2/20/97
120. Hiệp định về các phương tiện tìm kiếm và cứu hộ nạn nhân máy bay ký tại Xing-ga-po ngày 14/4/1972	2/20/97
121. Hiệp định khung của ASEAN về các loại dịch vụ, ký tại Bangkok ngày 15/12/1995.	2/20/97
122. Hiệp định sửa đổi, bổ sung của Tổ chức Thông tin vệ tinh quốc tế (INTELSAT)	3/21/97
123. Nghị định thư về cơ chế giải quyết tranh chấp ký tại Ma-ni-a ngày 20/11/1996	5/2/97
124. Thỏa thuận thành lập Viện Vác-xin quốc tế (kèm theo Hiến chương)	5/19/97
125. Công ước về công nhận quốc tế các quyền đối với tàu bay.	5/19/97
126. Công ước Kyoto về đơn giản hóa và hài hòa thủ tục hải quan	6/6/97
127. Hiệp định thành lập Ban thư ký ASEAN ký tại Bali ngày 24/2/1976 và các Nghị định thư bổ sung: Băng-cốc 27/2/1983; Cua-la Lăm-pơ, 9/7/1985; Ban-đa Xeri Be-ga-oan, 4/7/1989 và Ma-ni-la, 22/7/1992	7/3/97
128. Hiệp định thành lập Quỹ ASEAN, ký tại Băng cốc ngày 23/7/1994	7/3/97
129. Hiệp định về bảo tồn thiên nhiên và các nguồn tài nguyên thiên nhiên ký tại Cua-la Lăm-pơ, ký ngày 9/7/1985	7/3/97
130. Hiệp định thúc đẩy hợp tác trong truyền thông đại chúng và các hoạt động văn hóa ký tại Ca-mê-run ngày 17/12/1969	7/3/97
131. Hiệp định về hợp tác an ninh dầu mỏ ASEAN ký tại Ma-ni-la ngày 24/6/1986	7/3/97
132. Hiệp định ưu tiên các nhà thầu ASEAN khi lập danh sách dự thầu ngắn hạn ký tại Gia-các-ta ngày 20/10/1986	7/3/97
133. Nghị định thư sửa đổi Hiệp định về khuyến khích và bảo hộ đầu tư, ký ngày 12/12/1996	7/22/97
134. Nghị định thư sửa đổi thứ hai đối với Hiệp định về an toàn lương thực ASEAN, ký tại Xu-bang Giai-a ngày 23/7/1997	7/23/97

135. Nghị định thư sửa đổi các Hiệp định của ASEAN, ký tại Xu-bang Giai-a ngày 23/7/1997 7/23/97
136. Nghị định thư sửa đổi Hiệp định về hợp tác năng lượng ASEAN, ký tại Cua-la Lăm-pơ ngày 23/7/1997 7/23/97
137. Nghị định thư sửa đổi Hiệp định về thành lập Ban Thư ký ASEAN, Ký tại Xu-bang Giai-a ngày 23/7/1997 7/23/97
138. Công ước 100 của ILO về trả công bình đẳng giữa lao động nam và nữ cho một công việc có giá trị ngang nhau thông qua ngày 29/6/1951 9/12/97
139. Công ước 111 của ILO phân biệt đối xử trong việc làm và nghề nghiệp thông qua ngày 25/6/1958. 9/12/97
140. Công ước thống nhất về các chất ma túy năm 1961 (đã được sửa đổi theo Nghị định thư năm 1972 sửa đổi công ước tháng 1 về các chất ma túy) 9/30/97
141. Công ước về các chất hướng thần 9/30/97
142. Công ước của LHQ về chống buôn bán bất hợp pháp các chất ma túy và các chất hướng thần năm 1988 9/30/97
143. Thỏa thuận về thành lập Quỹ ASEAN, ký tại Cua-la Lăm-pơ ngày 15/12/1997 12/15/97
144. Nghị định thư về việc triển khai cam kết ban đầu theo Hiệp định khung ASEAN về dịch vụ, ký tại Cua-la Lăm-pơ ngày 15/12/1997 12/15/97
145. Thỏa thuận giữa các Bộ trưởng ASEAN trong lĩnh vực du lịch, ký tại Mác-tan, Xê-bu, Phi-líp-pin ngày 10/01/1998 1/10/98
146. Hiệp định thành lập Trung tâm khuyến khích ASEAN về thương mại, đầu tư và du lịch, ký giữa Nhật Bản và các nước thành viên ASEAN ngày 22/12/1980 2/12/98
147. Công ước quốc tế về Hệ thống điều hòa trong mô tả và mã hóa hàng hóa, làm tại Bruc-xen ngày 14/6/1983 3/16/98
148. Hiệp định Khai thác INMARSAT. 3/25/98
149. Công ước của tổ chức vệ tinh hàng hải quốc tế (INMARSAT), ký tại Luân-đôn ngày 03/9/1976. 3/25/98
150. Sửa đổi điều 16,17 và mục b của Điều 19 của IMO thông qua ngày 04/11/1993. 7/10/98
151. Công ước chống sa mạc hóa đối với các nước bị hạn hán và/hoặc bị sa mạc hóa, nhất là các nước châu Phi, thông qua tại Pa-ri ngày 17/6/1994 và ký tại Pa-ri 8/19/98

- ngày 14/10/1994
152. Công ước về cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ và sử dụng vũ khí hóa học và về phá hủy chúng 8/24/98
 153. Hiệp định công nhận lẫn nhau Giấy chứng nhận kiểm định kỹ thuật xe cơ giới thương mại do các nước ASEAN cấp, ký tại Xing-ga-po ngày 10/9/1998 10/17/98
 154. Tổ chức Kiểm tra nhà nước tại cảng biển của các nước trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương (TOKYO-MOU) ký tại Tô-ky-ô ngày 01/12/1993. 10/26/98
 155. Hiệp định khung ASEAN về các thỏa thuận công nhận lẫn nhau, ký tại Hà Nội ngày 16/12/1998 12/16/98
 156. Nghị định thư thực hiện cam kết giai đoạn II trong khuôn khổ Hiệp định khung về dịch vụ ASEAN ký ngày 16/12/1998 12/16/98
 157. Nghị định thư sửa đổi Công ước về Hàng không dân dụng quốc tế (Điều 93bis) ký tại Mông-tơ-rê-an ngày 27/5/1997 1/9/99
 158. Nghị định thư sửa đổi Công ước về Hàng không dân dụng quốc tế (Điều 45) ký tại Mông-tơ-rê-an ngày 14/6/1954 1/9/99
 159. Nghị định thư sửa đổi Công ước về Hàng không dân dụng quốc tế (Điều 48a, 49e) ký tại Mông-tơ-rê-an ngày 14/6/1954 1/9/99
 160. Nghị định thư sửa đổi Công ước về Hàng không dân dụng quốc tế (Điều 48a) ký tại Rôm ngày 15/9/1962 1/9/99
 161. Nghị định thư sửa đổi Công ước về Hàng không dân dụng quốc tế (Điều 3bis) ký tại Mông-tơ-rê-an ngày 10/3/1984 1/9/99
 162. Hiệp định khung ASEAN về các thỏa thuận công nhận lẫn nhau ký tại Hà Nội ngày 16/02/1999 2/16/99
 163. Hiệp định khung ASEAN về tạo điều kiện thuận lợi cho hàng hóa quá cảnh ký tại Hà Nội ngày 16/02/1999 2/16/99
 164. Nghị định thư thực hiện cam kết giai đoạn II trong khuôn khổ Hiệp định khung về dịch vụ ASEAN ký tại Hà Nội ngày 16/12/1998 3/15/99
 165. Hiệp định khung về khu vực đầu tư ASEAN ký ngày 07/10/1998 3/19/99

166. Nghị định thư thứ hai bổ sung Hiệp ước Hữu nghị và Hợp tác ở Đông Nam Á, ký tại Manila (Phi-lip-pin) ngày 25/7/1998 4/8/99
167. Sửa đổi Điều 7 Điều lệ Tổ chức Y tế thế giới thông qua ngày 20/5/1965 5/18/99
168. Sửa đổi Điều 74 Điều lệ Tổ chức Y tế thế giới thông qua ngày 18/5/1978 5/18/99
169. Sửa đổi Điều 24 và 25 Điều lệ Tổ chức Y tế thế giới thông qua ngày 16/5/1998 5/18/99
170. Hiệp định khung ASEAN về khu vực đầu tư, ký tại Ma-ka-ti (Phi-lip-pin) ngày 7/10/1998 5/19/99
171. Sửa đổi Điều lệ Quỹ Tiền tệ quốc tế lần thứ tư (Phần 1, Điều XV và bổ sung thêm Phụ lục M về quyền rút vốn đặc biệt), theo Nghị quyết số 52-4 của Hội đồng IMF ngày 23/9/1997 6/14/99
172. Hiệp định khung ASEAN về tạo điều kiện thuận lợi cho hàng quá cảnh ký tại Hà Nội ngày 16/12/1998 6/24/99
173. Thỏa thuận về hợp tác của ASEAN trong Dự án thúc đẩy sản phẩm nông nghiệp và rừng 10/28/99
174. Nghị định thư số 3 của ASEAN về chủng loại và số lượng xe cơ giới ký ngày 13/9/1999 11/13/99
175. Nghị định thư số 4 của ASEAN về những yêu cầu kỹ thuật xe cơ giới ký ngày 15/9/1999 11/13/99
176. Nghị định thư về Thỏa thuận đặc biệt đối với các sản phẩm nhạy cảm và nhạy cảm cao ký tại Xinh-ga-po ngày 30/9/1999 11/19/99
177. Nghị định thư về giá trị pháp lý của văn bản Công ước Hàng không dân dụng quốc tế bằng 4 thứ tiếng ký tại Mông-tơ-rê-an ngày 30/9/1977 12/21/99
178. Nghị định thư về giá trị pháp lý của văn bản Công ước về Hàng không dân dụng quốc tế bằng 5 thứ tiếng ký tại Mông-tơ-rê-an ngày 29/9/1995 12/21/99
179. Nghị định thư sửa đổi Công ước về Hàng không dân dụng quốc tế (văn bản tiếng A-rập) ký tại Mông-tơ-rê-an ngày 01/10/1998 12/22/99
180. Hiệp định thành lập Trung tâm năng lượng ASEAN ký ngày 22/3/1998 1/30/00

- | | |
|--|---------|
| 181. Hiến chương Trung tâm Phát triển châu Á - Thái Bình Dương sửa đổi (APDC) năm 1999 | 4/26/00 |
| 182. Hiệp định cà phê quốc tế gia hạn của Tổ chức cà phê quốc tế | 7/7/00 |
| 183. Hiệp định về hoạt động của Ủy ban sông Mê-công ký tại Nông-pênh ngày 26/4/2000 | 7/18/00 |
| 184. Hiệp định Đường Quốc tế 1992 | 8/4/00 |

Chịu trách nhiệm nội dung:

TS. NGUYỄN VĂN HÒA

Biên tập:

TỔ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

PHÒNG KHẢO THÍ - ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC